



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020

CON ĐƯỜNG DGO

Con đường tích sản tài chính và an tâm đầu tư



MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
2. Các điểm sáng của VNDIRECT trong năm 2020

II. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. Thông tin chung VNDIRECT
2. Chặng đường phát triển
3. Danh hiệu và giải thưởng
4. Ngành nghề kinh doanh
5. Mạng lưới hoạt động
6. Mô hình tổ chức
7. Thông tin cổ đông
8. Tầm nhìn - sứ mệnh - năng lực và giá trị cốt lõi
9. Mô hình Hoạt động kinh doanh
10. Sản phẩm dịch vụ

III. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2020 & TRIỂN VỌNG 2021

1. Tình hình kinh tế vĩ mô 2020:
Việt Nam lội ngược dòng ngoạn mục
2. Toàn cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020: “Thép đã tôi thế đấy”
3. Triển vọng kinh tế vĩ mô 2021:
Việt Nam phục hồi vững chắc trong năm 2021
4. Triển vọng Thị trường chứng khoán 2021:
Sẵn sàng cất cánh

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VNDIRECT 2020

1. Mạng Khách hàng cá nhân
2. Mạng Khách hàng doanh nghiệp
3. Mạng Khách hàng định chế tài chính
4. Mạng Kinh doanh trên thị trường vốn
5. Quản lý quỹ
6. Chi phí quản lý

V. HOẠT ĐỘNG KHỐI HỖ TRỢ

1. Hoạt động vận hành kinh doanh và năng lực số hóa
2. Hoạt động phát triển năng lực công nghệ
3. Quản trị rủi ro

VI. BẢO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Với Cổ đông và Nhà đầu tư
2. Với Người lao động
3. Với khách hàng
4. Với Thị trường chứng khoán và cộng đồng đầu tư
5. Với Cơ quan quản lý
6. Với Xã hội

VII. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị
2. Báo cáo của Ban kiểm soát
3. Thông tin và giao dịch cổ phiếu

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



01. MỞ ĐẦU

01. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

02. CÁC ĐIỂM SÁNG CỦA VNDIRECT TRONG NĂM 2020

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông

Con đường sự nghiệp của VNDIRECT đã bước sang năm thứ 15 kể từ ngày thành lập. Từ một công ty chứng khoán với định vị là công ty có giao dịch trực tuyến đầu tiên ở Việt Nam với khẩu hiệu “Go Online – Go Direct”, VNDIRECT đã từng bước xây dựng được nền tảng hoạt động của một định chế tài chính trung gian và cung cấp đầy đủ các dịch vụ bắt đầu từ dịch vụ giao dịch chứng khoán, đến dịch vụ đầu tư và quản lý tài sản, dịch vụ tài chính doanh nghiệp và hoạt động ngân hàng đầu tư. Dựa trên ba năng lực cốt lõi là Công nghệ, Con người và Chuỗi Giá trị hướng tới khách hàng, VNDIRECT đã dần tạo lập được mô hình kinh doanh mới, chuyển đổi từ mô hình Giao dịch chứng khoán (Product Centric) sang mô hình dịch vụ tài chính toàn diện lấy khách hàng làm trung tâm (Customer Centric).

Với phương châm Hội tụ trí tuệ - Lan tỏa thành công (Wisdom to Success) và sứ mệnh kiến tạo con đường Sức khỏe tài chính và An tâm đầu tư cho mọi khách hàng, VNDIRECT đã từng bước hoàn thiện được năng lực tổ chức và mở rộng điều kiện kinh doanh mới, đáp ứng được nhu cầu dịch vụ đầu tư tài chính ngày càng gia tăng ở Việt Nam, từ đối tượng khách hàng trẻ của thế hệ số đã có cơ hội tích lũy tài sản đến các khách hàng tích lũy truyền thống đang tìm kiếm sự chuyển dịch tài sản trong môi trường lãi suất đi xuống, hay các doanh nghiệp đang cần tìm kênh dẫn vốn cho mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư. Những thay đổi mới đã giúp VNDIRECT xây dựng được một con đường phát triển bền vững và không bị giới hạn bởi điều kiện thị trường. Thách thức lớn nhất của VNDIRECT là có thể xây dựng được một nơi làm việc mà ở đó thu hút được những người mong muốn làm nghề chân chính, có phẩm chất và cốt cách, xây dựng được niềm tin và mối quan hệ đồng hành với mọi khách hàng và một nền tảng mở để có thể kết nối với các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính đầy đủ.

Trong 15 năm qua, VNDIRECT đã dần tích lũy được trí tuệ tập thể và năng lực cung cấp sản phẩm dịch vụ và kinh doanh trên thị trường vốn, cùng trưởng thành với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Những giá trị hiểu biết của những người làm nghề tài chính, từ các thành viên Hội đồng quản trị, đến Ban lãnh đạo điều hành và đội ngũ chuyên gia cao cấp, đội ngũ kinh doanh, đã giúp VNDIRECT luôn thích ứng với các điều kiện mới của thị trường, có năng lực tiên phong giải quyết các bài toán mới, đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Sự thấu hiểu ngành và thấu hiểu nghề của toàn bộ đội ngũ VNDIRECT đã làm nên một sức mạnh tổ chức, giúp Công ty có điều kiện liên tục làm mới năng lực kinh doanh và có được sự tin cậy lựa chọn của khách hàng. Hơn bao giờ hết, thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước một cơ hội tăng trưởng bền vững mới, khi các doanh nghiệp đã trải qua một quá trình tích lũy tư bản, đủ điều kiện tài chính và điều kiện kinh doanh để đón nhận cơ hội của một nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao nhất trong khu vực. Các doanh nghiệp Việt Nam đang có thêm cơ hội tiếp



cận nguồn vốn rẻ, và sự nhận diện về Việt Nam trên bản đồ kinh tế thế giới đã thay đổi hoàn toàn, các định hướng kinh tế chính trị của chính phủ rất thuận lợi cho việc cải thiện hạ tầng cơ sở, hành lang pháp lý của một nền kinh tế thị trường và sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Bên cạnh đó, xu thế lãi suất tiết kiệm ngày càng thấp, khiến nhu cầu đầu tư tài chính trở thành một nhu cầu thiết yếu, khách hàng cũng dần làm quen với các công cụ đầu tư tài chính an toàn, thay cho sự lựa chọn tiền gửi tiết kiệm. Cùng với sự tiến bộ về công nghệ cho phép các công ty mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng với chi phí thấp hơn nhiều so với trước đây.

Các điều kiện vĩ mô của kinh tế Việt Nam, và sự thay đổi điều kiện thị trường mở ra cho VNDIRECT rất nhiều cơ hội kinh doanh mới, và Công ty cũng đã kiến tạo được các tiền đề trong những năm qua để có thể đón nhận và tăng trưởng bền vững.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị cùng toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên VNDIRECT, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng của các Quý vị cổ đông và chúng tôi cam kết sẽ luôn phấn đấu học hỏi, hoàn thiện bản thân để có thể đóng góp tốt nhất cho sự phát triển sự nghiệp chung của VNDIRECT, mang lại giá trị tốt nhất cho các Khách hàng, cho cộng đồng và cho cổ đông.

Kính thư!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Minh Hương

CÁC ĐIỂM SÁNG CỦA VNDIRECT TRONG NĂM 2020

- Ra mắt DGO - Con đường Tích sản tài chính - An tâm đầu tư & Sản phẩm Tích sản hưu trí DLIFE

Sau hơn 14 năm thành lập, VNDIRECT đã có Con đường DGO – Con đường Tích sản tài chính và An tâm đầu tư, hướng đi mới của VNDIRECT trong chặng đường phát triển tiếp theo. Với các lựa chọn chiến lược quản lý tài sản đa dạng trên con đường DGO và hệ sinh thái sản phẩm của tháp tài sản, việc đầu tư đã trở nên cực kỳ đơn giản và có thể tiếp cận với tất cả mọi nhà đầu tư. Sản phẩm tích sản hưu trí DLIFE là một trong những sản phẩm trong tháp tài sản được chính thức ra mắt vào đầu tháng 4/2020. Sản phẩm hỗ trợ khách hàng thiết lập kỷ luật tích lũy đầu tư, tạo thu nhập đảm bảo cuộc sống tương lai khi về già và xây dựng sức khỏe tài chính bền vững.

- Ra mắt các nền tảng công nghệ, dịch vụ mới phục vụ chiến lược quản lý tài sản: eKYC, DSTOCK CENTER, luồng mở tài khoản DGO cho nhà đầu tư

Đồng hành cùng chiến lược “Quản lý tài sản” của VNDIRECT, chúng tôi ra mắt các nền tảng công nghệ & dịch vụ eKYC, DSTOCK CENTER, luồng mở tài khoản DGO nhằm phục vụ khách hàng một cách toàn diện. Tháng 8/2020, VNDIRECT là công ty tiên phong trong ngành chứng khoán đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến, áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Ngay sau đó, DSTOCK chính thức ra mắt vào ngày 19/11/2020 với vai trò cổng thông tin thị trường và cổ phiếu giúp nhà đầu tư nắm bắt nhịp đập của thị trường và hiện diện binh quân 7.500 người sử dụng với 27.000 lượt truy cập hàng ngày. Cùng với chiến lược quản lý tài sản, luồng nghiệp vụ mở tài khoản DGO trên nền tảng DSB đã được kiến thiết và hoàn thiện vào ngày 31/12/2020.

- Nền tảng khách hàng tăng trưởng mạnh mẽ

Năm 2020, VNDIRECT tiếp tục chinh phục được sự tin cậy của khách hàng với những thời điểm chúng tôi chiếm tới 57% tổng số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường. Kết thúc năm 2020, VNDIRECT thu hút trên 120.000 tài khoản mở mới, chiếm 30% tổng số lượng tài khoản mở mới của toàn thị trường. Việc số

hóa được quy trình mở tài khoản, đào tạo định hướng khách hàng theo luồng DGO đã giúp khách hàng kiến tạo năng lực đầu tư tài chính, xây dựng danh mục tài sản bền vững và quản lý tài sản hiệu quả sau đầu tư.

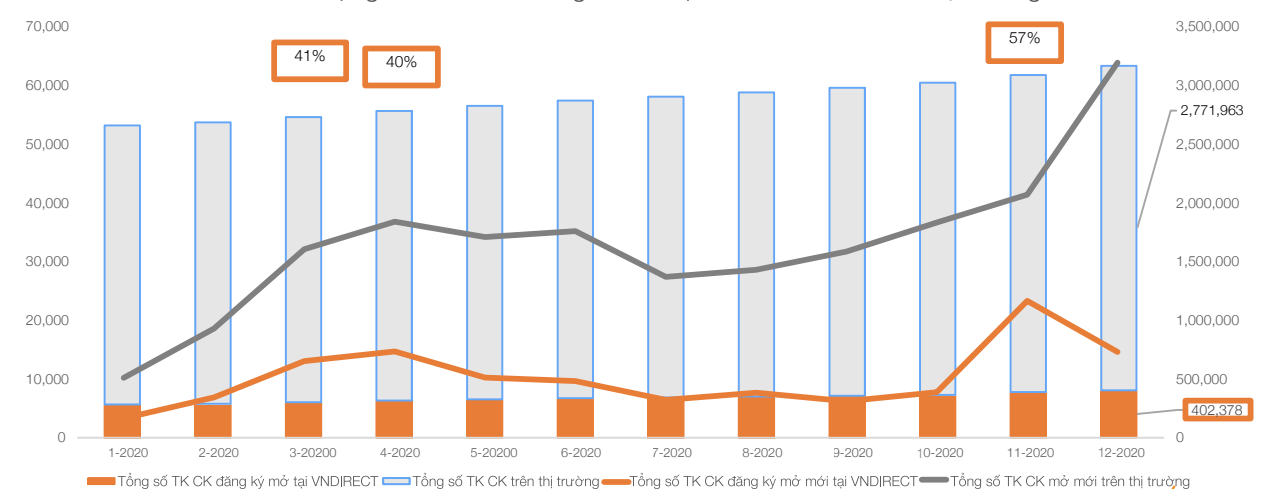
- Lan tỏa DGO đến 12.000 nhà đầu tư

Với mong muốn lan tỏa tri thức đầu tư đến với tất cả mọi người, khẳng định đầu tư là kỹ năng sống thiết yếu của mỗi người trong thời đại mới, năm 2020, VNDIRECT đã triển khai thành công 160 chương trình đào tạo, chia sẻ dưới cả hình thức offline và trực tuyến, thu hút sự quan tâm tham gia của trên 12.000 nhà đầu tư. Các chương trình với đa dạng chủ đề và hình thức, bao gồm chương trình chia sẻ “Con đường hướng tới sức khỏe tài chính & an tâm đầu tư: DGO & Tháp tài sản”, Khóa học “Nền tảng chứng khoán chuyên nghiệp”, Khóa học “DTRADE – Hành trang trở thành nhà giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp”, Khóa học “DSTOCK – Trí tuệ đầu tư cổ phiếu”, Hội thảo Bàn tròn chuyên gia hay chuỗi hội thảo “Tài chính thông minh tuổi 20” dành cho sinh viên tại các trường đại học.

- Cung cấp sản phẩm cho nền tảng đầu tư tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng thông qua các thương vụ hợp tác trên thị trường vốn

Năm 2020, VNDIRECT tư vấn phát hành thành công trên 50.000 tỷ trái phiếu trong đó thương vụ phát hành lớn nhất có giá trị 9.400 tỷ đồng trái phiếu Vietinbank. VNDIRECT cũng đã thu xếp thành công nguồn vốn cho Công ty Cổ phần Chăm sóc sức khỏe Kim (Kim Dental) thông qua một khoản vay bắc cầu với hạn mức lên đến 142 tỷ đồng nhằm xử lý hoàn hảo cấu trúc sở hữu của Kim Dental với các cổ đông nước ngoài trước vòng gọi vốn Series B vào tháng 11/2020. Đồng thời, chúng tôi cung cấp dịch vụ tạo thanh khoản và nền tảng giao dịch cho nhà đầu tư trên thị trường thứ cấp. Cuối năm 2020, VNDIRECT đã hoàn tất thành công thương vụ thoái vốn có giá trị giao dịch lớn thứ 3 thị trường trong nhóm các quỹ đầu tư chứng khoán vào Việt Nam trong năm 2020. Thương vụ thoái vốn này thuộc về Vietnam Investments Group (VIG) tại CTCP Gemadept với giá trị giao dịch đạt 70 triệu USD.

Số lượng Tài khoản Chứng khoán tại VNDIRECT và trên thị trường

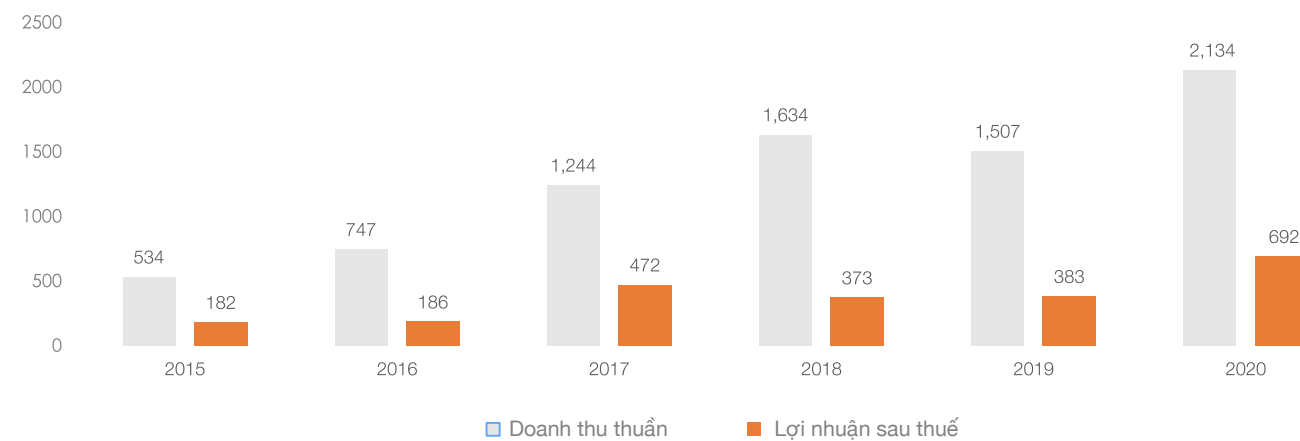


CÁC ĐIỂM SÁNG CỦA VNDIRECT TRONG NĂM 2020

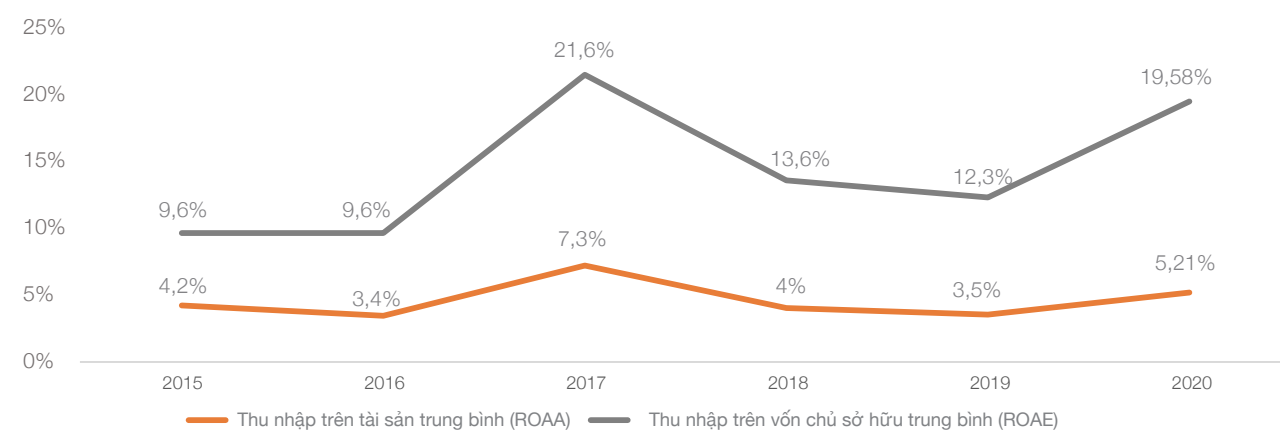
- Tăng trưởng quy mô Công ty cùng kết quả kinh doanh khả quan

1. Kết quả kinh doanh	2020	2019	2018	2017	2016	2015
Doanh thu thuần	2134	1507	1634	1244	747	534
Chi phí hoạt động	543	741	891	414	315	143
Lợi nhuận trước thuế	862	480	438	571	227	227
Lợi nhuận sau thuế	692	383	373	472	186	182
2. Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	14,976	11,577	10,535	8,051	5,174	5,758
Vốn hóa chủ sở hữu	3,819	3,249	2,983	2,507	1,948	1,935
Vốn điều lệ	2,204	2,204	2,204	1,550	1,550	1,550
3. Các chỉ tiêu tài chính						
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	5,21%	3,50%	4,00%	7,30%	3,40%	4,20%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu trung bình (ROAE)	19,58%	12,30%	13,60%	21,60%	9,60%	9,60%
4. Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu lưu hành cuối kỳ (cổ phiếu)	208,565,361	208,565,361	208,565,480	150,997,785	147,539,485	154,997,785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,322	1,173	1,202	3,103	1,693	1,734
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu	18,312	12,487	12,570	16,231	13,532	14,735
Cổ tức (VND/ cổ phiếu)	500	500	1,000		500	500
Giá thị trường thời điểm cuối năm (giá điều chỉnh)	30,000	14,400	15,890	19,040	9,450	8,390
5. Vốn hóa	6,257	3,003	3,314	2,875	1,394	1,300

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ (tỷ đồng)



ROAA & ROAE





02. TỔNG QUAN VNDIRECT

01. THÔNG TIN VNDIRECT

02. CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

03. DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

04. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

05. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

06. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

07. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

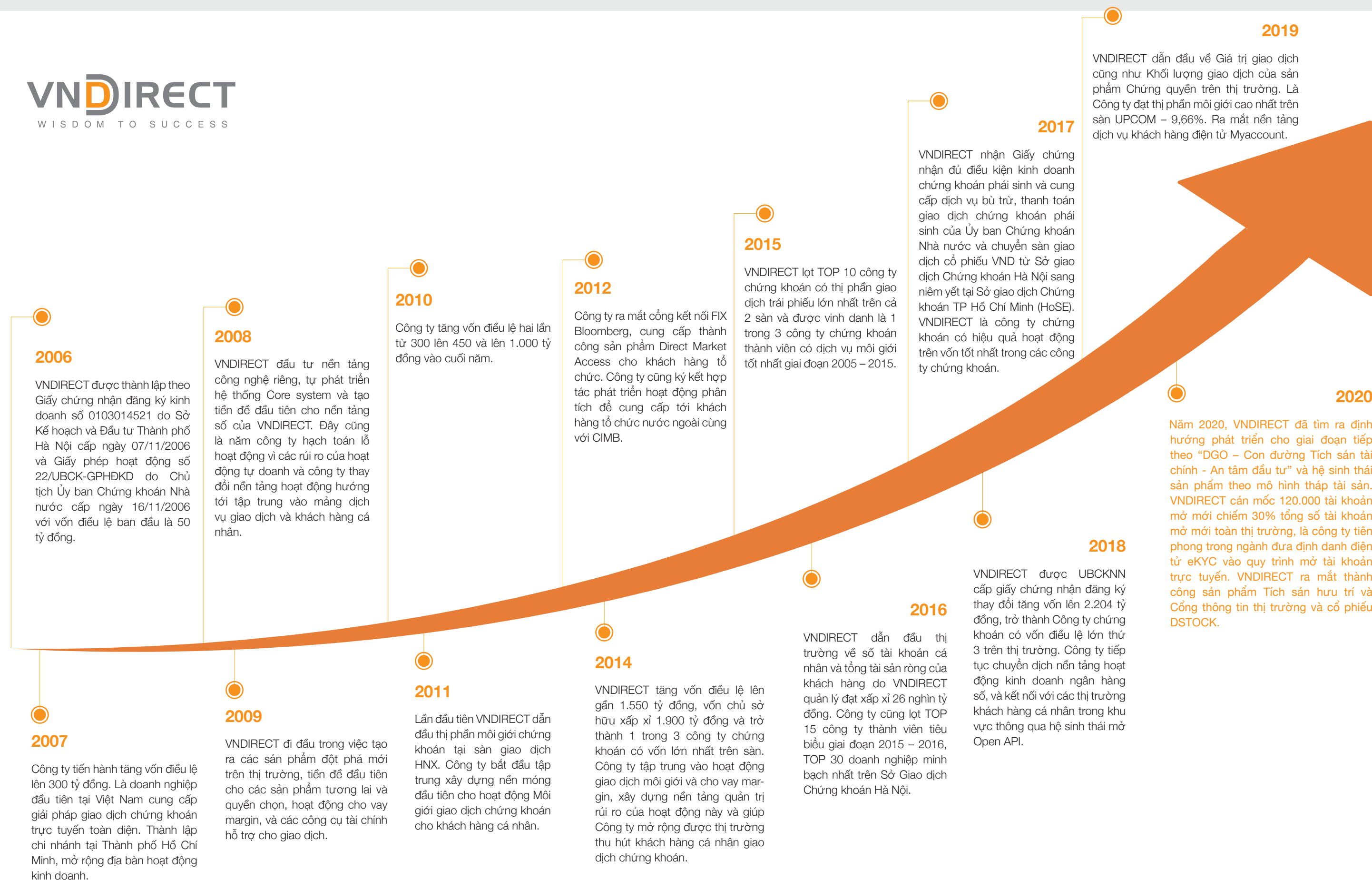
08. TẦM NHÌN SỨ MỆNH NĂNG LỰC
VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

09. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10. SẢN PHẨM DỊCH VỤ



Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Tên viết tắt:	VNDIRECT
Mã chứng khoán:	VND
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006
Giấy phép HĐKD chứng khoán:	Số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16/11/2006 và các Giấy phép điều chỉnh số: số 101/UBCK-GP ngày 31/12/2007; số 307/UBCK-GP ngày 03/03/2010; số 344/UBCK-GP ngày 20/08/2010; số 118/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2012; số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/02/2015; số 14/GPĐC-UBCK ngày 01/06/2016; số 57/GPĐC-UBCK ngày 15/12/2017; số 38/GPĐC-UBCK ngày 01/06/2018; số 31/GPĐC-UBCK ngày 22/05/2019.
Vốn điều lệ:	2.204.301.690.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm linh bốn tỷ, ba trăm linh một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	+ (84 24) 3972 4568
Số fax:	+ (84 24) 3972 4600
Website:	www.VNDIRECT.com.vn
Logo:	
Đại diện theo pháp luật:	Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Vũ Nam Hương – Giám đốc Tài chính



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



Giải thưởng Dịch vụ Tài chính tiêu biểu – Financial Services Awards 2020 do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) tổ chức

- Công ty Chứng khoán có ứng dụng Công nghệ Thông tin tiêu biểu
- Công ty Chứng khoán được khách hàng hài lòng nhất



Giải thưởng trao tặng bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Top 3 CTCK có thị phần giao dịch Cổ phiếu lớn nhất trên HNX năm 2020
- Top 3 CTCK có thị phần giao dịch Chứng khoán Phái sinh lớn nhất trên HNX năm 2020

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Môi giới**
- Mở tài khoản giao dịch
 - Môi giới chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
 - Tư vấn & quản lý tài khoản
 - Quản lý giao dịch tiền
 - Lưu ký
 - Phân phối chứng chỉ quỹ
 - Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
 - Quản lý ủy thác
 - Đại lý đấu giá IPO
 - Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

- Tài chính**
- Cho vay ký quỹ
 - Ứng trước tiền bán chứng khoán
 - Cầm cố chứng khoán
 - Repo trái phiếu

- Giao dịch điện tử**
- Web trading
 - Mobile trading
 - DMA
 - FIX
 - Contact Center

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Đầu tư tự doanh**
- Cổ phiếu
 - Trái phiếu
 - Chứng chỉ quỹ
 - Phái sinh
 - Chứng quyền có bảo đảm

Tạo lập thị trường

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Dịch vụ thị trường vốn – ECM
- Dịch vụ thị trường nợ - DCM
- Dịch vụ tư vấn M&A
- Dịch vụ tư vấn Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư
- Dịch vụ tư vấn tài chính Doanh nghiệp

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

- Báo cáo phân tích
- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu Hỗ trợ khách hàng
- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài



MIỀN BẮC

Trụ sở chính – Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024 3972 4568

Phòng Giao dịch Lê Văn Lương – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Đào Duy Anh – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 1 & 2, Số 29 – 31 Đường 25/4, Phường Hồng Gai, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định

Địa chỉ: Số 5, Tổ 13, đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định
Điện thoại: 022 8352 8819

MIỀN TRUNG

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 382 1111

Chi nhánh Vinh

Địa chỉ: Số 354B đường Nguyễn Văn Cừ, Khối Hưng Phúc, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238 868 8466

MIỀN NAM

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Phòng Giao dịch Sala – Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 151 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 222 2659 - 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ PHẠM MINH HƯƠNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên:	PHẠM MINH HƯƠNG
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thời điểm được bổ nhiệm:	Tháng 12/2006
Ngày, tháng, năm sinh:	17/06/1966
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	6.414.459 cổ phần tương ứng với 2,91%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ hệ thống thông tin Đại học Bách khoa Kiev – Liên xô (cũ)

Quá trình công tác:	
04/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2006 - 2010	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2003 - 2005	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
1995 - 2002	Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI
1993 - 1994	Giám đốc kinh doanh tiền tệ và thị trường tài chính - Ngân hàng Citibank
1993 - 1994	Chuyên gia đào tạo – Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông

Thành tựu nổi bật:

Bà Phạm Minh Hương có trên 25 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Bà từng là một trong những thành viên đầu tiên đóng góp vào sự phát triển hoạt động của Ngân hàng Citibank N.A ở Việt nam. Với cương vị Giám đốc kinh doanh vốn và tài chính – Country Treasurer trong 9 năm hoạt động ở Citibank, Bà Hương đã xây dựng được kinh nghiệm hoạt động trên thị trường tiền tệ và mối quan hệ kinh doanh với hệ thống tài chính ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về quản trị kinh doanh trong một tổ chức tài chính ngân hàng hàng đầu ở thế giới. Với kinh nghiệm kinh doanh ở Citibank, Bà đã đóng góp rất lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI, từ một công ty hoạt động môi giới với quy mô vốn 20 tỷ đồng trở thành một trong những định chế tài chính lớn nhất ở Việt Nam. Vừa với vai trò là cổ đông lớn và vai trò tổng giám đốc công ty, Bà đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm để làm nền tảng thành lập Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Mang khát vọng xây một công ty công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, Bà Hương đã giành rất nhiều thời gian và tâm sức để xây dựng nền tảng hoạt động của VNDIRECT thành một công ty chứng khoán có dịch vụ khách hàng cá nhân uy tín nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay. Không chỉ là một nhà đầu tư chuyên nghiệp, Bà còn là một nhà lãnh đạo quản trị doanh nghiệp hiện đại và là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính - ngân hàng. Dưới sự lãnh đạo của Bà, VNDIRECT thực sự đã được thử thách qua khá nhiều những thăng trầm kinh doanh của một thị trường non trẻ như Việt Nam. Bà cũng là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa và là người tiên phong trong việc đưa sản phẩm mới tới thị trường. Sự đóng góp của Bà với cộng đồng chứng khoán có sức ảnh hưởng rất lớn và uy tín hoạt động cá nhân đã giúp cho Bà luôn là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn trên thị trường tài chính Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG VŨ HIỀN – PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên:	VŨ HIỀN
Chức vụ hiện nay:	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Điều hành)
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2009
Ngày, tháng, năm sinh:	15/10/1962
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	180 cổ phần tương ứng với 0,00008%
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hàng hải – Đại học Hàng hải Việt Nam

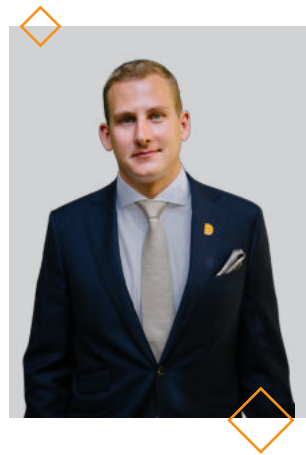
Quá trình công tác:	
2009 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
2007 - nay	Sáng lập viên, Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A và thành viên HĐQT của nhiều công ty đầu tư mà IPA nắm giữ
1998 - 2006	Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa VTS
1996 - 1998	Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Vận tải biển Vũng Tàu Chi nhánh Hà Nội
1989 - 1995	Công ty Vận tải biển Ngoại thương
1985 - 1989	Công ty Vận tải biển Hà Nội

Thành tựu nổi bật:

Ông Hiền là một doanh nhân có nguyên tắc làm việc rất thận trọng và kỷ luật. Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại, Ông Hiền đã mở rộng lĩnh vực hoạt động sang đầu tư và lãnh đạo IPA Investments thành một tập đoàn đầu tư đa lĩnh vực bao gồm năng lượng, thực phẩm, dược, bất động sản và tài chính. Ông cũng là một doanh nhân có rất nhiều đóng góp trong công tác xã hội tạo thêm giá trị nhân văn và môi trường lành mạnh cho cộng đồng.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PEKKA MIKAEL NASTAMO - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên:	PEKKA MIKAEL NASTAMO
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị (Độc lập)
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2019
Ngày, tháng, năm sinh:	26/2/1988
Quốc tịch:	Phần Lan
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	1.150 cổ phần tương ứng với 0,00052%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Khoa học tự nhiên
Quá trình công tác:	
12/2014 – nay	Giám đốc điều hành Wipunen Asia Capital Pte. Ltd.
05/2010 - 11/2014	Chuyên viên phân tích đầu tư WIP Asset Management Ltd.
Thành tựu nổi bật:	
Ông Pekka Mikael Nastamo có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài sản và hiện là Giám đốc điều hành của Quỹ Wipunen Asia Capital, được thành lập tại Singapore từ năm 2014.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM LÊ NHẬT QUANG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên:	PHẠM LÊ NHẬT QUANG
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị (Độc lập)
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2016
Ngày, tháng, năm sinh:	04/11/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh
Quá trình công tác:	
2016 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán VNDIRECT
10/2016 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VietWash
2015 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Beta Media
2014 - 2015	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Hòa Cầm
2011 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vietnam Foods
2007 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP QSR Vietnam
2005 - 2007	Chuyên viên môi giới, CTCP Chứng khoán Mê Kông
Thành tựu nổi bật:	
Ông Quang đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính và chứng khoán và hiện có vai trò giám sát và tham mưu chiến lược phát triển trung dài hạn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.	

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ NGỌC QUỲNH – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM (QUYỀN) TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ tên:	ĐỖ NGỌC QUỲNH
Chức vụ hiện nay:	(Quyền) Tổng Giám Đốc
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2020
Ngày, tháng, năm sinh:	02/09/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:	
2020 - nay	Quyền Tổng Giám Đốc – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2009 - nay	Tổng thư ký Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam - VBMA
2011 – 2019	Giám đốc Ban Kinh doanh vốn và tiền tệ, hội sở chính BIDV
2008 - 2018	Giám đốc BIDV International HongKong
2006 - 2010	Phó giám đốc Ban Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, hội sở chính BIDV
2002 – 2005	Trưởng phòng Kinh doanh tiền tệ, hội sở chính BIDV
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng, Hội sở chính BIDV

Thành tựu nổi bật:

- Ông Quỳnh có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và là người gắn bó với thị trường trái phiếu tại Việt Nam từ những ngày đầu phát triển.
- Trong giai đoạn ông Quỳnh công tác tại BIDV, hoạt động kinh doanh vốn và tiền tệ của BIDV đã có nhiều bước phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả toàn diện về cả tầm nhìn, chiến lược hoạt động, mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, trình độ công nghệ, chính sách quản lý, phát triển sản phẩm, thị trường, khách hàng... và luôn là ngân hàng nằm trong danh sách các định chế dẫn đầu thị trường về các hoạt động kinh doanh ngoại hối, tiền gửi liên ngân hàng, kinh doanh trái phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu, các sản phẩm phái sinh tài chính, các sản phẩm phái sinh về giá cả hàng hoá với nhiều giải thưởng từ các tổ chức quốc tế như Asiamoney, Asia Risks, Global Banking and Finance ...và nhiều bằng khen từ Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, Hiệp hội thị trường...
- Là một trong các sáng lập viên đầu tiên của Diễn đàn thị trường trái phiếu Việt Nam từ năm 2006 và Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) từ năm 2009.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC

BAN KIỂM SOÁT



BÀ HOÀNG THÚY NGA – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ tên:	HOÀNG THÚY NGA
Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2012
Ngày, tháng, năm sinh:	17/10/1977
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Tài chính ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác:	
2012 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2010 - nay	Trưởng phòng tư vấn và phát triển sản phẩm – Công ty CP Giải pháp phần mềm Tài chính
2007 - 2009	Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2006	Kế toán trưởng - Công ty CP Tập đoàn I.P.A
2005 - 2006	Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn
1999 - 2004	Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư XNK Quảng Ninh
Thành tựu nổi bật:	
- Nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT trong thời kỳ đầu thành lập. 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và tái cấu trúc Doanh nghiệp.	



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HẠNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ tên:	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2015
Ngày, tháng, năm sinh:	24/03/1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán tổng hợp – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác:	
2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2010 - nay	Nhân viên kế toán – Công ty CP Tập đoàn đầu tư I.P.A
2009 - 2010	Nhân viên kế toán – Công ty CP Dịch vụ hậu cần VTS
Thành tựu nổi bật:	
Hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán ở các doanh nghiệp lớn. Giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh của VNDIRECT.	



BÀ HUỖNH THANH BÌNH MINH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ tên:	HUỖNH THANH BÌNH MINH
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2012
Ngày, tháng, năm sinh:	04/11/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế - Chương trình Cao học Erasmus Mundus do Ủy Ban Châu Âu tài trợ
Quá trình công tác:	
2012 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2015 - nay	Phó Giám đốc – Công ty TNHH Thương mại Vistar
2007 - 2014	Chuyên viên đầu tư – Quỹ Đầu tư Vietnam Investments Group
2005 - 2006	Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng Á Châu
Thành tựu nổi bật:	
- Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. - Giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh của VNDIRECT.	

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG ĐỖ NGỌC QUỲNH – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM (QUYỀN) TỔNG GIÁM ĐỐC:

(Xem thông tin chi tiết tại Phần Hội đồng Quản trị)



BÀ VŨ NAM HƯƠNG – GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Họ tên:	VŨ NAM HƯƠNG
Chức vụ hiện nay:	Giám đốc Tài chính
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2017
Ngày, tháng, năm sinh:	21/12/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	130.000 cổ phần tương ứng với 0,059%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Ngân hàng Tài chính

Quá trình công tác:	
2017 - nay	Giám đốc Tài chính – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2008 - 2017	Trưởng phòng Nguồn Vốn/ Giám đốc khối tài chính và kinh doanh vốn – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2006 - 2008	Chuyên viên phòng quản lý tín dụng, kế toán vốn và nguồn vốn – Ngân hàng Chinfon Bank chi nhánh Hà Nội.

- Thành tựu nổi bật:**
- Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
 - Xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính ngân hàng, giúp VNDIRECT mở rộng được mảng kinh doanh tài chính với các định chế ngân hàng trên thị trường.
 - Bà cũng là một trong những đội ngũ lãnh đạo trẻ xây dựng sự nghiệp và sự thành công tập thể ở VNDIRECT.



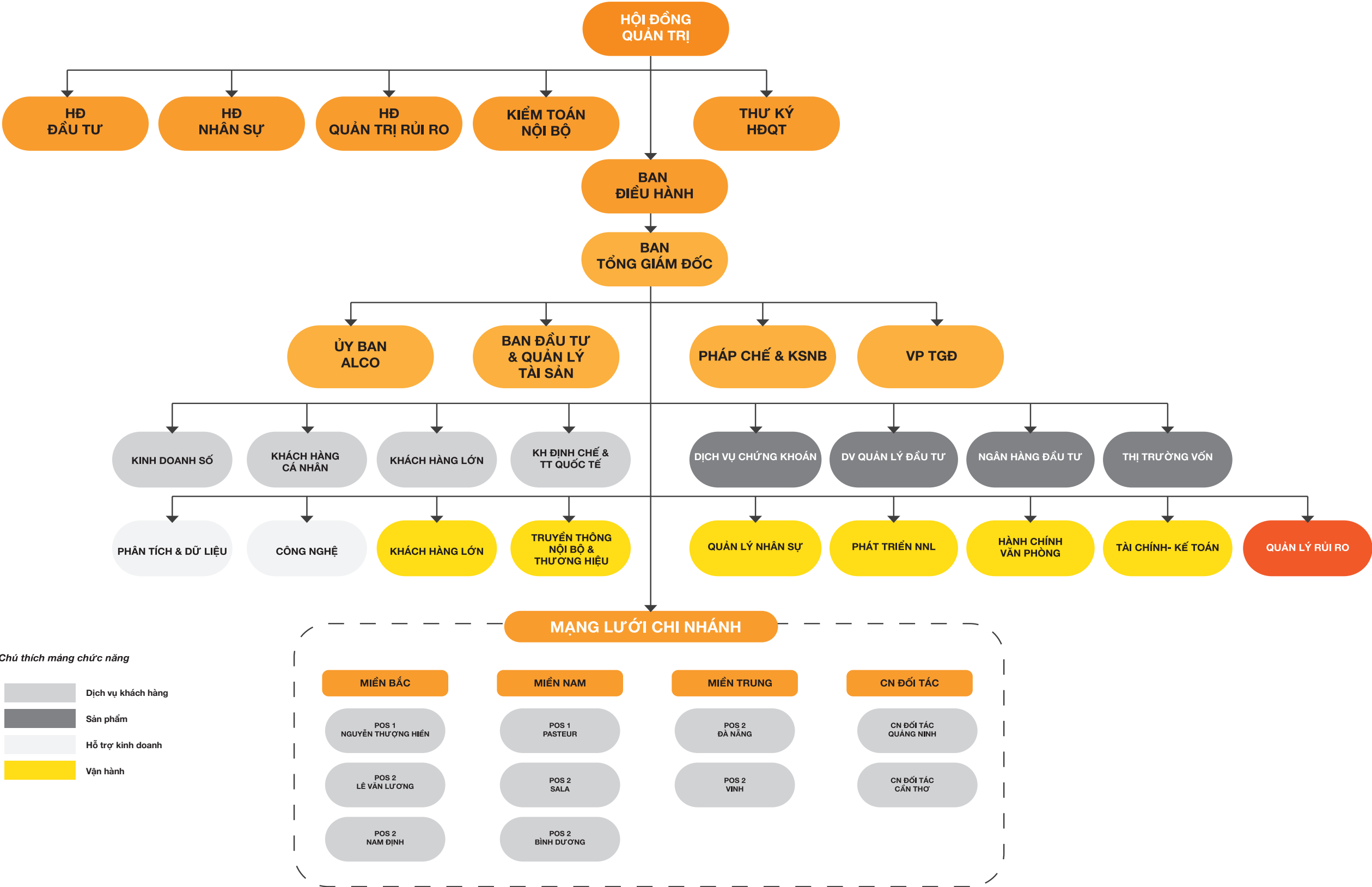
ÔNG NGUYỄN HOÀNG LƯƠNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ tên:	NGUYỄN HOÀNG LƯƠNG
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2020
Ngày, tháng, năm sinh:	16/06/1976
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ ngành Kiểm toán và Phân tích tài chính

Quá trình công tác:	
2020 - nay	Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2019 - 2020	Phó GD khối TCKT – Ngân hàng PG Bank
2010 - 2019	GD Tài chính khối bán lẻ - Ngân hàng MSB
2000 - 2010	Chuyên viên cao cấp Ngân hàng BIDV

- Thành tựu nổi bật:**
- Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và kế toán

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VNDIRECT



MÔ HÌNH TỔ CHỨC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, VNDIRECT có hai (02) công ty con, trong đó, một (01) công ty con sở hữu trực tiếp và một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên Công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.PA	Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP ngày 4/3/2008, Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK 8/3/2017	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100%
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24/01/2019	Cổng thông tin điện tử	20 tỷ VND	100% (*)

(*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 31/12/2020:

Cơ cấu và tỷ lệ sở hữu theo loại hình cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ phiếu quỹ	-	11.909.403	5,4%
Trong nước	8.202	150.867.335	63,05%
Tổ chức	52	68.614.564	25,73%
Cá nhân	8.150	82.252.771	37,32%
Nước ngoài	210	69.562.834	31,55%
Tổ chức	47	66.774.948	30,29%
Cá nhân	163	2.787.886	1,26%
Tổng cộng		220.430.169	100%

Danh sách cổ đông lớn:

Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Địa chỉ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tài chính IPA	0101398161	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	56.188.354	25,49%
PYN Elite Fund (Non - UCITS)	CA5604	C/O Pyn Rahastoyhtio, PL 139 00101, Helsinki, Phần Lan	18.211.280	8,26%
YURIE VIETNAM Securities Invest-ment Trust	CA8662	(NAMDAEMUNNO2(I)-GA), 84, NAMDAEMUN-RO, JUNG-GU, Seoul, Hàn Quốc	11.340.710	5,14%



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - NĂNG LỰC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn - sứ mệnh - năng lực và giá trị cốt lõi

● TẦM NHÌN

Hệ sinh thái dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản cho mọi người ở mọi nơi.

● SỨ MỆNH

Kiến tạo con đường sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư.

● NĂNG LỰC CỐT LÕI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÔNG NGHỆ

Với phương châm xây dựng năng lực cốt lõi về công nghệ là kiến tạo các nền tảng số đáp ứng mô hình kinh doanh của VNDIRECT trong hiện tại và tương lai, liên tục vận hành đảm bảo tiêu chí “An toàn - Ổn định - Kịp thời”, chúng tôi đã và đang tập trung vào các nền tảng sau đây:

- **Nền tảng giao dịch**
- **Nền tảng quản lý tài sản**
- **Nền tảng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo**

Nói về nền tảng giao dịch chứng khoán của VNDIRECT, chúng tôi định vị đây không chỉ là nơi hỗ trợ giao dịch đầu tư chứng khoán tốt nhất mà là còn một nền tảng hoàn thiện cung cấp đầy đủ: dịch vụ thông tin - sản phẩm - tiện ích giao dịch với mức chi phí cạnh tranh nhất thị trường. Thực thi định vị này, cho đến cuối năm 2020, hệ sinh thái nền tảng giao dịch chứng khoán của VNDIRECT đã hoàn thiện như sau:

- **Dịch vụ thông tin:** chúng tôi đã cho ra đời cổng thông tin đầu tư chứng khoán DSTOCK – kênh chuyên sâu về cổ phiếu và thị trường của VNDIRECT, là cổng tri thức và công cụ tra cứu hàng đầu cho mọi nhà đầu tư với những ưu điểm vượt trội:

- Tra cứu mã cổ phiếu với thông tin phân tích chuyên sâu về mã
- Cập nhật các chỉ số thị trường chứng khoán và thị trường tài chính
- Cung cấp đa dạng các báo cáo về doanh nghiệp, ngành, chiến lược, vĩ mô
- Đọc tin tức thị trường trong nước và thế giới hàng ngày

- **Sản phẩm:** Chúng tôi tạo ra trực sản phẩm trong nền tảng giao dịch của VNDIRECT bao gồm sổ sản phẩm tài chính và sản phẩm giao dịch. Tại sổ sản phẩm tài chính, chúng tôi hiện đang cung cấp tổng cộng 14 sản phẩm và chính sách cho vay áp dụng cho các khách hàng đầu tư cổ phiếu trên thị trường cơ sở và phái sinh. Trong năm 2020 vừa qua, chúng tôi đã cho ra mắt mới 02 sản phẩm tài chính cho chứng khoán cơ sở và 02 sản phẩm tài chính cho

chứng khoán phái sinh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng các khách hàng của chúng tôi. Cùng với sự phát triển của sản phẩm tài chính, VNDIRECT đã tiến hành nghiên cứu để cho ra mắt sản phẩm giao dịch DTRADE với định vị là gói dịch vụ chuyên biệt hướng tới đối tượng khách hàng chủ động giao dịch với tần suất cao. Sản phẩm DTRADE được dự kiến giới thiệu tới khách hàng vào Quý I năm 2021.

Tiện ích giao dịch

Tiếp tục duy trì định vị là công ty chứng khoán cung cấp tiện ích giao dịch hàng đầu tại Việt Nam, năm 2020 vừa qua, chúng tôi tập trung vào việc nâng cấp tải hệ thống đáp ứng nhu cầu giao dịch của thị trường nhằm nỗ lực tối đa cung cấp cổng giao dịch ổn định - an toàn. Song hành với việc này, chúng tôi tiếp tục cho ra mắt tiện ích giao dịch mới bao gồm: Ý tưởng giao dịch - hỗ trợ khách hàng trong việc lựa chọn cổ phiếu giao dịch tiềm năng. Đồng thời, VNDIRECT tiếp tục phát huy công tác nghiên cứu phát triển nằm trong phạm vi tăng cường tiện ích giao dịch cho khách hàng, bao gồm: Giao dịch thuật toán (Algo Trading), nền tảng giao dịch dành riêng cho giao dịch tần suất cao (High-Frequency Trading), và tiện ích tài khoản tổng.

Nền tảng quản lý tài sản

Năm 2020 được coi là năm bản lề của dịch vụ quản lý tài sản của VNDIRECT khi chúng tôi chính thức giới thiệu tới khách hàng con đường DGO - con đường kiến tạo sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư dành cho tất cả các đối tượng khách hàng. Nền tảng quản lý tài sản đã và đang được phát triển dựa trên 5 kênh đầu tư DMONEY (kênh đầu tư lãi suất), DLIFE (kênh đầu tư phòng vệ và tích sản trọn đời), DSIP (kênh đầu tư tích sản), DHOME (kênh đầu tư bất động sản) và DTRADE (kênh giao dịch chứng khoán chủ động). Về mặt công nghệ, VNDIRECT thực hiện thiết kế nền tảng này một cách độc lập với tinh thần sẵn sàng về khả năng kết nối mở với các nền tảng hiện hữu của chúng tôi cũng như với các hệ thống của các đối tác thông qua phương thức kết nối API.

Nền tảng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

VNDIRECT tập trung xây dựng năng lực tổ chức

thông tin - lưu trữ thông tin và phân tích dữ liệu để hỗ trợ khách hàng và đội ngũ VNDIRECT liên tục nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường. Các thông tin được thu thập, làm mịn, lưu trữ và được quản trị trên các nền tảng BI và AI với độ giàu dữ liệu ngày càng tăng thêm là nhiệm vụ cốt lõi về công nghệ của chúng tôi. Do vậy, tại VNDIRECT, chúng tôi có một đội ngũ chuyên biệt thực hiện nhiệm vụ này và liên tục được đầu tư. Song hành cùng với việc tập trung xây dựng năng lực cốt lõi trên đây đảm bảo tiêu chí “An toàn - Ổn định - Kịp thời”, VNDIRECT đã và đang thực hiện nhiệm vụ số hóa toàn bộ các hoạt động kinh doanh và quản trị của mình. Đồng thời, chúng tôi đặt nhiệm vụ an toàn và an ninh thông tin lên trên hết nhằm bảo vệ khách hàng tối đa.

CON NGƯỜI

Công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM của mỗi nhân viên VNDIRECT

- **Insights – Tôn trọng sự thật**
- **Passion – Đam mê học hỏi**
- **Action – Dẫn thân hành động**
- **Mindfulness – Cân bằng Hạnh phúc**

Và bốn giá trị cốt lõi

- **Conduct of integrity - Đạo đức chính trực**
- **Collective wisdom – Trí tuệ tập thể**
- **Collaboration – Đoàn kết hợp lực**
- **Connection of values – Kết nối giá trị**

Với hệ giá trị cốt lõi 4C và đội ngũ con người có đủ phẩm chất IPAM, công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc theo tinh thần làm chủ và trách nhiệm cá nhân. Các nhiệm vụ công việc được thiết kế theo nguyên tắc tổ chức RACI, khiến tổ chức của VNDIRECT được thiết kế rất phẳng và tạo ra được nhiều nhân tố có năng lực đảm trách công việc độc lập và cộng lực được để hướng tới mục tiêu chung. Văn hóa lãnh đạo tại VNDIRECT được xây dựng trên tinh thần tự chủ và độc lập, người lãnh đạo là huấn luyện viên dẫn dắt các thành viên cùng gắn kết tầm nhìn của cá nhân vào tầm nhìn chung của tổ chức.

Tinh phẳng trong tổ chức của chúng tôi cộng gộp với tinh thần tự chủ độc lập và chịu trách nhiệm kết quả, giúp cho mỗi VNDIRECTOR được rèn luyện bản thân, liên tục có cơ hội được trải nghiệm thách thức mới, và đóng góp được năng lực tốt nhất cho tổ chức, tạo sức sáng tạo giá trị mới liên tục giúp nâng tầm mỗi cá nhân và tập thể VNDIRECT.

Văn hóa làm việc tại VNDIRECT giúp cho Công ty có một thể mạnh để thu hút nguồn nhân sự mong muốn làm nghề chuyên nghiệp và có chung hệ giá

trị IPAM và 4C để làm nền tảng của một dòng sông lớn, biết cộng lực vì mục tiêu chung.

CHUỖI GIÁ TRỊ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH LẤY KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM - CUSTOMER CENTRIC

Trong suốt 14 năm qua, dựa trên hai năng lực cốt lõi là công nghệ và con người nhằm tạo ra trí tuệ tập thể, chúng tôi đã kiến tạo chuỗi giá trị dịch vụ tài chính với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự sự thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài lòng cuối cùng của khách hàng. Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT được thể hiện qua các sự vận động sau đây:

- **Tìm kiếm cơ hội và tạo nguồn hàng cho thị trường**
- **Tạo lập thị trường và kinh doanh rủi ro**
- **Cung cấp sản phẩm dịch vụ**
- **Kênh phân phối**

Trong chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT, chúng tôi tự hào có đội ngũ kiến tạo sản phẩm dịch vụ có tính kỷ luật nghề nghiệp cao, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định quản trị rủi ro vận hành và thị trường, với năng lực xây dựng được hệ sinh thái đa kênh tài sản góp phần tạo đủ điều kiện cho Khách hàng của chúng tôi lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính cho Con đường DGO.

Đồng hành trong chuỗi giá trị này, chúng tôi đã xây dựng được đội ngũ kinh doanh nguồn vốn đủ năng lực thực hiện thu xếp nguồn vốn tạo điều kiện tài chính đủ cho việc thực hiện các giao dịch bảo lãnh phát hành và tạo nguồn hàng cho thị trường.

Xuyên suốt trong việc mang lại sự hài lòng cho khách hàng, VNDIRECT đã thực hiện việc xây dựng kênh phân phối cho Khách hàng cá nhân thông qua nền tảng số cùng với năng lực tư vấn của đội ngũ hơn 600 nhân viên tư vấn luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và liên tục hướng tới sự đồng hành dài hạn của khách hàng. Bên cạnh đó, với định vị là một công ty chứng khoán độc lập thực hiện nhiệm vụ của một định chế tài chính trung gian, VNDIRECT tiếp tục xây dựng uy tín, năng lực sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng tổ chức để mở rộng năng lực kinh doanh và góp phần tạo nguồn hàng cho kênh phân phối.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mô hình Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của VNDIRECT hướng đến ba nhóm khách hàng: khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính.

* Khách hàng cá nhân

Khách hàng cá nhân được định vị là đối tượng khách hàng mũi nhọn của VNDIRECT. Với mục tiêu phục vụ đông đảo nhà đầu tư cá nhân, VNDIRECT đã kiến thiết nền tảng phục vụ khách hàng cá nhân dựa trên ba khía cạnh:

- Công nghệ và số hóa trải nghiệm khách hàng, nền tảng kinh doanh;
- Đội ngũ tư vấn khách hàng cá nhân có đạo đức, kỹ năng làm nghề;
- Hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch sôi động trong năm 2020, VNDIRECT đã có hơn 120.000 tài khoản chứng khoán mở mới, tăng trưởng trên 70% so với năm 2019 và chiếm đến 30% tổng số tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trên toàn thị trường. Quy trình mở tài khoản đơn giản, hệ thống giao dịch thân thiện, dễ dàng và ổn định chính là điểm mạnh của VNDIRECT thu hút lượng lớn nhà đầu tư cá nhân mới trên thị trường. Trong năm 2020 VNDIRECT là công ty tiên phong triển khai công nghệ eKYC trong việc mở và xác thực tài khoản trực tuyến. VNDIRECT hiện cũng sở hữu nền tảng giao dịch đa tài sản trên cùng một nền tảng để nhà đầu tư có thể dễ dàng quản lý và giao dịch.

Không chỉ có vậy, khi đến với VNDIRECT, nhà đầu tư cá nhân sẽ được tư vấn lộ trình đầu tư bền vững, trong đó các chuyên gia của VNDIRECT sẽ cùng nhà đầu tư xác định mục tiêu và lập kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu, kiến thức và điều kiện đầu tư cũng như lựa chọn các sản phẩm phù hợp để đạt được các mục tiêu tài chính trong tương lai. Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia phân tích, tư vấn đầu tư của VNDIRECT không ngừng cập nhật thông tin, nhận định đa chiều về thị trường cũng như biến động của các kênh tài sản nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định của nhà đầu tư. Các kênh thông tin của VNDIRECT trên trang DSTOCK cũng như các nền tảng Facebook, Zalo, Youtube, Soundcloud, Spotify... là kho thông tin về thị trường phong phú, đa dạng, cập nhật liên tục.

Chúng tôi nhận định phân khúc khách hàng cá nhân còn rất nhiều dư địa phát triển trong thời gian tới dựa trên các yếu tố sau:

- Tại Việt Nam tính đến hết năm 2020 mới chỉ có hơn 2,7 triệu tài khoản giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong nước - tương đương chưa đến 3% dân số Việt Nam có tài khoản chứng khoán, so với hơn 40 triệu tài khoản ngân hàng. Theo định hướng của Chính phủ đến năm 2025 số lượng nhà đầu tư trên thị trường đạt mức 5%;
- Xu hướng lãi suất tiền gửi tiết kiệm đang trên đà giảm;
- Nhu cầu đầu tư tích sản của người dân ngày càng tăng, trở thành một nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống;
- Cùng với sự phát triển của các ứng dụng công nghệ, thị trường chứng khoán trở nên dễ tiếp cận hơn, đặc biệt là đối với lớp nhà đầu tư trẻ, những người có kiến thức và ý thức đầu tư từ rất sớm. Với mục tiêu giúp khách hàng kiến tạo con đường Sức khỏe tài chính và An tâm đầu tư, trong tương lai, VNDIRECT sẽ tiếp tục nỗ lực cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm để mọi khách hàng đều có thể tìm thấy sự bình an trong đầu tư, tiếp tục gắn bó với VNDIRECT trong hành trình đầu tư bền vững, dài lâu.

* Khách hàng doanh nghiệp

VNDIRECT tập trung xây dựng danh mục khách hàng doanh nghiệp là các tập đoàn uy tín trong từng ngành nghề. Mỗi doanh nghiệp sẽ có chiến lược riêng và có nhu cầu riêng biệt về vốn tại các giai đoạn phát triển khác nhau. Vì vậy, VNDIRECT mong muốn trở thành người bạn đồng hành của doanh nghiệp trong việc xây dựng chiến lược vốn dài hạn, tư vấn các phương án huy động vốn phù hợp với khách hàng trong từng thời kỳ với chất lượng tư vấn tốt nhất và chi phí vốn hợp lý. Là một công ty chứng khoán hàng đầu có mạng lưới khách hàng cá nhân và tổ chức rộng khắp, VNDIRECT có khả năng cung cấp đa dạng và chuyên sâu các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng đầu tư cho khách hàng doanh nghiệp từ huy động vốn trên thị trường vốn, thị trường nợ, mua bán sáp nhập đến các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác. Với vai trò là một định chế tài chính trung gian, VNDIRECT kết nối nhà đầu tư với những doanh nghiệp tốt đang cần vốn để phát triển kinh doanh, thông qua đó tạo ra dòng vốn luân chuyển trên thị trường.

* Khách hàng định chế tài chính

VNDIRECT tiếp tục xây dựng và phát triển quan hệ với tập khách hàng định chế tài chính cả trong và ngoài nước. Năm 2020 chúng tôi tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng Việt Nam và nước ngoài, giúp cho VNDIRECT duy trì được hạn mức tín dụng đa dạng cả bằng tiền đồng và ngoại tệ, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của VNDIRECT được chủ động và hiệu quả.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Không chỉ có vậy, VNDIRECT định hướng đẩy mạnh phát triển quan hệ chiều sâu theo mô hình B2B2C với các định chế tài chính, tạo sự hợp lực về nền tảng khách hàng, bán chéo sản phẩm dịch vụ, giúp VNDIRECT hoàn thiện kênh tài sản cung cấp cho khách hàng.

Đối với nhóm định chế tài chính nước ngoài, với thế mạnh của nền tảng giao dịch đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, được hỗ trợ bởi hệ thống công nghệ hiện đại cùng với đội ngũ giao dịch Khách hàng tổ chức đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và lành nghề, VNDIRECT luôn là lựa chọn đáng tin cậy của các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào thị trường Việt Nam, thông qua đó VNDIRECT đóng vai trò là định chế tài chính trung gian thu hút nguồn vốn từ thị trường bán lẻ nước ngoài đầu tư gián tiếp vào Việt Nam. Các thị trường trọng điểm của VNDIRECT bao gồm Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Đối với nhóm định chế tài chính nước ngoài, với thế mạnh của nền tảng giao dịch đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, được hỗ trợ bởi hệ thống công nghệ hiện đại cùng với đội ngũ giao dịch Khách hàng tổ chức đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và lành nghề, VNDIRECT luôn là lựa chọn đáng tin cậy của các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào thị trường Việt Nam, thông qua đó VNDIRECT đóng vai trò là định chế tài chính trung gian thu hút nguồn vốn từ thị trường bán lẻ nước ngoài đầu tư gián tiếp vào Việt Nam. Các thị trường trọng điểm của VNDIRECT bao gồm Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Với sự chuyển dịch từ mô hình dịch vụ chứng khoán truyền thống sang mô hình dịch vụ đa kênh tài sản, VNDIRECT tiếp tục bổ sung hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ hướng tới mục tiêu sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư cho khách hàng. Bên cạnh việc tiếp tục phát huy trọng tâm sản phẩm môi giới chứng khoán trong nền tảng dịch vụ chứng khoán, chúng tôi bổ sung thêm các công cụ như công cụ lựa chọn cổ phiếu trực tuyến DSTOCK nhằm mục đích phục vụ cho đối tượng khách hàng số. Đồng thời, VNDIRECT liên tục hoàn chỉnh và nâng cấp nền tảng giao dịch điện tử, cũng như cung cấp thêm các sản phẩm tài chính linh hoạt hỗ trợ nhà đầu tư chứng khoán.

Song song với việc duy trì và phát triển mảng kinh doanh dịch vụ chứng khoán truyền thống của VNDIRECT, chúng tôi ra mắt dịch vụ quản lý tài sản với mục tiêu mang lại sức khỏe tài chính, an tâm trọn đời, cũng như tạo thêm sự lựa chọn cho khách hàng tìm kiếm các kênh đầu tư khác với mức lợi

lãi kỳ vọng tốt hơn trong điều kiện thị trường lãi suất thấp hiện nay. VNDIRECT đã thiết kế danh mục sản phẩm đa dạng may đo phù hợp với nhu cầu và mục tiêu tài chính cho từng khách hàng:

- **DMONEY:** bao gồm các sản phẩm đầu tư lãi suất theo định hướng đầu tư bảo toàn – an tâm tài chính
 - Sản phẩm hỗ trợ lãi suất DMONEY: áp dụng với số dư tiền mặt trên tài khoản của khách hàng trong thời gian chờ đầu tư
 - Sản phẩm chứng chỉ quỹ DFUND: là chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đầu tư vào danh mục trái phiếu niêm yết và các tài sản có thu nhập cố định khác nhằm mang lại lợi suất kỳ vọng cao hơn lãi suất tiết kiệm ngân hàng
 - Sản phẩm trái phiếu DBOND: Là trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất cố định xác định trước và có cam kết mua lại từ VNDIRECT
 - Sản phẩm trái phiếu VBOND: Là trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất cố định xác định trước và VNDIRECT thực hiện tạo lập thị trường giao dịch .

- **DLIFE:** bao gồm các sản phẩm đầu tư theo định hướng phòng vệ và tích sản trọn đời
 - Sản phẩm đầu tư tích sản trọn đời: là sản phẩm tiết kiệm đầu tư hàng tháng được tích lũy trong thời hạn dài hạn tối thiểu 10 năm với mức đầu tư tối thiểu 1 triệu đồng/tháng
 - Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ
 - Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

- **DSIP:** là khoản đầu tư đều đặn và liên tục, được trích từ tiền tiết kiệm hàng tháng, phân bổ vào các khoản đầu tư định kỳ cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, danh mục ủy thác đầu tư

- **DSTOCK:** dựa trên các chiến lược đầu tư cổ phiếu chọn lọc, đòi hỏi sự hiểu biết về phương pháp đầu tư và kỷ luật bám chiến lược đã chọn một cách liên tục.

- **DHOME:** sản phẩm giúp khách hàng lên kế hoạch mua nhà, bán nhà và cung cấp kiến thức đầu tư bất động sản cho khách hàng



03.

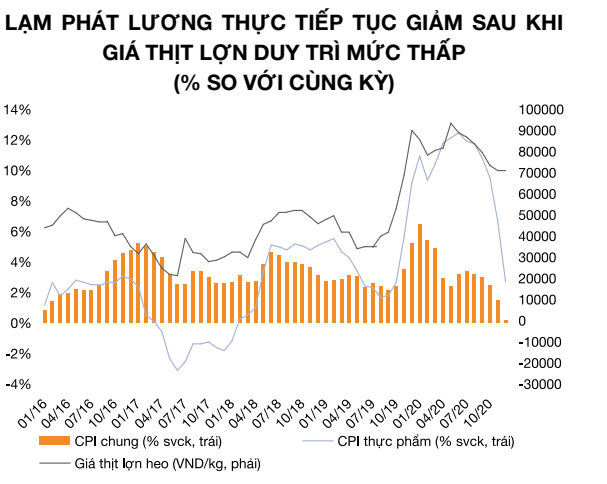
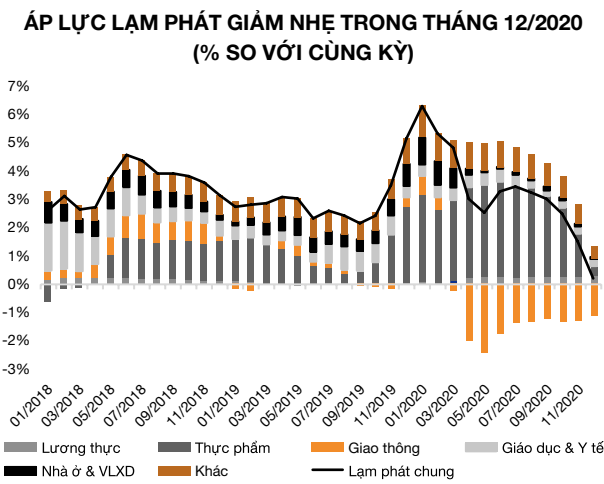
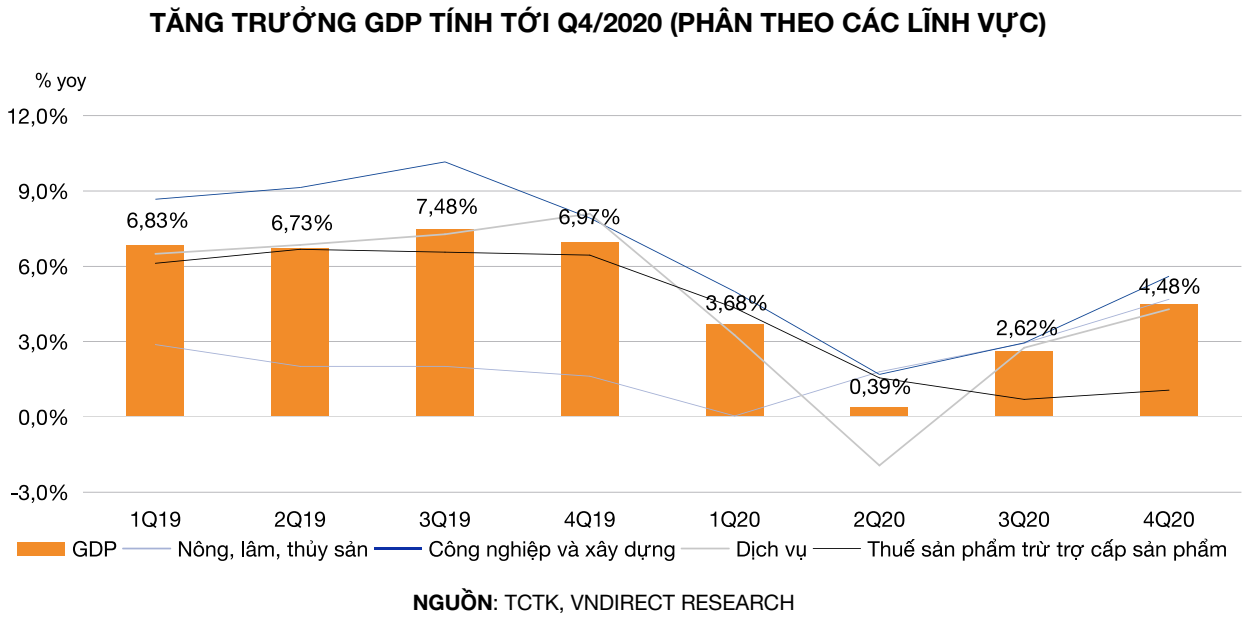
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2020 & TRIỂN VỌNG 2021

- 01. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2020: VIỆT NAM LỘI NGƯỢC DÒNG NGOẠI MỤC
- 02. TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020: THÉP ĐÁ TÔI THỂ ĐÁY
- 03. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ 2021: VIỆT NAM PHỤC HỒI VỮNG CHẮC TRONG NĂM 2021
- 04. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021: SẴN SÀNG CẤT CÁNH

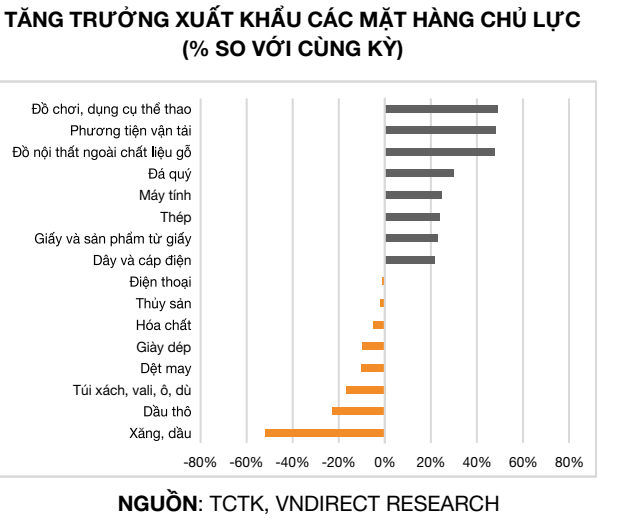
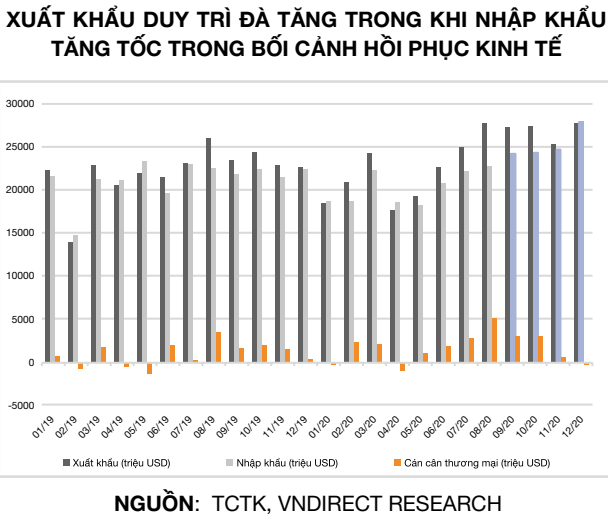
NHÌN LẠI 2020 VÀ TRIỂN VỌNG 2021

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2020: VIỆT NAM LỢI NGƯỢC DÒNG NGOẠN MỤC

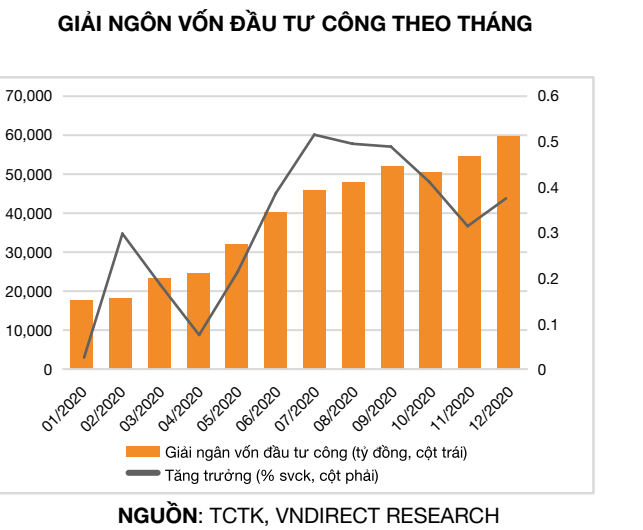
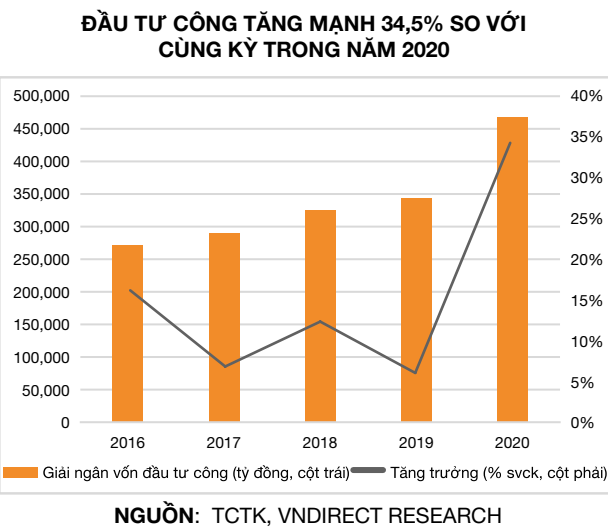
Việt Nam đạt mức tăng trưởng đáng khích lệ trong năm 2020. Nhờ chống dịch Covid-19 đạt hiệu quả cao, Việt Nam đã tránh được một cuộc suy thoái kinh tế và ghi nhận mức tăng trưởng dương trong năm 2020. Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), GDP thực năm 2020 tăng 2,9% so với cùng kỳ (năm 2019 tăng trưởng 7%), đưa Việt Nam vào nhóm quốc gia tăng trưởng cao nhất năm 2020. Trong ba khu vực chính của nền kinh tế, ngành nông, lâm và ngư nghiệp tăng 2,7% so với cùng kỳ (năm 2019 tăng 2%), ngành công nghiệp và xây dựng tăng 4,0% so với cùng kỳ (năm 2019 tăng 8,9%) và ngành dịch vụ tăng 2,3% so với cùng kỳ (năm 2019 tăng 7,3%). Bên cạnh đó, nền tảng vĩ mô được duy trì sự ổn định. Lạm phát được kiểm soát tốt với CPI bình quân tăng 3,2% so với năm 2019, thấp hơn mục tiêu của Chính phủ ở mức 4,0%. Tỷ giá VND/USD trung tâm của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ở mức 23.131 đồng USD vào ngày 31/12/2020, giảm nhẹ 0,1% tính từ đầu năm.



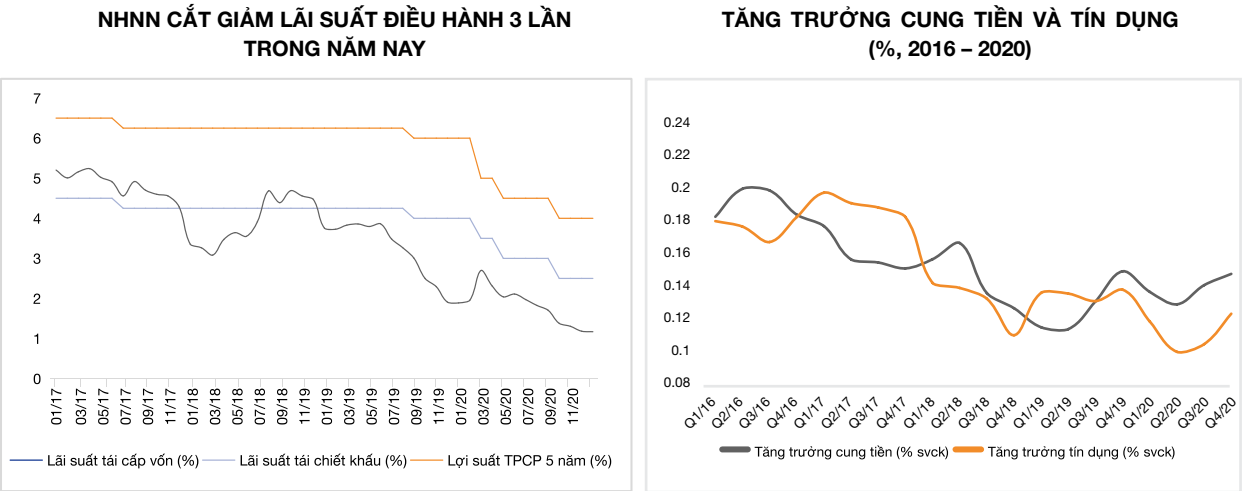
Thành công trong kiểm soát dịch Covid-19 đã góp phần giúp Việt Nam duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn và giành được nhiều đơn đặt hàng từ nước ngoài. Trong cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu tăng 6,5% so với cùng kỳ lên mức 281,5 tỷ USD. Đây là một con số rất ấn tượng trong bối cảnh Việt Nam sở hữu một nền kinh tế có độ mở lớn và giá trị thương mại toàn cầu ước tính giảm 9,2% so với cùng kỳ trong năm 2020 (theo World Bank). Đối với nhập khẩu, chi cho hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam tăng nhẹ 3,6% so với cùng kỳ đạt 262,4 tỷ USD trong năm 2020. Do đó, thặng dư thương mại đạt 19,1 tỷ USD trong năm 2020 (cao hơn mức 11,1 tỷ USD năm 2019). Thặng dư thương mại cao là yếu tố quan trọng giúp ổn định tỷ giá hối đoái của Việt Nam trong năm 2020.



Trong năm 2020, giải ngân đầu tư công tăng mạnh 34,5% so với cùng kỳ đạt 466,6 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 91,1% mục tiêu cả năm của Chính phủ - con số giải ngân cao nhất của Chính phủ trong giai đoạn 2011-2020. Chúng tôi kỳ vọng đầu tư công sẽ tiếp tục tăng tốc trong năm 2021 do chúng tôi tin rằng Chính phủ sẽ duy trì nới lỏng chính sách tài khóa nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong tuần đầu tiên của năm 2021, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã tới dự lễ thông tuyến cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận và lễ khởi công Cảng hàng không quốc tế Long Thành – Giai đoạn 1, cho thấy cam kết của Chính phủ trong việc thúc đẩy đầu tư công và phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước.



Tín dụng tăng nhanh trong Quý 4 năm 2020 sau khi đạt mức tăng trưởng khiêm tốn trong 9 tháng đầu năm 2020. Cụ thể, theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), tín dụng tăng 12,1% trong năm 2020, gấp đôi con số 6,1% tính tới ngày 30/9/2020. Nhu cầu tín dụng tăng nhanh báo hiệu sự tăng tốc của nền kinh tế trong thời gian tới do các doanh nghiệp đã tin tưởng hơn vào triển vọng phục hồi của nền kinh tế và chủ động vay vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh.



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG, NHNN

2. TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020: THÉP ĐÃ TÔI THỂ ĐẤY

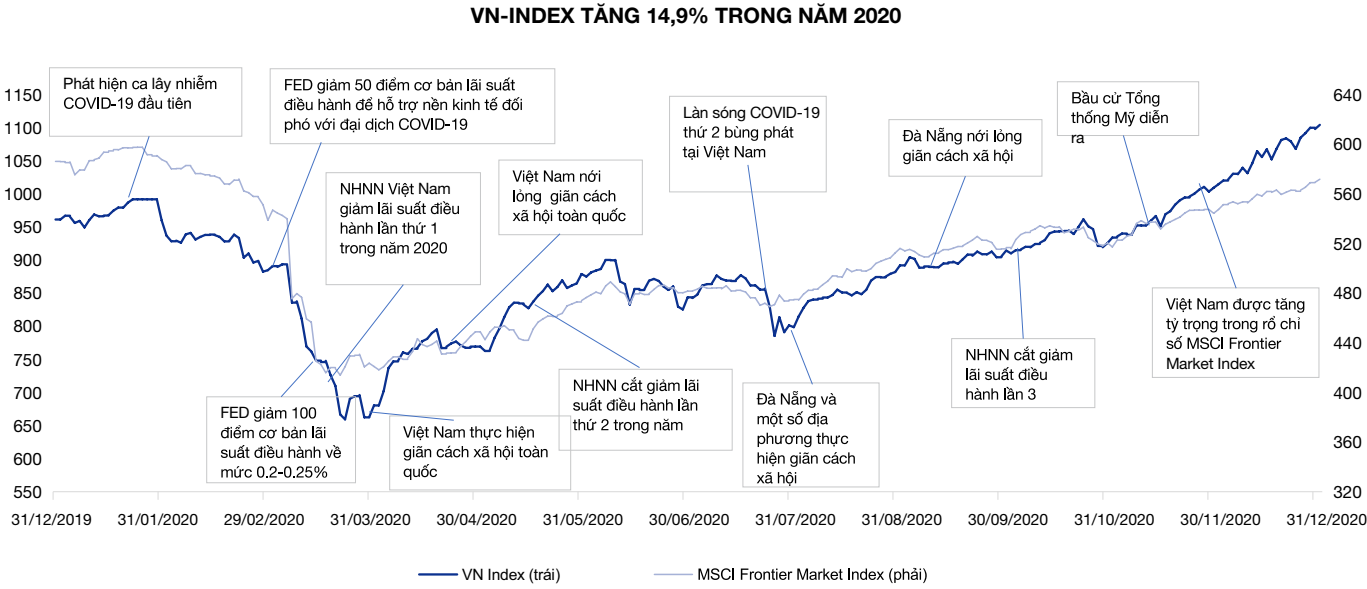
VN-Index năm 2020 đạt mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam khởi đầu năm 2020 tương đối ấn tượng khi chỉ số VN-Index tăng 4,4% chỉ trong 3 tuần đầu. Tuy nhiên, sự bùng phát của dịch Covid-19 đã phủ bóng đen lên TTCK trong 2 tháng sau đó. Chỉ số VN-Index rơi xuống mức thấp nhất trong năm 2020 là 659,2 điểm vào ngày 24/3/2020, tương đương giảm 33,5% từ đỉnh ngày 22/1/2020.

Tuy nhiên, nhờ sự thành công trong việc kiểm soát dịch COVID-19 trên cả nước, TTCK đã dần lấy lại sự tự tin. Tính từ ngày 25/3/2020, TTCK Việt Nam đã bắt đầu hành trình phục hồi đầy ấn tượng khi VN-Index lấy lại tất cả số điểm đã mất trước đó. Chỉ số VN-Index chốt năm 2020 đạt mức 1.103,9 điểm, ghi

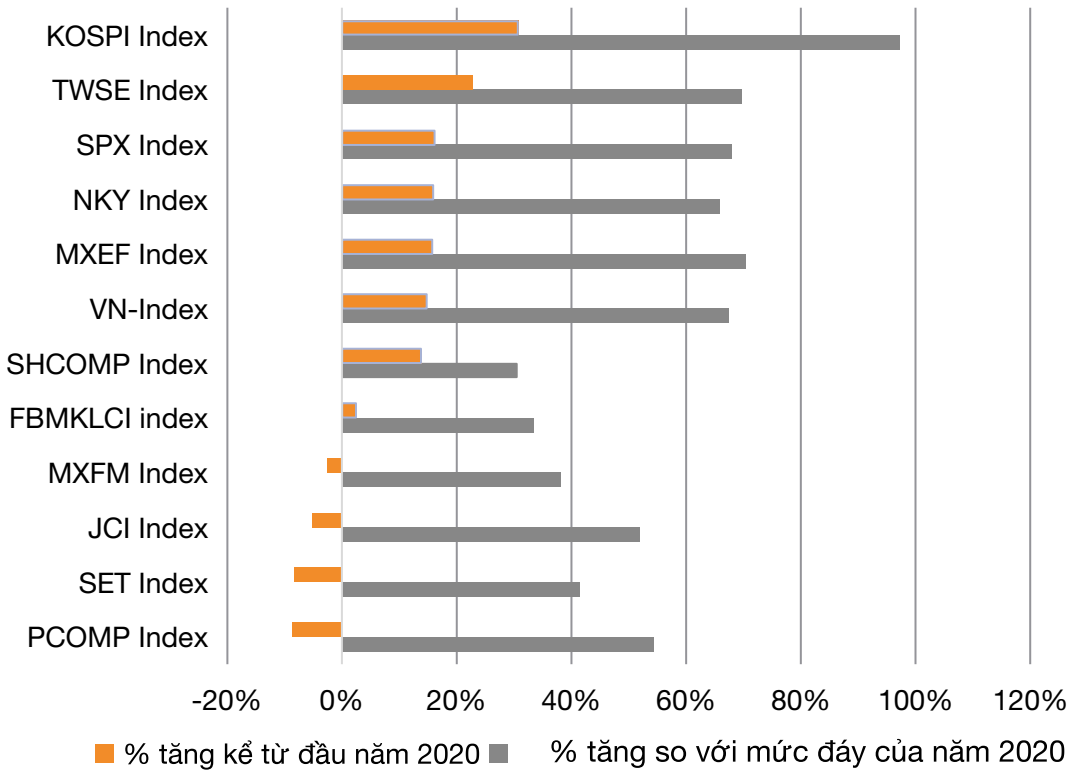
nhận mức tăng 14,9% so với cuối năm 2019, là mức tăng trưởng hàng năm cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Theo quan điểm của chúng tôi, sự phục hồi của TTCK Việt Nam đến từ các yếu tố sau: 1) tiếp nối phục hồi ấn tượng của TTCK toàn cầu, 2) chính sách nới lỏng tiền tệ và mặt bằng lãi suất thấp kỷ lục đã kích thích dòng vốn trong nước đổ mạnh vào TTCK và 3) thành công trong kiểm soát dịch Covid-19 đã giúp Việt Nam duy trì tăng trưởng dương 2,91% trong năm 2020, thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng cao nhất khu vực và trên thế giới. Đồng thời, trong năm 2020, chỉ số HNX-Index tăng mạnh 98,1% và chỉ số Upcom-Index tăng 31,6%.



Nhìn chung, trong năm 2020, TTCK Việt Nam ghi nhận kết quả tốt hơn so với các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á và chỉ số tham chiếu thị trường cận biên của MSCI

TTCK VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG TỐT HƠN CÁC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG CẬN BIÊN CỦA MSCI



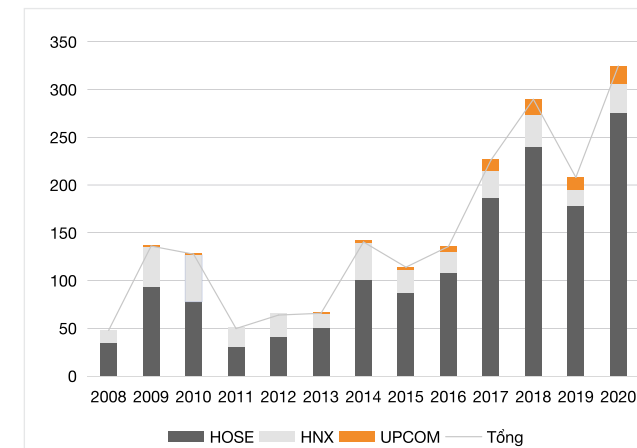
NGUỒN: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thanh khoản tăng vọt từ tháng 4/2020 nhờ “sự bùng nổ của nhà đầu tư F0”

Thanh khoản tăng mạnh là điểm nhấn của TTCK Việt Nam trong năm 2020. Giá trị giao dịch (GTGD) bình quân trong năm 2020 tăng mạnh 56,1% so với cùng kỳ đạt 7.543 tỷ đồng do dòng tiền trong nước đổ vào thị trường chứng khoán tăng vọt. Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), các nhà đầu tư nhỏ lẻ đã mở mới tổng cộng gần 400.000 tài khoản mới trong năm 2020 (+108% so với cùng kỳ). Việc nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước chuyển hướng dòng tiền vào TTCK là do các lý do sau đây:

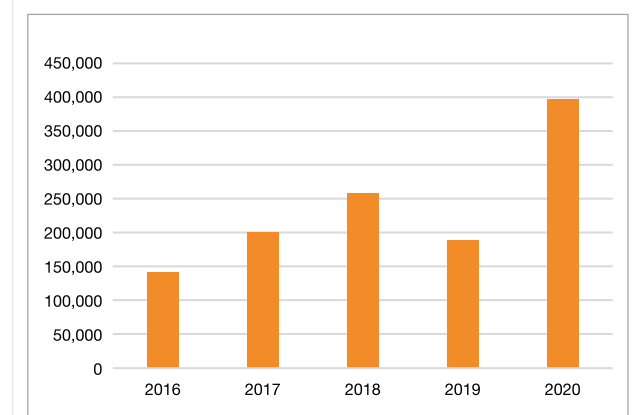
- Điều kiện tài chính nới lỏng và lãi suất hạ (lãi suất cho vay bình quân năm 2020 giảm khoảng 80-100 điểm cơ bản, trong khi lãi suất huy động giảm khoảng 150-170 điểm cơ bản).
- Các kênh đầu tư khác như bất động sản và ngoại hối gặp nhiều khó khăn trong thời kỳ dịch Covid-19.
- Chứng khoán có lợi thế hơn so với bất động sản nhờ giao dịch chủ yếu là trực tuyến, vốn đầu tư ban đầu thấp và có tính thanh khoản cao.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TOÀN THỊ TRƯỜNG TĂNG 56,1% SO VỚI CÙNG KỲ TRONG NĂM 2020 (TRIỆU USD)



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI CỦA NGƯỜI CÁ NHÂN TRONG NƯỚC ĐẠT KỶ LỤC 392.527 TÀI KHOẢN TRONG NĂM 2020



NGUỒN: TTLKCKVN, VNDIRECT RESEARCH

Top 10 cổ phiếu có thanh khoản cao nhất đa phần là blue chip, với HPG có thanh khoản cao nhất khi chiếm tới 5,1% thanh khoản toàn thị trường, sau đó là VHM. Trong số 10 cổ phiếu này, 6 cổ phiếu thuộc ngành ngân hàng, bao gồm **TCB, CTG, VPB, ACB, STB và MBB**, đóng góp tổng 13,8% thanh khoản toàn thị trường.

BỨC TRANH THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG

NHÌN LẠI 2020 VÀ TRIỂN VỌNG 2021

Khối ngoại bán ròng trong năm 2020

Khối ngoại bán ròng 830 triệu USD cổ phiếu trên TTCK Việt Nam trong năm 2020. Việc khối ngoại bán ròng trên TTCK Việt Nam được kích hoạt bởi dòng tiền nước ngoài rút ròng khỏi các thị trường chứng khoán mới nổi và cận biên. Khi đại dịch Covid-19 lan rộng toàn cầu, nhà đầu tư quốc tế ưa thích các tài sản có rủi ro thấp như trái phiếu chính phủ và cổ phiếu ở các thị trường phát triển như Nhật Bản, Mỹ và EU, trong khi các tài sản rủi ro ở thị trường cận biên và mới nổi ít được ưa chuộng hơn.

NHÓM CỔ PHIẾU KHỐI NGOẠI MUA RÒNG MẠNH NHẤT (TRIỆU USD)

Mã cổ phiếu	Mua ròng	Giá trị mua	Giá trị bán
VHM	798	1.403	605
PLX	65	130	65
PGD	44	44	0
MWG	25	67	42
PHR	23	39	16
KDC	19	29	10
PME	16	17	0
TPB	8	10	3
DGW	7	21	13
SBT	6	27	21

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

NHÓM CỔ PHIẾU KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG MẠNH NHẤT (TRIỆU USD)

Mã cổ phiếu	Mua ròng	Giá trị mua	Giá trị bán
VHM	583	861	279
PGD	44	44	0
MWG	15	50	24
CTG	13	137	122
MSN	11	70	157
PHR	11	16	5
VNM	11	567	556
PLX	11	35	24
VTP	6	19	13
DGW	6	8	2

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

3. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ 2021: VIỆT NAM PHỤC HỒI VỮNG CHẮC TRONG NĂM 2021

Chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021 sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát và đẩy lùi nhờ vắc-xin. Cụ thể, sự mở cửa trở lại của các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU, sẽ giúp từng bước hàn gắn lại

chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đã bị đứt gãy do đại dịch Covid-19 cũng như giúp gia tăng nhu cầu đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, việc nối lại các chuyến bay quốc tế với mục đích thương mại sẽ thúc đẩy sự hồi phục của ngành du lịch, một trong hai động lực tăng trưởng chính của ngành dịch vụ Việt Nam trong năm 2021, bên cạnh sự phục hồi của tiêu dùng nội địa.

Ở kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo GDP Việt Nam tăng 6,5% so với cùng kỳ trong năm 2021 với tăng trưởng được lan tỏa ở tất cả các lĩnh vực. Nền tảng vĩ mô tiếp tục được củng cố với thặng dư cán cân vãng lai, thặng dư thương mại và dự trữ ngoại hối tiếp tục gia tăng trong khi áp lực lạm phát có xu hướng giảm. Các yếu tố này sẽ củng cố nền tảng vĩ mô trong nước và tạo ra bước đệm giúp Việt Nam có thể đối mặt với các rủi ro từ bên ngoài cũng như hỗ trợ cho việc duy trì ổn định tỷ giá hối đoái.

Chúng tôi dự báo xuất khẩu của Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng cao hơn trong năm 2021, khoảng 12% so với cùng kỳ (so với mức tăng 6,5% trong năm 2020). Xuất khẩu sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021.

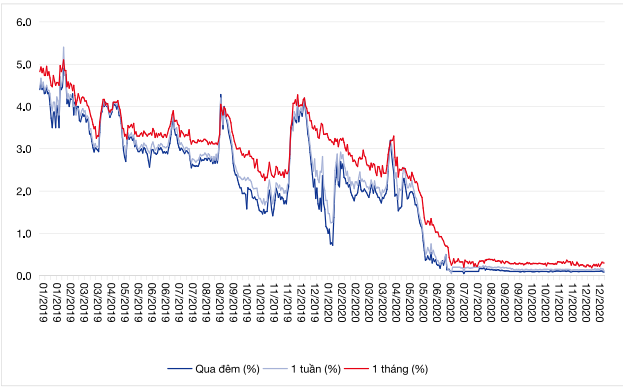
Chúng tôi cũng kỳ vọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội sẽ tăng mạnh trong năm 2021 do (1) Chính phủ tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh áp lực lạm phát thấp trong năm tới và (2) vốn đầu tư của khu vực ngoài quốc doanh và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phục hồi trong năm 2021 nhờ môi trường kinh doanh thuận lợi hơn sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát.

Chúng tôi kỳ vọng áp lực lạm phát sẽ giảm nhẹ trong năm 2021 do giá thịt lợn hơi có thể tiếp tục giảm sau khi quy mô đàn lợn trong nước đã phục hồi về mức trước dịch tả lợn châu Phi vào Quý 3/2020 và vắc xin ASF dự kiến sẽ được sản xuất và bán ra thị trường từ Quý 3/2021. Việc giá thịt lợn hơi hạ nhiệt sẽ làm giảm chỉ số nhóm mặt hàng lương thực thực phẩm (chúng tôi ước tính giá thịt lợn chiếm tới 11,6% cơ cấu chỉ số giá tiêu dùng của nhóm mặt hàng lương thực & thực phẩm và chiếm 4,2% cơ cấu rổ tính toán CPI chung). Chúng tôi dự báo giá thịt lợn hơi sẽ giảm 19,8% so với cùng kỳ xuống mức trung bình 65.000 đồng/kg trong năm 2021. Về mặt rủi ro tăng giá, chúng tôi dự báo giá dầu Brent sẽ đạt mức trung bình 60 USD/thùng trong năm 2021 (tăng 40% so với cùng kỳ) do

nền kinh tế toàn cầu phục hồi cũng như việc nối lại các đường bay thương mại quốc tế, từ đó làm tăng nhu cầu đối với dầu mỏ. Bên cạnh đó, chúng tôi dự báo Chính phủ có thể tăng giá điện bán lẻ 5-8% trong năm 2021. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng rủi ro tăng giá có thể được bù đắp phần lớn nhờ CPI nhóm lương thực thực phẩm điều chỉnh giảm. Do đó, chúng tôi đưa ra dự báo CPI bình quân chung năm 2021 tăng ở mức dưới 3,5% so với năm 2020.

Chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong năm 2021 trong bối cảnh áp lực lạm phát năm tới ở mức thấp. Mặc dù NHNN có thể sẽ không cắt giảm lãi suất điều hành thêm nữa, chúng tôi

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG CÁC KỲ HẠN NGẮN GIẢM XUỐNG MỨC THẤP NHẤT TRONG LỊCH SỬ

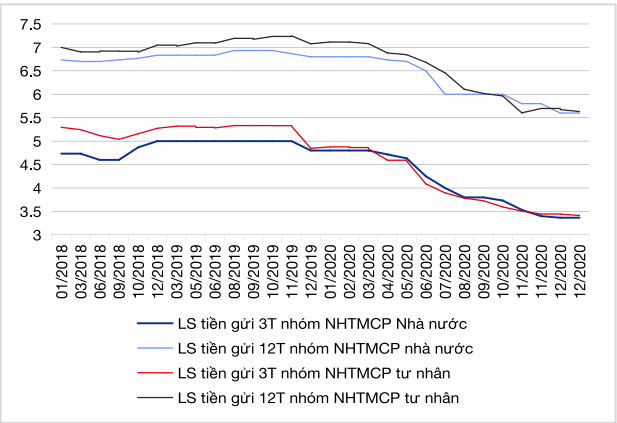


NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG, NHNN

Mặc dù duy trì đánh giá tích cực đối với triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2021, chúng tôi cho rằng vẫn còn một số rủi ro lớn tiềm tàng đối với nền kinh tế, bao gồm (1) chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch gia tăng tại một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam và (2) thời tiết

không cho rằng NHNN sẽ nâng lãi suất lên trong năm 2021, một động thái nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bằng cách duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Thay vào đó, NHNN có thể hỗ trợ thị trường tiền tệ thông qua thị trường mở, gia tăng dự trữ ngoại hối, nâng trần tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại hoặc lùi thời hạn áp dụng các tiêu chuẩn an toàn tài chính cao hơn đối với các ngân hàng thương mại. Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng sẽ cải thiện lên mức 13-14% trong năm 2021. Đồng thời, chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất huy động và cho vay sẽ duy trì ở mức thấp trong năm 2021 trong bối cảnh chính sách tiền tệ được nới lỏng và áp lực lạm phát hạ nhiệt.

XU HƯỚNG GIẢM LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2020 ĐẾN NAY



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, NHNN

bất lợi và nguy cơ dịch bệnh bùng phát trở lại có thể ảnh hưởng đến nguồn cung lương thực, thực phẩm cũng như triển vọng lạm phát. Trong đó, chúng tôi cho rằng yếu tố bảo hộ mậu dịch gia tăng sẽ là rủi ro chính đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021.



NHÌN LẠI 2020 VÀ TRIỂN VỌNG 2021

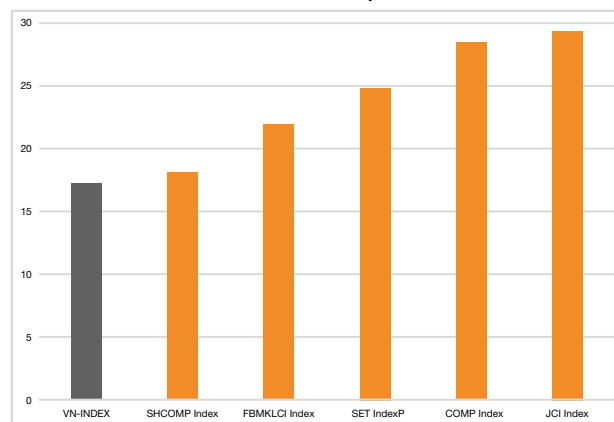
4. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021: SẴN SÀNG CẮT CẢNH

TTCK Việt Nam vẫn còn dư địa để tăng trưởng

Tại ngày 31/12/2020, P/E forward 2021 của chỉ số VN-Index ở mức 14,8 lần, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức P/E bình quân 5 năm là 16,2 lần và vẫn nằm dưới vùng định giá hợp lý (khoảng 16,5-17,5 lần). Do đó, chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index hiện vẫn còn dư địa tăng trưởng.

Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ đạt 1.180-1.230 điểm trong năm 2021 nhờ các yếu tố sau: (1) chúng tôi kỳ vọng TTM P/E của VN-Index dao động quanh mức P/E bình quân 5 năm, tương ứng nằm trong khoảng 16,0-16,5 lần vào cuối năm 2021;

SO SÁNH ĐỊNH GIÁ P/E CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG TRONG KHU VỰC



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG, NHNN

Chỉ còn một vài bước để tiến gần đến mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi

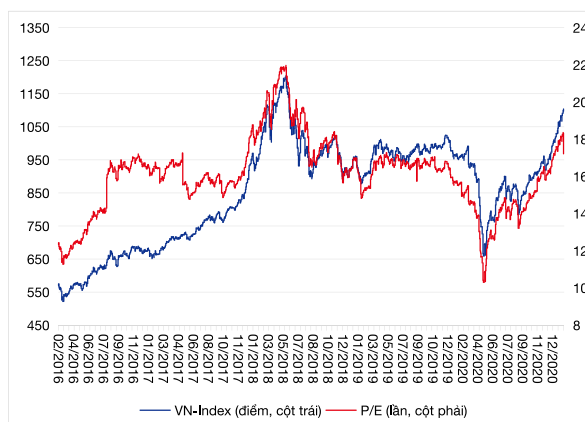
Việt Nam đang giải quyết nút thắt về vấn đề room ngoại (FOL)

Luật Chứng khoán sửa đổi, Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Luật Đầu tư sửa đổi đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Chúng tôi cho rằng, những thay đổi trong các luật trên sẽ góp phần gỡ nút thắt về vấn đề room ngoại. Cụ thể, Luật cũ quy định tỷ lệ FOL của công ty đại chúng tham gia các ngành kinh doanh không có điều kiện ở mức 49%, nhưng tỷ lệ này có thể được nới lỏng lên mức 100% sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và trình lên cơ quan quản lý phê duyệt. Tuy nhiên, cho đến nay mới chỉ có gần 40 công ty niêm yết đã nâng

(2) chúng tôi dự báo lợi nhuận của các doanh nghiệp trên toàn bộ chỉ số VN-Index sẽ tăng 23% so với cùng kỳ và tỷ suất cổ tức của VN-Index đạt 1,8% trong năm 2021.

Tiềm năng tăng giá của thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm: (1) TTCK Việt Nam được thêm vào danh sách theo dõi nâng hạng của MSCI từ Thị trường Cận biên sang Thị trường Mới nổi trong kỳ đánh giá hàng năm vào tháng 6/2021, (2) TTCK Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 của FTSE trong kỳ đánh giá hàng năm vào tháng 9/2021 và (3) vắc-xin Covid-19 được đưa vào sử dụng sớm hơn dự kiến. Rủi ro giảm giá bao gồm (1) kinh tế toàn cầu phục hồi chậm hơn dự kiến và (2) lợi nhuận của các công ty niêm yết phục hồi chậm hơn dự kiến và (3) các rủi ro liên quan đến kỹ thuật, hệ thống giao dịch.

P/E HIỆN TẠI CỦA VN-INDEX VẪN THẤP HƠN MỨC ĐỈNH 22 LẦN CỦA NĂM 2018



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, NHNN

FOL lên 100% do thủ tục thực hiện còn tương đối phức tạp. Luật mới đã giải quyết nút thắt này bằng cách tự động áp dụng FOL 100% cho các công ty đại chúng, trừ khi các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc luật chuyên ngành có các quy định cụ thể thấp hơn. Một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện vẫn có giới hạn chặt chẽ hơn, ví dụ: ngành ngân hàng có FOL ở mức 30%.

Luật Chứng khoán mới cũng mở rộng định nghĩa về chứng khoán. Theo đó, định nghĩa về chứng khoán bao gồm thêm chứng chỉ lưu ký (DR) và các quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) sẽ được quy định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp. Đây là tin tốt cho các doanh nghiệp chưa được nới room ngoại do hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, các nhà đầu tư nước ngoài không bị giới hạn sở hữu đối với NVDR

tại các doanh nghiệp đó. Điều này sẽ thu hút thêm vốn ngoại đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc nhiều quỹ ETF mới được thành lập trong nửa đầu năm 2020, đặc biệt là quỹ VFMVN Diamond ETF (quỹ này tập trung đầu tư vào các cổ phiếu đã hết “room ngoại”), đã mở ra một kênh đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào các cổ phiếu đã kín room, từ đó khơi thông hơn nữa dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài chảy vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Việt Nam cũng đang nỗ lực giải quyết điểm nghẽn về “Thanh toán bù trừ chứng khoán”

Việt Nam đang phối hợp với đối tác Hàn Quốc để triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán mới dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2021. Việt Nam cũng dự kiến thành lập Trung tâm thanh toán bù trừ theo mô hình đối tác bù trừ trung tâm (Central counter Party - CCP). Với việc áp dụng mô hình thanh toán bù trừ mới này, Việt Nam hy vọng sẽ giải quyết được vấn đề “yêu cầu kiểm tra phải có đủ tiền trước khi giao dịch” như tại thời điểm hiện tại, từ đó gỡ được “nút thắt” quan trọng trong quá trình nâng hạng lên thị trường mới nổi của MSCI và FTSE. Hệ thống giao dịch chứng khoán mới cũng được kỳ vọng sẽ góp phần triển khai thành công các sản phẩm mới như giao dịch trong ngày, bán chứng khoán chờ về, và các sản phẩm phái sinh mới, từ đó thu hút thêm

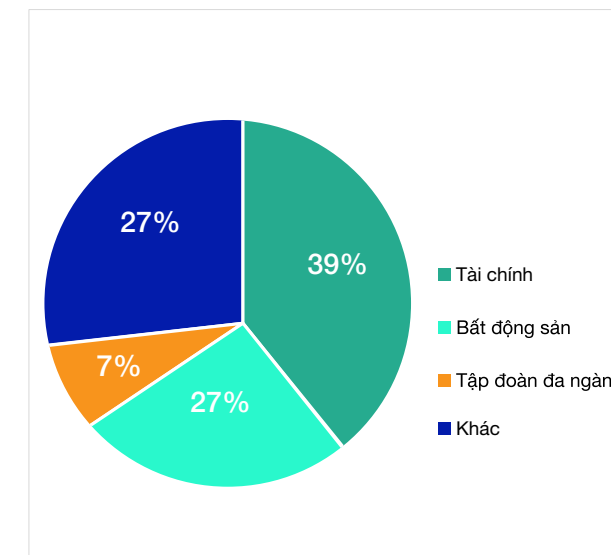
dòng tiền trong và ngoài nước đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

Triển vọng về thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam năm 2021

Năm 2020, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) phát hành đạt 449.957 tỷ đồng, tăng 43,1% so với năm 2019. Trong tháng 12/2020, có 51 doanh nghiệp phát hành riêng lẻ 45.110 tỷ đồng trái phiếu, tương ứng giá trị phát hành tăng 53,7% so với tháng 11/2020. Tỷ lệ phát hành thành công đạt 60%.

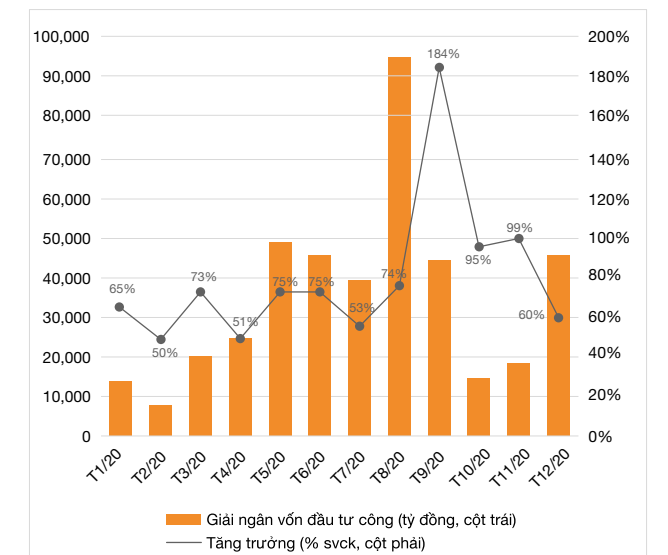
Năm 2020 giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt 415.736 tỷ đồng (tăng 40,1% so với năm 2019) và phát hành ra công chúng đạt 34.221 tỷ đồng (tăng 82,7% so với năm 2019), trong đó nhóm Tài chính – Ngân hàng dẫn đầu với tổng giá trị phát hành thành công là 102.538 tỷ đồng (giảm 14,3% so với cùng kỳ) tương ứng với tỷ trọng 24,7%. Đứng thứ 2 là nhóm ngành Bất động sản với giá trị phát hành đạt 62.964 tỷ đồng (tăng 10,3% so với cùng kỳ) tương ứng với tỷ trọng 15,1%; nhóm Tập đoàn đa ngành có tổng giá trị phát hành đạt mức 12.016 tỷ đồng tương ứng với tỷ trọng 2,9%. Các nhóm ngành khác có tổng giá trị phát hành đạt 238.218 tỷ đồng (tăng 89,1% so với cùng kỳ) tương ứng với tỷ trọng 57,3%.

CƠ CẤU TPDN PHÁT HÀNH THEO NGÀNH NĂM 2020 (%)



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, HNX

GIÁ TRỊ TPDN PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG NĂM 2020 (TỶ ĐỒNG)



NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, HNX



04. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VNDIRECT 2020

- 01. MẢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
- 02. MẢNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
- 03. MẢNG KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH
- 04. MẢNG KINH DOANH TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN
- 05. QUẢN LÝ QUỸ
- 06. CHI PHÍ QUẢN LÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VNDIRECT 2020

1. MẢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Nền tảng giao dịch

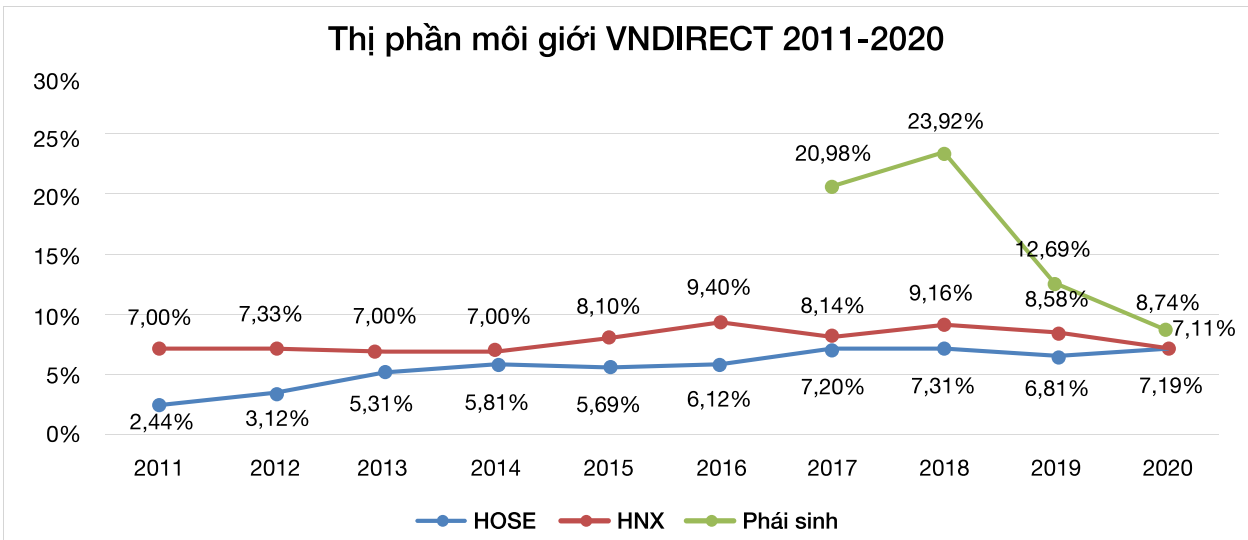
Cùng với sự thay đổi định hướng chuyển dịch số trên Hoạt động kinh doanh DVCK với mũi nhọn là Khách hàng cá nhân vẫn tiếp tục giữ được thị phần và tốc độ tăng trưởng cùng với thị trường, mặc dù môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn từ các công ty chứng khoán nước ngoài và các công ty chứng khoán mới nổi dùng chính sách giá và hoa hồng để cạnh tranh. Năm 2020 VNDIRECT vẫn giữ được doanh thu phí cơ sở với mức phí giao dịch trung bình năm đạt 0,16% và giá trị giao dịch cơ sở qua Công ty đạt 270.000 tỷ đồng.

Việc đi tiên phong trên thị trường áp dụng công nghệ mới eKYC trong quy trình mở tài khoản, cùng với nền

tăng giao dịch tiện ích và thân thiện với người dùng đã giúp VNDIRECT duy trì được thị phần tài khoản mở mới ở mức cao so với toàn thị trường. Lượng khách hàng mở mới tài khoản giao dịch chứng khoán của VNDIRECT trong năm 2020 đạt hơn 120.000 tài khoản, chiếm 30% số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới trên toàn thị trường. Trong 2 tháng đầu năm 2021, VNDIRECT vẫn tiếp tục ghi nhận tốc độ mở mới tài khoản giao dịch chứng khoán là hơn 35.000 tài khoản, tăng mạnh so với cùng kỳ 2020. Tài sản quản lý (NAV) cuối kỳ năm 2020 đạt hơn 73.000 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2019. Giá trị giao dịch chứng khoán của VNDIRECT tăng trưởng mạnh 61% so với năm 2019, cùng pha với mức tăng trưởng giao dịch của toàn thị trường (60%). Doanh thu phí dịch vụ môi giới chứng khoán năm 2020 đạt 479 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2019.

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng tài khoản Active	19.742	33.685	50.751	59.558	93.713
Số lượng tài khoản quản lý	103.509	137.839	189.796	278.693	402.378
Tài sản quản lý (tỷ đồng)	20.379	34.560	43.241	55.190	73.092

- Trong năm 2020, thị phần môi giới của VNDIRECT đã có các thay đổi như sau:
- Đối với cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE: thị phần tăng lên 7,19% (từ 6,81%)
- Đối với cổ phiếu niêm yết tại sàn HNX: thị phần giảm từ 8,58% xuống 7,11%
- Đối với thị trường phái sinh: thị phần giảm từ 12,69% xuống 8,74%.



Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng trưởng
DT môi giới chứng khoán	335	478	43%
DT lưu ký	13	14	8%

Hoạt động cho vay Margin của VNDIRECT mặc dù cũng bị cạnh tranh mạnh trong môi trường lãi suất rẻ của các công ty chứng khoán Hàn quốc nhưng vẫn giữ được tăng trưởng quy mô. Kết thúc năm 2020, quy mô danh mục cho vay ký quỹ đạt hơn 4.300 tỷ đồng, tăng 56% so với cuối năm 2019. Bên cạnh đó kỷ luật quản trị rủi ro hệ thống giúp VNDIRECT giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh cho vay Margin và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.



Kế hoạch năm 2021

VNDIRECT tiếp tục định hướng phát triển nghiệp vụ giao dịch chứng khoán dựa trên lợi thế về nền tảng công nghệ và các sản phẩm đa dạng, linh hoạt phù hợp với nhu cầu của từng nhóm nhà đầu tư riêng biệt. Nền tảng công nghệ hiện đại sẽ tiếp tục giúp đội ngũ tư vấn nắm được nhu cầu, mục tiêu cụ thể của từng khách hàng từ đó có thể đưa ra được giải pháp tư vấn phù hợp nhất. Thay vì cạnh tranh bằng việc giảm phí giao dịch, công ty vẫn kiên định với con đường liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như trải nghiệm của từng khách hàng trong hành trình đầu tư tại VNDIRECT.

Nền tảng dịch vụ Quản lý Tài sản theo con đường DGO

Năm 2020 VNDIRECT đã triển khai xây dựng gói dịch vụ DGO thiết kế cho khách hàng một lộ trình đầu tư bắt đầu từ giai đoạn xây dựng sức khỏe tài chính, từ đó giúp khách hàng tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng quản lý tài chính để có thể an tâm đầu tư.

Ra mắt từ tháng 10/2020, chương trình chia sẻ “Con đường DGO & Tháp tài sản” đang trở thành tâm điểm quan tâm của cộng đồng, không chỉ là những nhà đầu tư đã có kinh nghiệm trên thị trường, DGO thu hút mọi lứa tuổi tham gia: từ sinh viên, người đi làm, gia đình trẻ, nhà kinh doanh trẻ... tất cả những ai quan tâm đến tài chính cá nhân.

Chỉ sau 2 tháng tổ chức, DGO thu hút hơn 3.000 lượt đăng ký và hơn 100 học viên tham gia vào mỗi buổi. Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và lựa chọn con đường an tâm đầu tư của mọi cá nhân, bắt đầu từ tháng 11/2020, học viện DWEALTH Academy phủ sóng DGO tại cả hai miền Nam Bắc và trở thành điểm hẹn tri thức của cộng đồng nhà đầu tư vào mỗi sáng Thứ 7 hàng tuần.

Chương trình DGO ra đời mang nội dung thiết thực cho tất cả cá nhân đi tìm câu trả lời cho con đường đầu tư phù hợp và luyện tập kỹ năng đầu tư – như một kỹ năng thiết yếu trong cuộc sống. Nội dung khóa học được thiết kế từ “người truyền trường” đã gắn bó với ngành tài chính 25 năm và có tầm ảnh hưởng trên thị trường – Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT.

Song hành cùng nhà đầu tư trên con đường DGO, VNDIRECT đặt ưu tiên hàng đầu trong việc lựa chọn và đào tạo đội ngũ huấn luyện viên tài chính có đủ trí tuệ và đạo đức để hỗ trợ khách hàng trên con đường xây dựng sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư. Đội ngũ chuyên gia tư vấn được tuyển dụng và đào tạo bài bản của VNDIRECT sẽ tạo tiền đề cho năng lực tư vấn đầu tư và phân phối các sản phẩm đầu tư tài chính trong những năm tới.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VNDIRECT 2020

2. MẢNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Tiếp tục chiến lược xây dựng Khối Khách hàng doanh nghiệp từ năm 2019 theo hướng hỗ trợ và khai thác tối đa nhu cầu toàn diện cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp, sang năm 2020, VNDIRECT tiếp tục gặt hái được thành công trong công tác xây dựng và mở rộng tập khách hàng doanh nghiệp và đã xây dựng được mối quan hệ vững chắc với là các tập đoàn lớn trong lĩnh vực bất động sản, năng lượng, hạ tầng thiết yếu, y tế... VNDIRECT tập trung chăm sóc và tư vấn khách hàng chuyên sâu để giới thiệu và đáp ứng được đa dạng nhu cầu của khách hàng hơn là chỉ tập trung đáp ứng một dịch vụ đơn lẻ. Theo đó, hầu hết các KHDN tại VNDIRECT sử dụng hơn hai dịch vụ. Các dịch vụ như tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn quản lý dòng tiền, và các dịch vụ cho cổ đông là các gói dịch vụ phát huy được thế mạnh của VNDIRECT đối với các khách hàng doanh nghiệp. Việc đáp ứng được đa dạng nhu cầu cho khách hàng chính là động lực để VNDIRECT tiếp tục kiên định trở thành một đối tác tài chính toàn diện cho các khách hàng doanh nghiệp.

Năm 2020 thị trường trái phiếu tiếp tục phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, tạo điều kiện cho các công ty chứng khoán tư vấn được nhiều doanh nghiệp xây dựng kênh phát hành trái phiếu qua các hình thức riêng lẻ và đại chúng, giúp nhà đầu tư tiếp cận được thông tin minh bạch và dễ giao dịch khiến cho hình thức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp ngày càng được phổ cập rộng rãi. Năm trong xu thế đó cùng với lợi thế của mạng lưới kênh phân phối là các khách hàng cá nhân lớn, VNDIRECT tiếp tục có cơ hội khẳng định được chất lượng tư vấn trong hoạt động dịch vụ Ngân hàng đầu tư, đặc biệt đối với cầu phần sản

phẩm tư vấn thị trường nợ (DCM) với tổng doanh thu đạt 59 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với năm 2019.

Qua thời gian, VNDIRECT đã xây dựng được điều kiện tài chính và điều kiện kinh doanh để có thể nâng cao năng lực tư vấn tài chính doanh nghiệp và năng lực tư vấn phát hành trên thị trường với các quy mô phát hành ngày càng lớn hơn. Bên cạnh đó, VNDIRECT còn hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thị trường vốn quốc tế, tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược hay nhà đầu tư tài chính phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp.

Mục tiêu

Trong năm 2021, VNDIRECT định hướng hoạt động của Khối khách hàng doanh nghiệp sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục tăng cường hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu đối với nhóm khách hàng mục tiêu, đồng thời hướng tới tư vấn mô hình tài chính toàn diện cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp nâng cao sức khỏe tài chính để an tâm kinh doanh.
- Tăng cường hoạt động phối kết hợp giữa các bộ phận khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và thị trường vốn để nâng cao năng lực phân phối các sản phẩm huy động vốn của khách hàng doanh nghiệp đến toàn thị trường.
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ chuyên nghiệp có năng lực tư vấn sản phẩm tài chính toàn diện cho khách hàng doanh nghiệp.



3. MẢNG KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Với thế mạnh nền tảng giao dịch đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, được đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại, VNDIRECT được các quỹ đầu tư lớn trong và ngoài nước tin tưởng lựa chọn khi đầu tư tại Việt Nam. Năm 2020, doanh thu mảng dịch vụ chứng khoán cho nhóm khách định chế tài chính tăng trưởng 36% so với năm 2019 và vượt 18% so với kế hoạch đầu năm đề ra.

VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện nền tảng giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức quốc tế: xây dựng nền tảng giao dịch điện tử kết nối với các tổ chức giao dịch chứng khoán quốc tế lớn thông qua FIX, đồng thời tiếp tục hoàn thiện giải pháp giao dịch White Label cho các đối tác là các công ty chứng khoán nước ngoài cho cả giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh.

Với khách hàng định chế là các tổ chức tín dụng, năm 2020 VNDIRECT đã thiết lập được quan hệ hạn mức kinh doanh vốn với gần 30 ngân hàng trong và ngoài nước với hạn mức lên đến gần 20.000 tỷ, tăng 43% so với năm 2019, nhờ đó VNDIRECT xây dựng được năng lực kinh doanh và điều kiện tài chính để đón nhận được chủ động và hiệu quả các cơ hội kinh doanh trên thị trường.

Với mong muốn trở thành người đồng hành tin cậy và vững chắc của khách hàng trong hành trình đầu tư bảo vệ sức khỏe tài chính, VNDIRECT mở rộng hợp tác với các công ty công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín trên thị trường để có thể mang đến các giải pháp bảo vệ tối đa cho khách hàng, đồng thời giúp khách hàng phân bổ tài chính hiệu quả vào các danh mục sản phẩm trong Tháp tài sản. VNDIRECT tiếp tục hợp tác phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Sunlife và sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ của PTL, các sản phẩm được tư vấn phân bổ tài sản cho khách hàng bởi đội ngũ tư vấn tài sản chuyên nghiệp của VNDIRECT.

4. MẢNG KINH DOANH TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN

Năng lực huy động vốn

Năm 2020 VNDIRECT tiếp tục mục tiêu nâng cao năng lực huy động vốn thông qua việc xây dựng các quan hệ tín dụng mới và phát hành trái phiếu. Hạn mức tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế giúp VNDIRECT đa dạng hóa nguồn vốn huy động bằng cả tiền đồng và ngoại tệ, đồng thời tránh rủi ro tập trung đối tác. Đối với các hạn mức vay vốn bằng ngoại tệ, VNDIRECT cũng linh hoạt sử dụng các chiến lược về phòng ngừa rủi ro tỷ giá để đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, VNDIRECT tiếp tục bổ sung nguồn vốn của Công ty thông qua việc phát hành trái phiếu. Năm 2020 VNDIRECT tiếp tục phát hành tổng cộng hơn 300 tỷ trái phiếu kỳ hạn 1 đến 2 năm cho các nhà đầu tư tổ chức. Trái phiếu tiếp tục là kênh huy động vốn ổn định cho VNDIRECT trong những năm gần đây.



Chuyển dịch cơ cấu phân bổ tài sản, đa dạng hóa nguồn thu từ các hoạt động đầu tư

Năm 2020, VNDIRECT tiếp tục chủ động chuyển dịch trong các hoạt động đầu tư vốn với mục tiêu tăng trưởng quy mô vào các sản phẩm đầu tư có lãi suất cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do các định chế tài chính phát hành, trái phiếu doanh nghiệp. Ở chiều ngược lại, Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư cổ phiếu với mục tiêu xây dựng lại nền tảng về nguyên tắc tiếp cận đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó lường do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung dành nguồn lực phát triển các sản phẩm cấu trúc như chứng quyền có bảo đảm, ETF, tiếp tục định vị là công ty tiên phong trên thị trường trong việc cung cấp các sản phẩm phái sinh.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VNDIRECT 2020

Kết quả năm 2020, Tổng lợi nhuận Khối Thị trường vốn đạt 885 tỷ đồng, tăng trưởng 51% so với năm 2019. Doanh thu hoạt động kinh doanh vốn được phân bổ khá đồng đều trên các mảng kinh doanh nguồn vốn, kinh doanh trái phiếu, kinh doanh cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc:

Hoạt động	Doanh thu 2020 (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Kinh doanh nguồn vốn	357	32,4%
Kinh doanh trái phiếu	406	36,8%
Kinh doanh cổ phiếu	327	29,6%
Tạo lập thị trường và bảo lãnh phát hành trái phiếu	13	1,2%
Tổng	1.103	100,0%

Đối với hoạt động tạo lập thị trường và bảo lãnh phát hành trái phiếu, VNDIRECT tiếp tục tạo ra chuỗi giá trị từ việc tư vấn, bảo lãnh phát hành và phân phối thứ cấp cho các đợt phát hành trái phiếu. Năm 2020 VNDIRECT đã tư vấn thành công cho hai đợt phát hành trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) với tổng giá trị phát hành đạt hơn 9.400 tỷ đồng, giúp cho ngân hàng huy động thành công nguồn vốn trung, dài hạn phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động. Theo đó, giao dịch tư vấn của VNDIRECT còn góp phần cung cấp một lượng hàng hóa phong phú và có chất lượng cao ra thị trường.

Tất cả trái phiếu do VNDIRECT bảo lãnh phát hành và phân phối đều được lựa chọn, đánh giá và thẩm định

theo các quy trình chặt chẽ trước khi phát hành nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho nhà đầu tư thứ cấp. Trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang phát triển nóng thì việc lựa chọn các tổ chức phát hành uy tín, thông tin minh bạch, có tài sản đảm bảo chất lượng là những tiêu chí được công ty đưa lên hàng đầu trong hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp.

Về hoạt động đầu tư vốn chủ sở hữu, VNDIRECT vẫn tiếp tục chiến lược tích sản qua các hoạt động đầu tư công ty và góp vốn để xây dựng các nền tảng phát hành và quản lý chứng chỉ quỹ. Các khoản lớn trên danh mục đầu tư vốn chủ sở hữu của công ty bao gồm:

Công ty	Số vốn đầu tư gốc (tỷ đồng)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện (PTI)	267
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	100
Công ty TNHH iVND	20
Quỹ đầu tư chủ động VND	46
Quỹ đầu tư trái phiếu VND	51

Nguồn: VNDIRECT

Mục tiêu 2021

Thị trường vốn Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển nhanh về quy mô và chất lượng trong năm tới, đặc biệt thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ do nhu cầu từ thị trường cũng như việc hành lang pháp lý ngày một hoàn thiện hơn. Để kịp thời nắm bắt được cơ hội, VNDIRECT sẽ thực hiện tăng quy mô vốn chủ sở hữu từ các đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021, giúp Công ty bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh.

Về định hướng hoạt động kinh doanh, Khối thị trường vốn trong năm tiếp tục tập trung vào bốn mục tiêu chiến lược:

- Quản lý cân đối nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh – Kết nối quan hệ tín dụng với các định chế ngân hàng và năng lực vốn kinh doanh ngắn hạn.
- Quản lý vốn và tài sản an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững, nâng cao khả năng huy động vốn cổ đông.

- Xây dựng năng lực kinh doanh rủi ro trên đa dạng các kênh tài sản bao gồm các sản phẩm trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.
- Xây dựng mở rộng năng lực bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường cho các đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

5. QUẢN LÝ QUỸ

Nằm trong sự chuyển dịch mô hình kinh doanh của Công ty mẹ VNDIRECT từ dịch vụ giao dịch chứng khoán sang mô hình kinh doanh dịch vụ tài chính toàn diện, Công ty Quản lý quỹ IPAAM cũng đã có sự thay đổi chiến lược, từ đơn vị quản lý đầu tư nội bộ cho Tập đoàn IPA và VNDIRECT trước đây sang cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính đa dạng của VNDIRECT.

Với thế mạnh công nghệ đi đầu thị trường hỗ trợ tối đa hoạt động phân tích, theo dõi, quản lý đầu tư và quản trị rủi ro trong đầu tư, IPAAM giúp nhà đầu tư giao dịch các loại hình tài sản đầu tư (bao gồm chứng chỉ quỹ) trực tuyến thuận lợi, an toàn và nhanh chóng.

IPAAM cung cấp dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp với các chuyên gia về xây dựng chiến lược

đầu tư, phân bổ tài sản và quản lý đầu tư. Tài sản của nhà đầu tư được quản lý độc lập và giám sát chặt chẽ bởi bộ phận quản lý rủi ro riêng biệt. Nhà đầu tư tiết kiệm được thời gian và nguồn lực cho việc phải thường xuyên phân tích nghiên cứu, tìm kiếm lựa chọn cơ hội đầu tư và thực hiện đầu tư cho danh mục.

Các sản phẩm của IPAAM được thiết kế đa dạng phục vụ nhu cầu và khẩu vị rủi ro của từng khách hàng, từ tài sản phòng vệ DLIFE đến các tài sản tích sản DSIP như quỹ mở trái phiếu VNDBF, quỹ mở cổ phiếu VNDAF với chiến lược đầu tư vào các cổ phiếu thuộc nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn hàng đầu và tiềm năng phát triển bền vững dài hạn. Đặc biệt, Chương trình đầu tư định kỳ Quỹ VNDAF – SIP ra mắt năm 2020 với số vốn đóng góp định kỳ hàng tháng chỉ từ 100.000 đồng, giúp cho khách hàng thực hành thói quen tiết kiệm đầu tư một cách có hệ thống, kỷ luật và hiệu quả.

Trong năm 2021 IPAAM đặt mục tiêu tiếp tục phát triển và đưa các sản phẩm đầu tư mới (như chứng chỉ quỹ ETF) tiếp cận tới được nhiều hơn các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức thông qua kênh phân phối dịch vụ đầu tư và quản lý tài sản của VNDIRECT, từ đó hoàn thiện rõ sản phẩm giúp khách hàng xây dựng Tháp tài sản theo định hướng An tâm đầu tư tại VNDIRECT.

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ

Năm 2020 VNDIRECT tiếp tục tối ưu hóa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả vận hành chung trên toàn Công ty. Trong cơ cấu chi phí quản lý, chi phí nhân sự chiếm tỷ trọng lớn nhất - khoảng 61% tổng chi phí quản lý công ty. Trong khi đó, chi phí thuê văn phòng năm 2020 tăng 113% so với năm 2019 do định hướng mở rộng chi nhánh, mạng lưới để tăng độ phủ của Công ty tại các địa bàn trọng điểm trên cả nước.

Chi phí quản lý (tỷ đồng)	2020	2019	% thay đổi
Chi phí nhân sự	217,5	207,0	5%
Khấu hao tài sản	20,6	0,7	0%
Thuê văn phòng	56,7	26,6	113%
Dịch vụ mua ngoài	56,1	46,7	20%
Chi phí khác	7,2	8,4	-15%
Tổng cộng	358,0	309,4	16%

Nguồn: Báo cáo tài chính



05. HOẠT ĐỘNG KHỐI HỖ TRỢ

- 01. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC SỐ HÓA
- 02. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ
- 03. QUẢN TRỊ RỦI RO

1. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC SỐ HÓA

Hoạt động vận hành kinh doanh của VNDIRECT đã được ưu tiên chuẩn hóa và số hóa trong suốt quá trình hoạt động 14 năm, giúp VNDIRECT có được văn hóa quản trị hoạt động rất linh hoạt mà vẫn đảm bảo nguyên tắc kiểm soát tam lập maker - checker – balance nhằm giảm thiểu rủi ro lỗi vận hành, rủi ro tuân thủ và rủi ro hoạt động khác.

Trong định hướng chuyển dịch từ một nền tảng giao dịch sang nền tảng quản lý tài sản cho khách hàng, VNDIRECT đảm bảo khách hàng được trải nghiệm một hành trình đầu tư thuận tiện nhất, từ thời điểm khách hàng mở tài khoản (trực tuyến qua eKYC hay trực tiếp tại quầy), cho đến việc kiểm tra sức khỏe tài chính (financial health check), đăng ký nhân viên chăm sóc tài khoản, thực hiện giao dịch trên bảng giá, đăng ký các gói dịch vụ cho vay ký quỹ, rút tiền về tài khoản ngân hàng... Tất cả các hoạt động của khách hàng được thực hiện nhanh chóng, tiện nghi và an toàn trên nền tảng iVND - nền tảng quản lý tài sản cá nhân kết nối đầy đủ với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ tại VNDIRECT.

Năm 2020 thị trường chứng khoán có nhiều biến động với khối lượng giao dịch tăng đột biến trong các tháng cuối năm, làm cho tổng khối lượng giao dịch vận hành của VNDIRECT năm 2020 tăng mạnh 50% so với năm 2019. Mặc dù vậy hệ thống vận hành của VNDIRECT luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ đã có cũng như xây dựng và phát triển sản phẩm theo mục tiêu kinh doanh mới - cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho nhà đầu tư cá nhân.

Đội ngũ giám sát vận hành kinh doanh đã tích lũy được kinh nghiệm và năng lực giám sát và quản trị vận hành, đảm bảo VNDIRECT đáp ứng các điều kiện vận hành kinh doanh liên tục trong các điều kiện của thị trường. Năm 2020, các chính sách giãn cách xã hội của Chính phủ cũng đã giúp VNDIRECT thử thách và tiếp tục hoàn thiện năng lực vận hành từ xa và số hóa các cảnh báo hoạt động đảm bảo an ninh thông tin và an ninh hệ thống. VNDIRECT đã thực hiện kế hoạch ứng phó nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục (BCP), giúp đảm bảo an toàn cao nhất cho khách hàng, nhân viên và đối tác khi có những rủi ro bất chợt như dịch bệnh, thiên tai... đồng thời giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty đã thực hiện đo lường Demand Rate và các điểm chạm kiểm soát nghiệp vụ - hướng tới tăng cường năng lực vận hành và nhận diện rủi ro, giảm thiểu lỗi nghiệp vụ xuống mức 0,01%. Các quy trình vận hành liên tục được tối ưu để giảm lãng phí và được số hóa để tiến tới số hóa 100% quy trình nghiệp vụ tác nghiệp và lưu trữ hồ sơ dữ liệu tập trung, giảm tải các khâu không tạo giá trị trực tiếp cho khách hàng để giảm thiểu các chi phí hoạt động vận hành của Công ty.



2. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ

VNDIRECT ngay từ lúc đầu thành lập đã lựa chọn chiến lược tự phát triển hệ thống công nghệ và các giải pháp số hóa. 2020 là một năm thử thách lớn của VNDIRECT, khi nền tảng công nghệ được thử thách với một mức tải lớn gấp nhiều lần so với những thời kỳ trước. Hệ thống VNDIRECT đã đáp ứng rất tốt với điều kiện kinh doanh mới, mặc dù Công ty cũng gặp thách thức khi hệ thống bị quá tải gây mất ổn định trong kết nối với bên nhà mạng và quá tải của các kết nối được cung cấp bởi đối tác dịch vụ bên ngoài. Công ty đã tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ nhằm đáp ứng các yêu cầu mở rộng hệ thống và năng lực tải cho giao dịch chứng khoán.

Một số thành quả nổi bật của Khối Công nghệ trong năm 2020:

- Tiến phong trên thị trường trong việc triển khai Giải pháp Định danh khách hàng điện tử - eKYC trong quy trình đăng ký và xác thực tài khoản. Giải pháp eKYC tại VNDIRECT được xây dựng trên nền tảng công nghệ nhận dạng ký tự quang học OCR và Trí tuệ nhân tạo (AI – Artificial Intelligence), giúp nhận diện, đối chiếu ký tự, hình ảnh, khuôn mặt trên giấy tờ tùy thân, video call, đảm bảo tính chính xác, an toàn cao cho toàn bộ quy trình.
- Tiếp tục nâng cấp tối ưu bảng giá DBOARD với những vượt trội về tốc độ và tiện ích, tốc độ tải dữ liệu cao, giúp cho nhà đầu tư giao dịch được nhanh chóng, thuận tiện, phục vụ được quy mô khách hàng truy cập tăng mạnh trong năm 2020. Không chỉ đơn thuần là Bảng giá giao dịch chứng khoán, VNDIRECT đã phát triển DBOARD trở thành Nền tảng giao dịch trực tuyến đa tài sản – Nơi mà nhà đầu tư có thể giao dịch trực tuyến Chứng khoán cơ sở, Phái sinh, Chứng quyền, Chứng chỉ quỹ hay Trái phiếu
- Tiếp tục phát triển nền tảng Quản lý tài sản iVND cho khách hàng cá nhân theo chiến lược DGO - con đường kiến tạo sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư. iVND kết nối trực tiếp khách hàng với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ, hệ tri thức và đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư tại VNDIRECT. Không chỉ có vậy, nền tảng iVND còn giúp cung cấp cho khách hàng báo cáo chi tiết các loại tài sản đang nắm giữ một cách thuận tiện, tập trung, kịp thời cảnh báo những biến động về tài sản, thị trường, giúp hạn chế rủi ro trong quá trình đầu tư của khách hàng.
- Tăng cường công tác quản trị và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là công tác an ninh bảo mật, an toàn thông tin, chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ 24/24 theo hệ thống quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát cập nhật. Trong năm 2020 các phương án, kịch bản xử lý trong trường hợp phát sinh sự cố công nghệ thông tin được triển khai xây dựng và tổ chức diễn tập định kỳ, đảm bảo năng lực vận hành liên tục, giúp hệ thống công nghệ thông tin của Công ty hoạt động ổn định và an toàn trong năm 2020.

Đội ngũ chuyên gia công nghệ của VNDIRECT cũng có nhiều thay đổi nhân sự do việc thay đổi định hướng và sự cạnh tranh nguồn lực từ các công ty chứng khoán khác, nhưng VNDIRECT vẫn tiếp tục duy trì được năng lực tự thiết kế và phát triển giải pháp công nghệ cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Công ty tiếp tục đầu tư đội ngũ dữ liệu và AI để nâng cao năng

lực phân tích nhận diện kinh doanh và lấy lợi thế công nghệ là lợi thế cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của VNDIRECT.

Trong năm 2021, VNDIRECT sẽ tiếp tục tích cực tham gia thử nghiệm và sẵn sàng kết nối với hệ thống Core mới KRX của Sở giao dịch HoSE khi hệ thống mới đi vào vận hành. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống phục vụ lượng tải và truy cập lớn từ cộng đồng nhà đầu tư.

Năm 2021 sẽ là năm đầu tiên VNDIRECT triển khai tầm nhìn công nghệ 10 năm giai đoạn 2021-2030. Giữ vững vị thế là công ty chứng khoán có nền tảng công nghệ hàng đầu tại Việt Nam, VNDIRECT sẽ tiếp tục tối ưu nền tảng giao dịch, các sản phẩm giao dịch hiện đại hướng tới khách hàng, thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số, giúp khách hàng có được trải nghiệm đầu tư thuận tiện và an toàn nhất tại VNDIRECT.

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan hệ thống QTRR tại VNDIRECT

VNDIRECT đã xây dựng bộ phận quản trị rủi ro và giám sát hoạt động độc lập với đội ngũ kinh doanh, vận hành mô hình quản trị “Ba tuyến phòng thủ” theo thực hành tiên tiến trên thế giới và trong nước, để đảm bảo năng lực nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro ở mọi cấp độ và các loại rủi ro, bao gồm các rủi ro trọng yếu: rủi ro thị trường rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý, rủi ro tín dụng.

- Tuyến phòng thủ thứ nhất là các đơn vị kinh doanh, các bộ phận hỗ trợ và tác nghiệp kinh doanh có chức năng xây dựng và ban hành các quy trình nội bộ, thực hiện nhận dạng, đo lường và xây dựng các hạn mức rủi ro tại chính đơn vị mình.
- Tuyến phòng thủ thứ hai gồm bộ phận QTRR và kiểm soát nội bộ có chức năng xây dựng chính sách, chiến lược và tổ chức hoạt động QTRR, bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và QTRR thống nhất và độc lập với tuyến thứ nhất.
- Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận trực thuộc Ban kiểm soát và không thuộc Ban Điều hành của Công ty, định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các chuyên đề KTNB nhằm đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động QTRR của Công ty.

Năm 2020, hệ thống chính sách, quy chế, quy trình về vận hành nội bộ cũng như QTRR của Công ty tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện, chuẩn hóa lại các mô hình, phương pháp QTRR nhằm nâng cao năng lực kinh doanh rủi ro của VNDIRECT để thích ứng với các cơ hội và thách thức trên thị trường.

Hệ thống các sản phẩm – dịch vụ trong lĩnh vực tài chính nói chung và trong phạm vi hoạt động các công ty chứng khoán nói riêng ngày càng đa dạng với nhiều cấu trúc phức tạp, công tác QTRR càng cần được chú trọng để giảm thiểu những tổn thất không mong muốn xảy ra. Tất cả các sản phẩm và dịch vụ trước khi được ban hành mới hay ban hành sửa đổi đều phải trải qua quá trình nghiên cứu, phân tích thị trường kỹ lưỡng để đưa ra kế hoạch phát triển sản phẩm. Đồng thời, cả ba tuyến FO–MO–BO cùng tham gia đánh giá và đóng góp ý kiến dựa trên nền tảng Risk Adjusted Pricing, xây dựng quy trình vận hành tác nghiệp nhất quán với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin.

Bên cạnh hoạt động QTRR chung, trong năm 2020 Công ty đã đánh giá và nâng cấp hoạt động của Hội đồng ALCO và Hội đồng Đầu tư (IC) nhằm đáp ứng yêu cầu về nâng cao năng lực quản trị, đánh giá rủi ro và tối ưu vốn cho Công ty.



Quy trình QTRR

Quy trình QTRR tại VNDIRECT được triển khai bao gồm 4 bước: Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro.

► Nhận diện rủi ro

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua số liệu thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm soát nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan,...



► Đo lường và đánh giá rủi ro

a. Đo lường rủi ro

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xác định trạng thái rủi ro: Trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản,...
- Xác định xác suất xảy ra rủi ro: PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành...
- Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng: Độ biến động, PV01, VAR, PnL...
- Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, các chỉ tiêu đo lường rủi ro khác....

b. Hạn mức rủi ro

Tùy vào bản chất của loại rủi ro và nghiệp vụ kinh doanh cụ thể, VNDIRECT có phương pháp xác định hạn mức rủi ro tương ứng, đảm bảo nằm trong khung khẩu vị rủi ro toàn hàng và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty từng thời kỳ;

Hạn mức rủi ro được xác định dựa trên chiến lược hoạt động của toàn Công ty và được phân quyền phê duyệt theo các cấp quản lý nghiệp vụ, trong đó hạn mức rủi ro tổng của Công ty được phê duyệt bởi HĐQT. TGD hoặc cá nhân/đơn vị được TGD ủy quyền thực hiện phân bổ tới các sản phẩm, nghiệp vụ cấp thấp hơn nhưng đảm bảo không vượt quá hạn mức rủi ro tổng;



Việc xác định hạn mức rủi ro có thể thực hiện bởi phương pháp định lượng (ví dụ giá trị VAR) hoặc theo phương pháp định tính (ví dụ phương pháp chuyên gia) do đơn vị kinh doanh hoặc do bộ phận QTRR đề xuất nhưng luôn đảm bảo có sự thẩm định, đánh giá độc lập của tuyến phòng thủ thứ hai. Các hạn mức rủi ro này sẽ được định kỳ thực hiện đánh giá tính hợp lý của giá trị hạn mức để có các điều chỉnh cần thiết và kịp thời

► Theo dõi rủi ro

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

► Kiểm soát rủi ro

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khung khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh;

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.



HOẠT ĐỘNG KHỐI HỖ TRỢ

Trong năm 2020, VNDIRECT thực hiện công tác QTRR đối với một số rủi ro trọng yếu như sau:

1. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là các rủi ro phát sinh từ biến động bất lợi của các nhân tố thị trường (giá cổ phiếu, giá hàng hóa, lãi suất, tỷ giá) tới trạng thái rủi ro nắm giữ, từ đó gây ra tổn thất về vốn hoặc lợi nhuận cho Công ty

Rủi ro thị trường tiềm ẩn đối với các nghiệp vụ và công cụ tài chính sau tại VNDIRECT:

- Nghiệp vụ tự doanh và đầu tư cổ phiếu: Chịu rủi ro từ biến động giá cổ phiếu;
- Nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh trái phiếu: Chịu rủi ro từ biến động giá giấy tờ có giá (bao gồm cả biến động trực tiếp của giá trái phiếu niêm yết và biến động lãi suất đối với các loại trái phiếu, giấy tờ có giá khác);
- Nghiệp vụ thị trường: Chịu rủi ro từ biến động lãi suất và tỷ giá;
- Nghiệp vụ cho vay ký quỹ: Chịu rủi ro từ biến động giá cổ phiếu và biến động giá tài sản đảm bảo chịu rủi ro từ giá hàng hóa, lãi suất, tỷ giá... (nếu có).

Việc đo lường rủi ro thị trường tại VNDIRECT được thực hiện thông qua bộ công cụ đo lường rủi ro cơ bản, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Trạng thái rủi ro: Trạng thái giấy tờ có giá, trạng thái ngoại tệ, ...
- Lợi nhuận danh mục đầu tư: Bao gồm cả lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận đánh giá lại theo giá trị thị trường nhằm phản ánh chính xác và kịp thời nhất tác động của biến động thị trường tới trạng thái danh mục nắm giữ;
- PV01 – Present value of 1 basis point: Đo lường biến động giá trị thị trường của danh mục (danh mục trái phiếu...) nếu lãi suất thị trường biến động 0,01%;
- VAR – Value at Risk: Đo đường mức lỗ tối đa của danh mục trong một khoảng thời gian nhất định với một độ tin cậy xác định trước;
- Độ biến động nhân tố rủi ro thị trường để từ đó xây dựng và điều chỉnh các chiến lược phòng vệ. Ví dụ như với danh mục chứng quyền có đảm bảo, độ biến động giá chứng khoán cơ sở là

tham số trọng yếu để tính toán giá chứng quyền;

- Một số công cụ đo lường rủi ro thị trường khác: Greek letters, Δ NII, Duration, ...

VNDIRECT thiết lập các hạn mức rủi ro trên cơ sở phân tích bộ chỉ tiêu đo lường rủi ro, chiến lược kinh doanh và khẩu vị rủi ro của VNDIRECT. Các hạn mức rủi ro thị trường của Công ty đã được thiết lập bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi:

- Hạn mức trạng thái;
- Hạn mức lỗ, bao gồm các ngưỡng cảnh báo lỗ;
- Hạn mức thời gian nắm giữ

VNDIRECT thực hiện quản trị rủi ro thị trường theo mô hình 3 tuyến phòng thủ. Bộ phận QTRR và kiểm soát nội bộ phối hợp với các đơn vị kinh doanh và vận hành nghiệp vụ xây dựng bộ văn bản nội bộ (quy chế, quy định, quyết định, quy trình, hướng dẫn) quy định rõ phương pháp đo lường rủi ro, hệ thống và tần suất báo cáo quản trị, hạn mức rủi ro và phân cấp ủy quyền, chức năng nhiệm vụ của các cấp, đơn vị trong hệ thống VNDIRECT đối với công tác quản trị rủi ro thị trường.

Ngoài ra, VNDIRECT cũng nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo định kỳ tập trung, đào tạo tại chỗ, các khóa học bên ngoài.



2. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ theo hợp đồng hoặc theo thỏa thuận với VNDIRECT.

Rủi ro tín dụng tiềm ẩn với các nghiệp vụ hoạt động sau của VNDIRECT:

- Hoạt động đầu tư trái phiếu, giấy tờ có giá, hợp đồng tiền gửi (hoạt động đầu tư tài chính);
- Hoạt động cho vay ký quỹ;

VNDIRECT thực hiện QTRR đối với rủi ro tín dụng theo mô hình 3 tuyến phòng thủ dựa trên bản chất kinh doanh và mức độ rủi ro của từng nghiệp vụ. Bộ phận QTRR và kiểm soát nội bộ phối hợp với các đơn vị kinh doanh và vận hành nghiệp vụ xây dựng bộ văn bản nội bộ quy định rõ phương pháp đo lường, hạn mức rủi ro, hệ thống và tần suất báo cáo tương thích với từng sản phẩm. Đối với 02 hoạt động chính, VNDIRECT thực hiện quản lý rủi ro tín dụng như sau:

Hoạt động đầu tư tài chính: Do giá trị các khoản đầu tư này thường lớn nên VNDIRECT chú trọng đánh giá khách hàng và hồ sơ đầu tư kỹ lưỡng trên các khía cạnh: Uy tín của tổ chức phát hành (được đánh giá theo mô hình xếp hạng tín nhiệm, dựa trên khảo sát thực tế, mạng lưới thông tin có thể thu thập,...),

đánh giá tài sản đảm bảo (theo các mô hình định giá tiên tiến để áp dụng các tỷ lệ giảm trừ hay mức cho vay tương ứng), hồ sơ tài chính doanh nghiệp và nguồn thu để chi trả các nghĩa vụ nợ. Ngoài ra, VNDIRECT là công ty có khẩu vị rủi ro khá thấp đối với nghiệp vụ này khi đối tác đều là các tổ chức có uy tín trên thị trường như VCB, BIDV, MBB, TCB, VIB... (đối với các TCTD) hay DXG, HDG... (đối với doanh nghiệp). Công ty cũng thiết lập các hạn mức và công cụ tương ứng để giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động này như hạn mức trạng thái, giới hạn tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo, quy định các giới hạn với hồ sơ tài chính doanh nghiệp, theo dõi trước và sau giải ngân...

Hoạt động cho vay ký quỹ: Mỗi khách hàng khi đến với VNDIRECT đều phải trải qua quy trình nhận biết thông tin khách hàng (KYC) để đánh giá uy tín khách hàng. Cho vay ký quỹ là hoạt động cốt lõi của công ty chứng khoán và được giảm thiểu rủi ro phát sinh thông qua việc thiết lập các chỉ số theo dõi, hạn mức rủi ro theo quy định của UBCK cũng như theo khẩu vị rủi ro của VNDIRECT, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Tổng hạn mức cho vay; Hạn mức cho vay theo khách hàng, theo mã cổ phiếu, theo ngành nghề; Các ngưỡng tỷ lệ ký quỹ và biện pháp xử lý tương ứng; Đánh giá danh mục cho vay theo các mô hình nội bộ (DRATING) và khẩu vị rủi ro của Công ty.

3. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán đúng hạn hoặc không chuyển giao tài sản đúng như cam kết với VNDIRECT.

Rủi ro thanh toán xuất phát từ trạng thái thanh toán của đối tác bất lợi với trạng thái mở ban đầu (lỗ vị thế) hoặc đối tác không có khả năng thực hiện thanh toán do vấn đề phát sinh nội bộ. Việc đo lường rủi ro thanh toán tại VNDIRECT được thực hiện theo cả phương pháp định tính và phương pháp định lượng, cụ thể:

- Phương pháp định tính: Thực hiện phân tích, thẩm định khách hàng/đối tác để từ đó đánh giá uy tín và độ tin cậy của đối tác/khách hàng;
- Phương pháp định lượng: Dựa trên đo lường dữ liệu lịch sử về quy mô thanh toán của từng sản phẩm/ngành vụ tài chính, giá trị tài sản đảm bảo, ... để từ đó đánh giá rủi ro của Công ty.

Trên cơ sở dữ liệu phân tích định tính và định lượng, mức độ trọng yếu của sản phẩm tài chính, VNDIRECT xây dựng các hạn mức rủi ro thanh toán bao gồm: Hạn mức đối tác, Hạn mức sản phẩm, ...

VNDIRECT thực hiện quản trị rủi ro thanh toán theo mô hình 3 tuyến phòng thủ. Bộ phận QTRR và kiểm soát nội bộ phối hợp với các đơn vị kinh doanh và vận hành nghiệp vụ xây dựng bộ văn bản nội bộ quy định rõ phương pháp đo lường, hạn mức rủi ro, hệ thống và tần suất báo cáo tương thích với từng sản phẩm. Công ty có quy định nội bộ về đánh giá tín dụng khách hàng cũng như đánh giá chất lượng tài sản đảm bảo của danh mục sản phẩm chịu rủi ro thanh toán.

4. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi VNDIRECT không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn chi phí bình quân thị trường xuất phát từ việc Công ty phải huy động động vốn mới với chi phí cao hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản thị trường.

Rủi ro thanh khoản xuất phát từ việc dòng tiền vào của VNDIRECT không đủ đáp ứng dòng tiền ra, hay nói cách khác là sự mất cân xứng về dòng tiền trong cấu trúc bảng cân đối kế toán. Việc đo lường rủi ro thanh khoản được thực hiện thông qua một số công cụ chính sau:

- Khe hở chênh lệch kỳ hạn tính: Đo lường mức độ chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra theo các thang kỳ hạn khác nhau dựa trên cấu trúc bảng cân đối kế toán tính, từ đó đánh giá mức độ phơi nhiễm hiện tại với rủi ro thanh khoản của Công ty;
- Khe hở chênh lệch kỳ hạn động: Tương tự như khe hở chênh lệch kỳ hạn tính nhưng có xét đến các yếu tố điều chỉnh như kế hoạch sử dụng nguồn trong tương lai, các cam kết/hạn mức giải ngân tiềm tàng, yếu tố hành vi về trả nợ trước hạn,...
- Đệm thanh khoản: Đo lường giá trị tấm đệm thanh khoản gồm các tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền trong ngắn hạn để đáp ứng các nghĩa vụ chi trả của Công ty, ví dụ: Trái phiếu chính phủ, hạn mức tín dụng có thể sử dụng, các cổ phiếu có tính thanh khoản cao,...
- Công ty cũng xây dựng các kịch bản căng thẳng thanh khoản giả định và khả năng bù đắp thiếu hụt thanh khoản nhằm chủ động đối phó với các tình huống có thể xảy ra;
- Một số chỉ tiêu đo lường khác như: Tỷ lệ khe hở thanh khoản so với nợ phải trả, tỷ lệ kỳ hạn bình quân của tài sản so với kỳ hạn bình quân của nợ phải trả...

Căn cứ trên kết quả đo lường rủi ro thanh khoản tiềm tàng, VNDIRECT thiết lập các hạn mức rủi ro thanh khoản cần thiết theo nhu cầu và khẩu vị rủi ro của Công ty từng thời kỳ.

VNDIRECT thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản theo mô hình 3 tuyến phòng thủ. Công ty xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản nội bộ đối với công tác quản trị rủi ro thanh khoản, đảm bảo công tác nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản được thực thi tối ưu nhất.

Việc QTRR thanh khoản được thực hiện hàng ngày. Các đơn vị trong hệ thống Công ty duy trì kênh tương tác và phối hợp chặt chẽ trong công tác báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như gửi các cảnh báo thị trường để cân đối dòng tiền đạt hiệu quả nhất, giảm thiểu nguy cơ mất thanh khoản;

VNDIRECT cũng thực hiện chiến lược đa dạng hóa danh mục tài sản và nguồn vốn, không ngừng tìm kiếm các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để góp phần củng cố tấm đệm thanh khoản, gia tăng khả năng đối phó với các tình huống căng thẳng thanh khoản;

5. RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng vô hiệu, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý là rủi ro có tác động lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với loại hình rủi ro pháp lý, VNDIRECT đã thành lập Ban Pháp chế và Kiểm soát Nội bộ, có trách nhiệm tham gia tư vấn pháp lý cho các khối kinh doanh, tham gia phê chuẩn cho việc đưa vào vận hành các quy trình, sản phẩm dịch vụ mới. Thực hiện các phân tích giả định về thay đổi để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện rà soát lại các văn bản nội bộ và các hợp đồng đã ký kết, đảm bảo phù hợp và tuân thủ các quy định của pháp luật;

Ngoài ra, cán bộ nhân viên VNDIRECT luôn không ngừng học hỏi kinh nghiệm từ rủi ro đã phát sinh tại nội bộ VNDIRECT và các đối tượng bên ngoài để thực hiện điều chỉnh và nâng cấp hoạt động quản trị rủi ro pháp lý, tham khảo ý kiến của các đoàn kiểm tra, thanh tra, kiểm toán độc lập.

6. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, do yếu tố con người trong quá trình tác nghiệp, do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VNDIRECT.

Rủi ro hoạt động tiềm ẩn trong tất cả các hoạt động và nghiệp vụ tại doanh nghiệp. Trong vận hành của VNDIRECT, các rủi ro chính liên quan đến hoạt động bao gồm: rủi ro an toàn bảo mật thông tin, rủi ro xung đột lợi ích, rủi ro quy trình tác nghiệp giao dịch, rủi ro con người, rủi ro lỗi hạ tầng viễn thông và nhà cung cấp từ bên thứ ba,...

- Rủi ro an toàn bảo mật thông tin: Công ty có hệ thống phân quyền truy cập thông tin tài khoản của khách hàng và có cam kết ký ủy quyền của khách hàng cho các nhân viên kinh doanh được truy cập tài khoản và quản lý chăm sóc theo yêu cầu của khách hàng. Hệ thống sẽ theo dõi nếu có những truy cập lạ và cảnh báo tới bộ phận kiểm soát rủi ro nghiệp vụ. Các nhân viên khi vào các bộ phận có truy cập trực tiếp tới thông tin khách hàng đều phải ký cam kết bảo mật thông tin khách hàng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ lợi ích của khách hàng và uy tín của công ty. Đồng thời, các nhân viên này được sử dụng máy tính

ảo để ghi lại các hành động thực hiện trên phần mềm nghiệp vụ và kiểm soát chặt chẽ dữ liệu ra vào.

- Rủi ro xung đột lợi ích giữa công ty và khách hàng, giữa nhân viên kinh doanh và công ty và khách hàng, giữa sự bình đẳng giữa các khách hàng: Công ty yêu cầu từng vị trí kinh doanh phải ký cam kết không xung đột lợi ích và khai báo xung đột với bộ phận kiểm soát tuân thủ. Mọi tiềm ẩn rủi ro mà không có khai báo xung đột được coi là vi phạm có thể dẫn đến nghỉ việc.
- Rủi ro bảo mật thông tin và sở hữu trí tuệ: Một số bộ phận có truy cập đến bí quyết kinh doanh và sở hữu trí tuệ của công ty như bộ phận công nghệ, bộ phận phát triển sản phẩm, bộ phận kiểm soát chất lượng và chính sách kinh doanh. Các nhân viên của bộ phận này đều được đào tạo ý thức bảo vệ sở hữu trí tuệ tập thể và ký cam kết chống cạnh tranh trực tiếp khi có chuyển đổi công việc.
- Rủi ro con người do cố ý làm dụng tín nhiệm của nhân viên kinh doanh hay đội ngũ nghiệp vụ: mọi quy trình nghiệp vụ hay vận hành kinh doanh đều được tách bạch theo nguyên tắc tam lập maker – checker – balance để đảm bảo tính độc lập giữa người thực hiện và người kiểm tra. Nguyên tắc này được áp dụng trong mọi thiết kế quy trình nghiệp vụ và hoạt động của công ty bao gồm các nghiệp vụ kinh doanh, nghiệp vụ hạch toán hệ thống đến nghiệp vụ hỗ trợ và kiểm soát.
- Rủi ro lỗi hạ tầng viễn thông và nhà cung cấp thứ ba: Lỗi hệ thống có thể do đường truyền giữa Công ty và hai Sở Giao dịch không ổn định, ảnh hưởng đến việc truyền lệnh lên hệ thống ghi nhận lệnh; hệ thống báo cáo bị lỗi, dẫn đến thiếu thông tin và chậm trễ trong việc cảnh báo rủi ro. Vì vậy, Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống Core, hệ thống đặt lệnh, hệ thống đo và test tải, chính sách bảo trì dịch vụ của nhà cung cấp bên ngoài... nhằm đảm bảo tính ổn định, thông suốt của hệ thống; Công ty cũng đầu tư xây dựng site backup để đảm bảo tin ổn định và liên tục của hệ thống ở mức cao nhất.

7. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QTRR NĂM 2021

Trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô năm 2021 được dự báo còn nhiều biến động phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro, VNDIRECT sẽ tiếp tục thực hiện chính sách QTRR thận trọng, tập trung nguồn lực để tiếp tục hoàn thiện năng lực nhận diện, kiểm soát và phòng ngừa rủi ro. Ban Lãnh đạo đã đề ra những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao năng lực kinh doanh rủi ro của VNDIRECT trên các mảng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và cho vay đầu tư, hoạt động kinh doanh nguồn vốn, kinh doanh trái phiếu và kinh doanh cổ phiếu.

- Hoàn thiện bộ khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro toàn diện để kiểm soát và tính toán được hệ số rủi ro của công ty trong mọi điều kiện của thị trường.
- Hoàn thiện năng lực thẩm định rủi ro, số hóa nền tảng phân tích và chấm điểm xếp hạng cổ phiếu đánh giá tín nhiệm và xếp hạng khách hàng và các cơ hội, rủi ro của thị trường để giúp đội ngũ kinh doanh có công cụ thẩm định nhanh và chính xác nâng cao năng lực và tốc độ ra quyết định.
- Hoàn thiện hệ thống cảnh báo tự động với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.
- Xây dựng công cụ giám sát rủi ro tuân thủ giữa cam kết của nhân viên kinh doanh với khách hàng để đảm bảo quyền lợi của khách hàng được thực thi ở mức cao nhất.
- Chú trọng công tác đào tạo nghiệp vụ, truyền thông văn hóa tuân thủ, nâng cao ý thức quản trị rủi ro đến từng nhân viên trong Công ty.
- Tiếp tục phát triển trung tâm dữ liệu đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, nâng cao khả năng sẵn sàng và hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kinh doanh và quản trị điều hành của Công ty.
- Triển khai giải pháp phòng chống rò rỉ dữ liệu (DLP) để bảo vệ các thông tin Mật, thông tin nội bộ và sở hữu trí tuệ của Công ty
- Nâng cao năng lực của trung tâm dữ liệu dự phòng, tiến hành diễn tập định kỳ nhằm đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của hệ thống CNTT khi hệ thống bên trung tâm dữ liệu chính gặp sự cố.





06. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 01. VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ
- 02. VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
- 03. VỚI KHÁCH HÀNG
- 04. VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ
- 05. VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ
- 06. VỚI XÃ HỘI

Xuất phát từ tầm nhìn trở thành Hệ sinh thái dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản cho mọi người ở mọi nơi và Sức mệnh kiến tạo con đường sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư cho khách hàng, chiến lược kinh doanh cũng như việc thực thi các hoạt động kinh doanh tại VNDIRECT có liên quan chặt chẽ với chiến lược về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của VNDIRECT.

VNDIRECT xác định mọi hoạt động của công ty đều có liên quan và ảnh hưởng tới các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp gồm có: Khách hàng, Người lao động, Cổ đông/Nhà đầu tư, Cơ quan quản lý, Thị trường. VNDIRECT cam kết việc triển khai các hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược dài hạn đều đánh giá đầy đủ mức độ ảnh hưởng và đảm bảo lợi ích đối với các bên liên quan.

Bên liên quan	Chi tiết Bên liên quan	Mục tiêu phát triển bền vững
Bên trong Công ty	Người lao động	- Được làm việc trong môi trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, nền tảng hỗ trợ, tiếp cận với cơ hội học tập, phát triển để tìm ra con đường phát triển sự nghiệp của bản thân - Được hưởng đầy đủ các quyền lợi, phúc lợi và thu nhập - Cơ hội thăng tiến
	Cổ đông / Nhà đầu tư	- Hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn hiệu quả - VNDIRECT cam kết sự bình đẳng và đảm bảo quyền lợi của mọi cổ đông - Cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời
Bên ngoài Công ty	Khách hàng	- Khách hàng là trọng tâm trong tất cả các quyết định kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ, quy trình dịch vụ, nền tảng công nghệ phục vụ của VNDIRECT - Với tư cách là bên cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính, tư vấn quản lý tài sản, VNDIRECT cam kết uy tín về chất lượng dịch vụ, khách quan trong việc đưa ra các ý kiến tư vấn, khuyến nghị phân tích, tính minh bạch và an toàn trong quản lý tài sản và cung cấp thông tin phục vụ quyết định đầu tư của Khách hàng
	Cơ quan quản lý	- VNDIRECT tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật - Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về Thuế, và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước - Phát triển kinh doanh theo đúng định hướng của Nhà nước
	Thị trường chứng khoán/ Cộng đồng đầu tư	- VNDIRECT là đơn vị tiên phong, tích cực xuyên đóng góp ý kiến đề xuất phát triển cho thị trường chứng khoán để xây dựng thị trường chứng khoán minh bạch và phát triển an toàn - Chia sẻ kiến thức, xây dựng cộng đồng đầu tư phát triển bền vững lâu dài
	Xã hội	- Tuân thủ các luật pháp về kinh tế xã hội - Đào tạo định hướng cho thế hệ làm nghề mới, trao kiến thức, trao cơ hội - Tham gia các hoạt động đóng góp cho xã hội, thiện nguyện

1. VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Tăng trưởng bền vững về mặt kinh tế

Trong 14 năm thành lập, đồng hành và phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, VNDIRECT tự hào là một trong những công ty chứng khoán uy tín hàng đầu và liên tục có những thay đổi đột phá để thích ứng với điều kiện thị trường. Năm 2020, vượt qua những thách thức từ nền kinh tế, VNDIRECT vẫn đạt được mức tăng trưởng và kết quả kinh doanh vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

TT	Chỉ tiêu đặt ra	Kế hoạch	Kết quả đạt được	%Thực hiện/ Kế hoạch
1	Thị phần môi giới	Tăng trưởng so với 2019	7,19%	Tăng trưởng 5,58% so với 2019 (Thị phần môi giới của VND trong năm 2019 đạt 6,81%)
2	Doanh thu hợp nhất	1.865 tỷ đồng	2.134 tỷ đồng	Vượt 14,4% so với kế hoạch
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	405 tỷ đồng	692 tỷ đồng	Vượt 70,9% so với kế hoạch

Nguồn: VSD, Báo cáo tài chính

Tỷ lệ Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tiếp tục ổn định và là một trong các công ty có mức ROE cao nhất trên thị trường trong năm 2020, đạt mức 18%, tăng 51,3% so với năm 2019 (11,9%) thể hiện hiệu quả trong sử dụng vốn đầu tư cũng như là minh chứng cho lợi thế cạnh tranh bền vững của VNDIRECT so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường.

Bên cạnh việc sử dụng vốn và hoạt động kinh doanh hiệu quả, đảm bảo lợi ích kinh tế cho cổ đông và nhà đầu tư, VNDIRECT cũng luôn chú trọng các chính sách đảm bảo các quyền lợi khác của đồng về

quyền tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến sự thay đổi quan trọng của Công ty, quyền được đối xử bình đẳng, quyền tiếp cận các thông tin minh bạch và kịp thời. Nhà đầu tư và cổ đông được tạo điều kiện tiếp cận các thông tin của VND từ nền tảng đa dạng các kênh giao tiếp từ website, email, báo cáo thường niên, hội nghị khách hàng và nhà đầu tư và các nền tảng xã hội khác của Công ty đảm bảo tính kịp thời và tin cậy của thông tin. Việc công bố thông tin được thực hiện bằng cả ngôn ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt để đảm bảo các nhà đầu tư/cổ đông nước ngoài cũng được tiếp cận thông tin đầy đủ.



2. VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách phát triển nguồn nhân lực hướng tới phát triển bền vững

Tại VNDIRECT các mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn được gắn cùng với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tại VNDIRECT, Người lao động được trao các cơ hội làm nghề chân chính, cơ hội rộng mở để thử thách bản thân. Mỗi cá nhân sẽ đều được tạo điều kiện công bằng để được học tập, đào tạo phát triển năng lực bản thân. Cùng với đó, mỗi cá nhân làm việc tại VNDIRECT đều được quan tâm, đào tạo và định hướng để tìm

ra con đường phát triển sự nghiệp của bản thân, khẳng định giá trị của mình trong chuỗi giá trị mang lại cho Khách hàng và Công ty.

Đội ngũ lao động là một nhân tố trong chuỗi giá trị mà VNDIRECT tạo ra mang lại lợi ích cho khách hàng. Việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được VNDIRECT xác định là một yếu tố vô cùng quan trọng và được VNDIRECT tập trung nguồn lực đầu tư. VNDIRECT thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để cung cấp, liên tục trau dồi và nâng cao tri thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động.

Loại hình đào tạo	Số buổi đào tạo	Số lượt người tham gia
Đào tạo định hướng cho CBNV	55	3.209
Kết nối cho CBNV	8	891
Workshop, chia sẻ cập nhật định hướng hoạt động kinh doanh	4	260
Kỹ năng thực hành chánh niệm	12	344

VNDIRECT luôn khuyến khích văn hóa học tập và tự đào tạo phát triển của mỗi cá nhân con người trong tập thể thông qua việc cung cấp các nền tảng đào tạo trực tuyến cho đội ngũ lao động nhằm mục đích hỗ trợ Người lao động có thể dễ dàng tiếp cận với các tri thức nghiệp vụ, hệ thống quy trình văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cũng như rèn luyện các kỹ năng mới trong thời đại công nghệ số, đáp ứng cho sự thay đổi liên tục của thị trường và chiến lược phát triển của VNDIRECT.

Người lao động được đảm bảo thu nhập và các quyền lợi xứng đáng với các giá trị mà mình mang lại. Với các chính sách rõ ràng và minh bạch, Công ty mang đến cho Người lao động những giá trị vật chất và tinh thần mà họ xứng đáng được hưởng. VNDIRECT cam kết bảo đảm các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Bên cạnh việc được tạo điều kiện các cơ hội cống hiến trong nghề cũng như đảm bảo các quyền lợi về kinh tế, Người lao động còn được trang bị cơ sở vật chất làm việc, công cụ, nền tảng hỗ trợ đầy đủ và liên tục được cải tiến để phù hợp với chiến lược số hóa của công ty, đảm bảo tăng hiệu quả và hiệu suất lao động.

3. VỚI KHÁCH HÀNG

Khách hàng là trung tâm trong chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm, dịch vụ của VNDIRECT

VNDIRECT cung cấp nền tảng sản phẩm dịch vụ đầu tư tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, định chế và doanh nghiệp không chỉ trong nước và nước ngoài với tầm nhìn trở thành hệ sinh thái dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản cho tất cả mọi người ở tất cả mọi nơi.

Nhận diện được nhu cầu đầu tư ngày càng trở nên thiết yếu và là kỹ năng cần có trong điều kiện kinh tế xã hội đang và sẽ thay đổi rất nhanh chóng, VNDIRECT lựa chọn sứ mệnh của mình là giúp khách hàng xây dựng được kế hoạch tài chính và hành trình đầu tư hướng tới sự tự do về tài chính. Theo đó ngoài nền tảng sản phẩm dịch vụ tài chính đầu tư đa dạng, được thiết kế linh hoạt và phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, VNDIRECT còn quan tâm chú trọng tới việc chia sẻ, cung cấp tri thức đầu tư cho không chỉ các khách hàng hiện hữu của VNDIRECT mà còn các khách hàng tiềm năng nhằm mục đích kiến tạo một cộng đồng đầu tư bền vững.

Tại VNDIRECT, tất cả các sản phẩm dịch vụ từ quy trình nghiên cứu phát triển R&D, thiết kế và vận hành đều tới được tay khách hàng đều được đánh giá nghiên cứu dựa trên dữ liệu phân tích nhu cầu khách hàng, áp dụng hàm lượng công nghệ và tự động hóa cao nhất trong quá trình vận hành nhằm tạo trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Năm 2020, VNDIRECT đã đưa vào triển khai dịch vụ mở tài khoản DGO với quy trình xác thực thông tin khách hàng trực tuyến - eKYC theo đó khách hàng có thể hoàn tất việc mở tài khoản và giao dịch các sản phẩm dịch vụ tài chính đầu tư của VNDIRECT trong thời gian sớm nhất. Với các khách hàng đã là những nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường, VNDIRECT ra mắt mới nền tảng thông tin phân tích chuyên sâu về cổ phiếu và thị trường DSTOCK – cổng tri thức và công cụ tra cứu hàng đầu cho nhà đầu tư. Theo đó nhà đầu tư sẽ được liên tục cập nhật các thông tin,

chỉ số về thị trường chứng khoán, thông tin doanh nghiệp cũng như tin tức thị trường trong nước và thế giới, hỗ trợ tốt nhất cho quá trình quyết định đầu tư của khách hàng.

.Trong năm 2020 VNDIRECT cũng dành nhiều nguồn lực cho việc hoàn tất giai đoạn số hóa toàn bộ quy trình sản phẩm dịch vụ sản phẩm tài chính, đầu tư và giao dịch chứng khoán. Khách hàng có thể tiếp cận với nền tảng sản phẩm dịch vụ của VNDIRECT trên các nền tảng số của VNDIRECT như MyAccount, nền tảng giao dịch đa tài sản phiên bản web và các thiết bị di động. Các yêu cầu của khách hàng từ quản lý tài khoản đến giao dịch đều được xử lý nhanh chóng thông qua việc tự động hóa các quy trình vận hành xuyên suốt nhằm đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng cũng như đảm bảo tính bảo mật thông tin.



4. VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Trong 20 năm hình thành và phát triển chứng khoán Việt Nam, VNDIRECT luôn hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với tư cách là thành viên của các thị trường giao dịch và công ty đại chúng niêm yết, đồng thời là thành viên tích cực và tiên phong tham gia vào quá trình phát triển thị trường, đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các sản phẩm dịch vụ mới, đóng góp ý kiến sửa đổi quy định pháp luật về chứng khoán, đóng góp cho sự phát triển bền vững của thị trường.

Với vai trò là một định chế tài chính trung gian, là kênh dẫn vốn cho nền kinh tế, VNDIRECT luôn nỗ lực kết nối các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thông qua các sản phẩm dịch vụ tư vấn và đầu tư tài chính cùng

với thế mạnh về các giải pháp công nghệ cũng như mạng lưới quan hệ khách hàng định chế tài chính rộng mở, qua đó góp phần hình thành kênh dẫn vốn và huy động nguồn vốn dài hạn cho nền kinh tế, khơi thông nguồn lực và thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong năm 2020, VNDIRECT đã vinh dự nhận được những giải thưởng cao quý của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội để ghi nhận cho những đóng góp tích cực trong hoạt động của thị trường chứng khoán cho giai đoạn 2019-2020. Trong suốt 14 năm hình thành, hoạt động và phát triển, VNDIRECT luôn có mặt trong danh sách một trong các Công ty chứng khoán đứng đầu thị trường giao dịch về thị phần. Điều đó góp phần tiếp tục khẳng định tầm nhìn phát triển bền vững, chất lượng dịch vụ, sản phẩm cũng như niềm tin mà khách hàng dành cho VNDIRECT trong suốt giai đoạn phát triển của thị trường.

5. VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ

Kể từ khi thành lập VNDIRECT luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước

Các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước từ 2015-2020

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số tiền nộp	45,3	40,9	99,3	64,9	97,9	164,1

Đơn vị tính: tỷ đồng
(Nguồn BCTC Hợp nhất kiểm toán VNDIRECT)

Ngoài việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác liên quan, VNDIRECT còn tích cực và chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao tính thực tiễn và hiệu quả cho các văn bản luật, tích cực tham gia trong quá trình xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường, có thể kể đến như dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 87/2017/TT-BTC , dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều luật chứng khoán, dự thảo Nghị định hướng dẫn về chứng khoán phái sinh, tham gia triển khai thử nghiệm tăng đơn vị giao dịch lô chẵn với Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cũng như tham gia tích cực trong các đóng góp vì sự phát triển chung của toàn thị trường. VNDIRECT cũng đồng thời là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán, Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam...



6. VỚI XÃ HỘI

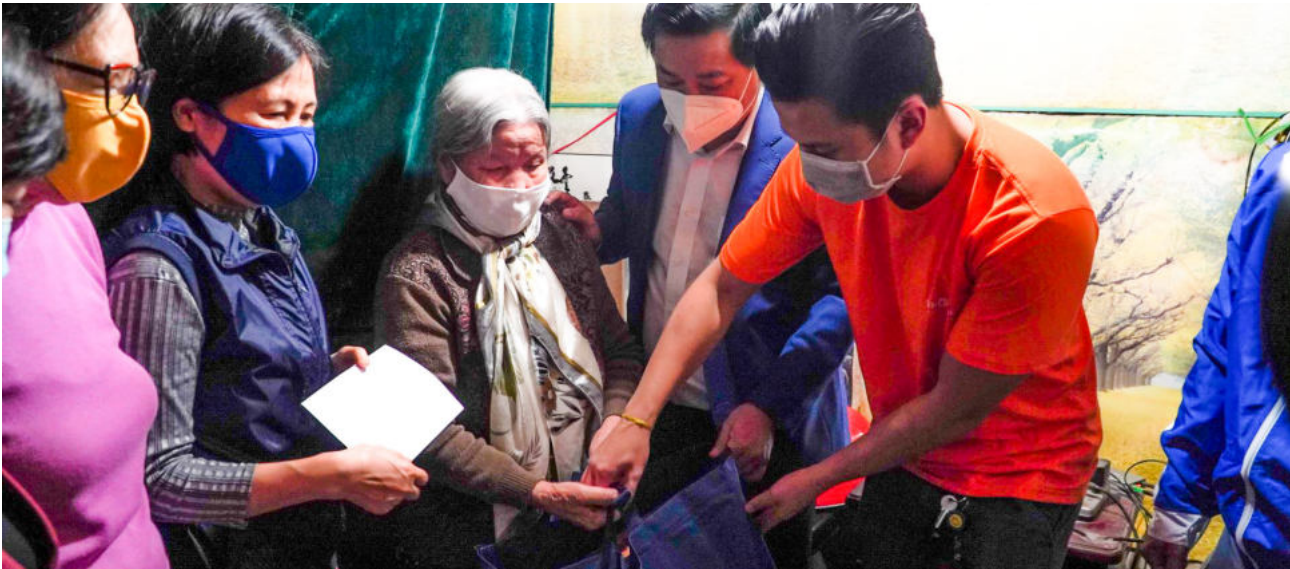
Trách nhiệm đối với xã hội là một trong những giá trị mà VNDIRECT quan tâm thực hiện với các hoạt động thiện nguyện và an sinh xã hội.

Trong giai đoạn dịch Covid-19 vẫn đang có những diễn biến vô cùng phức tạp, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống, VNDIRECT đã chung tay quyên góp nguồn lực tài chính trong điều kiện có thể để thành lập QUỸ TRÁI TIM VND nhằm hỗ trợ các đơn vị kiểm soát dịch, các đơn vị y tế tuyến đầu cũng như các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trong đợt bão lũ năm 2020, miền Trung ruột thịt chìm trong màn nước lũ trắng xóa. Mưa lũ đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, khiến đồng bào miền Trung phải gánh chịu nhiều đau thương, tang tóc. Để hỗ trợ đồng bào miền Trung

phải oằn mình chống chọi với thiên tai, chương trình TÂM YẾU THƯƠNG do Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD khởi xướng chính thức kêu gọi quyền góp ủng hộ từ tập thể cán bộ nhân viên VNDIRECT. Những tấm lòng ủng hộ (tiền mặt, quần áo, lương thực...) đã được đoàn cứu trợ của VNDIRECT đến tận nơi trao tặng cho những hoàn cảnh khó khăn.

Kết thúc 4 đợt cứu trợ tích cực, khẩn trương, liên tục VNDIRECT đã mang tới Quỹ TÂM YẾU THƯƠNG hơn 150 triệu đồng và giải chạy VNDIRECT MARATHON 2020 đóng góp 80 triệu đồng dành tặng đến đồng bào miền Trung. Cùng với đó là hơn 5.000 phần quà bao gồm tiền mặt, gạo, bánh chưng, chăn màn, quần áo, thuốc men, nhu yếu phẩm... đã được đoàn cứu trợ trao tới tận tay người dân tại các huyện Phong Điền, Quảng Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế), huyện Hướng Hóa, Đakrông, Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị), huyện Ba Tư (tỉnh Quảng Ngãi)...



07.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

01. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

02. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

03. THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên nhiệm kỳ giai đoạn 2017 – 2022, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên HĐQT đều là những cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực như tài chính, chứng khoán, đầu tư và quản lý doanh nghiệp.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh với trọng tâm là chuyển đổi số và xây dựng năng lực kinh doanh trong ba trục kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, HĐQT còn tham vấn cho Ban Điều hành trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư, giải pháp phát triển Công ty nhằm tiếp tục củng cố vững chắc vị thế của VNDIRECT trên thị trường chứng khoán.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

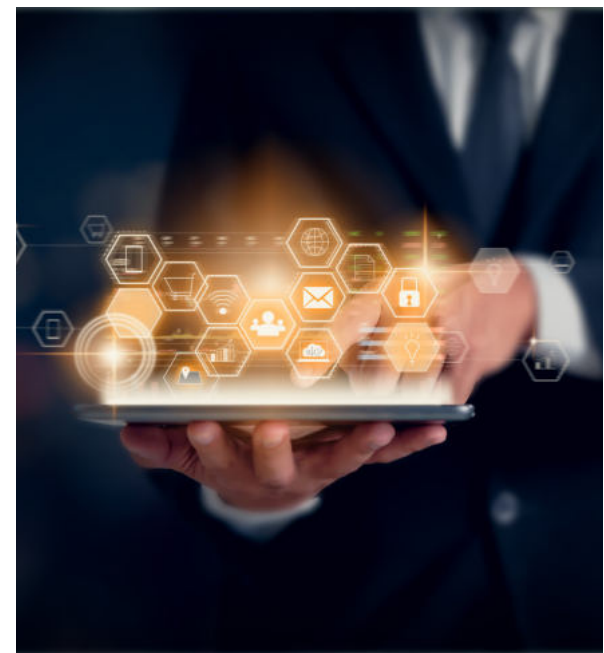
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: HĐQT đã triệu tập 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 30/6/2020 và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, bao gồm các nội dung sau:
- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán;
- Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua việc chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Kiểm soát (“BKS”);
- Thông qua chính sách thưởng, bổ sung lương

kinh doanh cho Ban điều hành và cán bộ nhân viên chủ chốt của Công ty;

- Thông qua việc sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty;
- Thông qua việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;
- Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm;
- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT;
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã được tổ chức theo đúng trình tự và quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNDIRECT cũng như các quy định khác có liên quan đối với công ty niêm yết. Hội đồng quản trị cũng đã kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các vấn đề được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Hoạt động hợp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp trong năm 2020 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức & hoạt động của Công ty. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT được đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.



Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT của Công ty đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	19/2020/QĐ- HĐQT	14/01/2020	QĐ thay đổi Tổng giám đốc công ty.	100%
2	65-4/2020/NQ-HĐQT	24/2/2020	NQ thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động của Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	100%
3	66/2020/QĐ-HĐQT	25/2/2020	QĐ thông qua việc ký kết các hợp đồng dịch vụ tư vấn Giữa công ty với Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện PTI và Công ty CP Năng lượng Bắc Hà.	100%
4	85/2020/QĐ-HĐQT	12/3/2020	QĐ về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.	100%
5	118-2/2020/QĐ-HĐQT	31/3/2020	QĐ miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty.	100%
6	118-3/2020/QĐ-HĐQT	31/3/2020	QĐ bổ nhiệm Quyền kế toán trưởng Công ty.	100%
7	166/2020/QĐ-HĐQT	14/4/2020	QĐ Ký kết các Hợp đồng dịch vụ với Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA	100%
8	215/2020/QĐ-HĐQT	19/5/2020	QĐ về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.	100%
9	261-3/2020/NQ-HĐQT	12/6/2020	NQ về việc thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động của 5 tháng đầu năm 2020; thông qua nội dung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ TN 2020	100%
10	310/2020/QĐ- HĐQT	06/7/2020	QĐ về việc thực hiện trả cổ tức cho cổ đông.	100%
11	398-2/2020/QĐ-HĐQT	24/8/2020	QĐ về việc ban hành quy chế an toàn thông tin của Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	100%
12	406/2020/QĐ-HĐQT	31/8/2020	QĐ về việc ban hành quy chế về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của các bộ phận thuộc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.	100%
13	523-3/2020/NQ-HĐQT	19/10/2020	NQ thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động của 9 tháng đầu năm 2020.	100%
14	599/2020/NQ-VNDIRECT	27/11/2020	NQ mua lại trái phiếu phát hành riêng lẻ trái phiếu đợt III và đợt IV năm 2019.	100%

Hoạt động giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2020 Hội đồng quản trị VNDIRECT tiếp tục nâng cao hoạt động giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, đồng thời dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và các quy định pháp luật có liên quan.

Nhìn về những kết quả của năm 2020, Hội đồng quản trị đề cao vai trò của Ban Tổng Giám Đốc trong các thành quả đạt được của công ty. Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, góp phần mang lại lợi ích cho Công ty và toàn thể cổ đông, tiếp tục củng cố vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán.



Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Trách nhiệm và nhiệm vụ của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Bên cạnh hoạt động chung của HĐQT, các Tiểu ban cũng được tổ chức và hoạt động chặt chẽ, chuyên sâu nhằm tối ưu hóa nguồn lực theo từng lĩnh vực như sau.

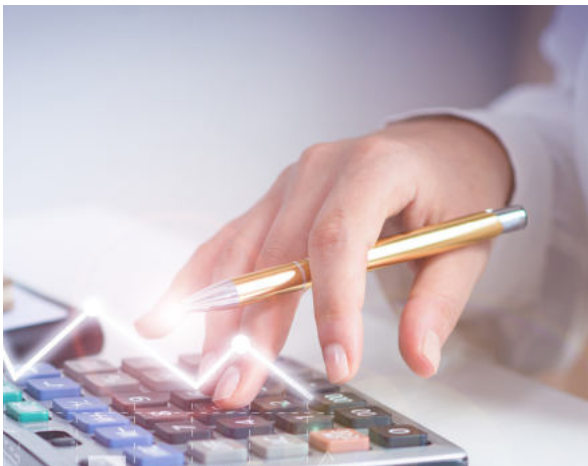
TT	Tiểu ban	Nội dung
1	Ban kiểm toán Nội bộ (Ban Kiểm soát Tuần thủ)	Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, các quyết định/quy chế của HĐQT; kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách, quy chế và quy trình nội bộ; kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo đảm an toàn tài sản; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc; tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; kiểm tra, đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hoạt động; đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; kiểm tra, điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty; thực hiện các công việc khác liên quan đến kiểm soát tuần thủ, kiểm toán nội bộ công ty (gồm cả công ty con) theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế do HĐQT ban hành.
2	Hội đồng Quản trị Rủi ro	Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro của Công ty theo từng thời kỳ; Phê duyệt và ban hành các quy định, quy tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro của các sản phẩm của Công ty; Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty; Xác định phương pháp nhận diện và đo lường rủi ro; Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro; Báo cáo thực thi quản trị rủi ro của Công ty.
3	Hội đồng Nhân sự	Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Quyết định các chiến lược nhân sự trong từng thời kỳ; phê duyệt các chế độ chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Phê duyệt các chương trình nhằm phát triển nguồn lực của Công ty; thay mặt HĐQT quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT và hoặc Chủ tịch HĐQT (các cán bộ quy định tại Điều 23 Quy chế Quản trị Công ty; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT ban hành.
4	Hội đồng Đầu tư	Phân tích tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty; Quyết định phân bổ tài sản đầu tư của công ty trong phạm vi thẩm quyền; Quản lý ban hành chính sách và phê duyệt hạn mức đầu tư, danh mục chứng khoán đầu tư ngắn hạn và/hoặc dài hạn của Công ty; Quyết định phương án, khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được HĐQT phê duyệt theo từng trường hợp; Quyết định việc góp vốn hoặc mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, mua bán chứng khoán niêm yết (không bao gồm hoạt động tự doanh ngắn hạn); Thực hiện các khoản bảo đảm bồi thường, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT ban hành.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020

BKS đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC trong năm tài chính 2020.

Trong năm 2020, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường bao gồm:



STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Hoàng Thúy Nga	Trưởng BKS	29/5/2017	10	100%	100%
2.	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên BKS	29/5/2017	10	100%	100%
3.	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên BKS	29/5/2017	10	100%	100%

Hoạt động giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

Ngoài các phiên họp định kỳ của BKS trong quá trình thực hiện chức năng của mình, BKS còn dành thời gian tham gia các phiên họp của HĐQT, Ban TGD, giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau:

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Tổng giám đốc đã tuân thủ

đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Trực tiếp đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc;
- Quan sát và đánh giá các hoạt động khác của Công ty trong năm 2020, đặc biệt là các chiến dịch kinh doanh, chương trình tìm kiếm giải pháp, dự án phát triển của Công ty



Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên trong HĐQT, BKS, BDH được hưởng theo Nghị quyết của ĐHCĐ và phù hợp với chính sách lương, thưởng của công ty.
- Tổng tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2020 như sau:

STT	Họ và tên	Họ và tên	Tổng thu nhập (đồng)
Hội đồng quản trị			
1	Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	84.000.000
2	Vũ Hiền	Thành viên HĐQT	84.000.000
3	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	42.000.000
4	Pekka Mikael Nastamo	Thành viên HĐQT độc lập	84.000.000
5	Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên HĐQT độc lập	84.000.000
6	Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	42.000.000
Ban kiểm soát			
1	Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000
2	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000
3	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000

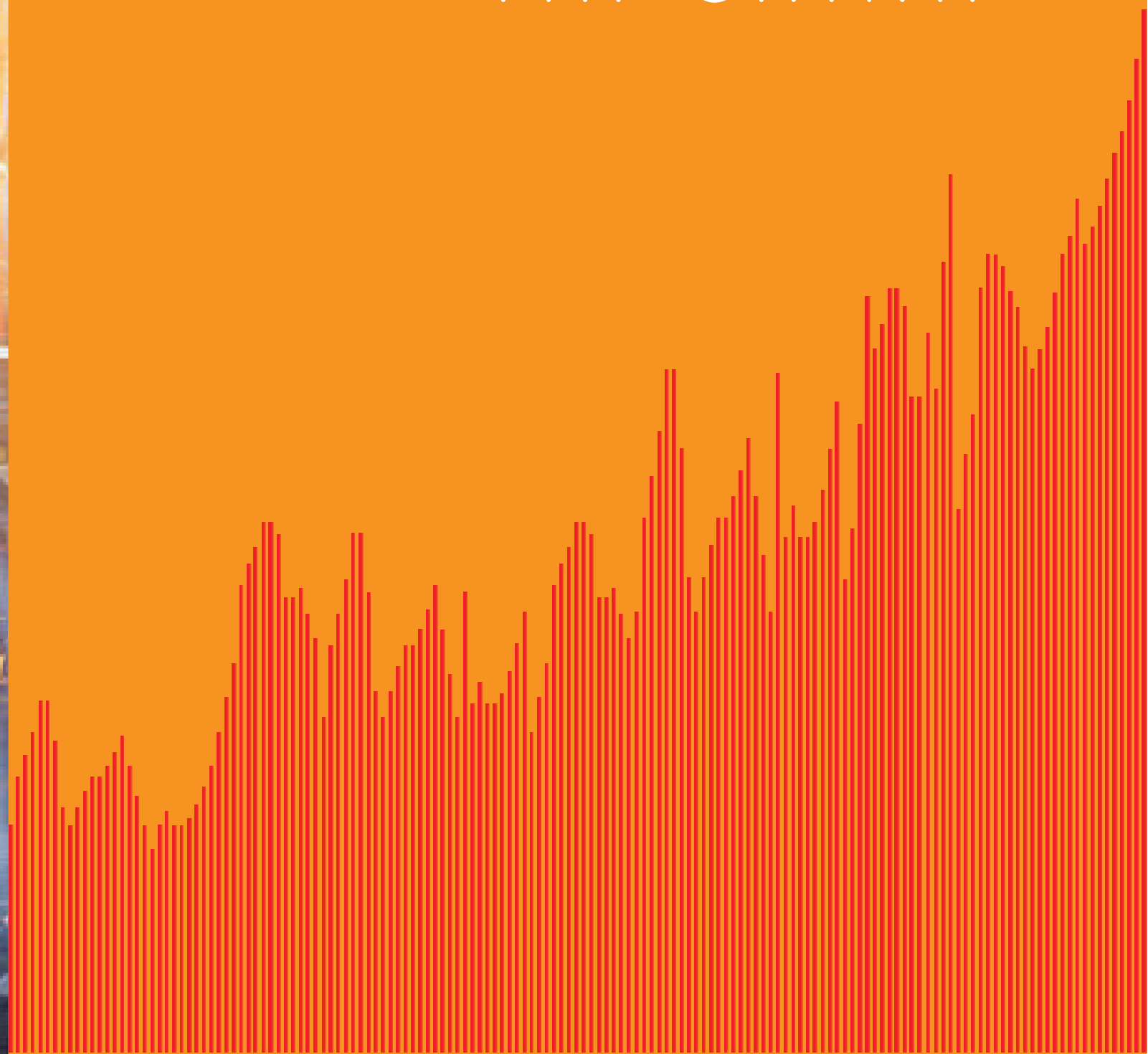
3. THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Thông tin cổ phiếu VND tại ngày 31/12/2020

- Vốn điều lệ của Công ty: 2.204.301.690.000 đồng
- (Hai nghìn hai trăm linh bốn tỷ ba trăm linh một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết (tại ngày 31/12/2020): 220.430.169 cổ phiếu.
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại ngày 31/12/2020): 208.220.766 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 11.909.403 cổ phiếu.



08.
BÁO CÁO
TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 101/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 31/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của công ty là 2.204.301.690.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.204.301.690.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Nam Định và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có hai (02) công ty con, trong đó, một (01) công ty con sở hữu trực tiếp và một (01) công ty con sở hữu gián tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006
Ông Vũ Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2009
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Pekka Mikael Nastamo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2012

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2020
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2020
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành vận hành	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2020
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Tuyến	Quyền Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Tuyến	Quyền Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành vận hành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61607706/22100168-HN

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 5 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.218.965.736.101	11.333.001.133.368
110	I. Tài sản tài chính		13.204.833.971.010	11.327.019.677.028
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	973.526.887.674	718.755.635.704
111.1	1.1. Tiền		887.704.080.066	716.755.635.704
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		85.822.807.608	2.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	1.053.698.209.421	1.225.829.434.919
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	3.266.200.000.000	5.547.838.125.244
114	4. Các khoản cho vay	7.4	4.705.953.781.456	2.887.072.098.158
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	2.963.437.667.357	783.059.553.715
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(71.941.573.394)	(53.732.020.246)
117	7. Các khoản phải thu		272.110.342.039	207.642.504.806
117.1	1.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	9	103.132.259.392	24.503.687.339
117.2	1.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9	168.978.082.647	183.138.817.467
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		168.978.082.647	183.138.817.467
118	7. Trả trước cho người bán	9	28.682.411.877	5.232.852.538
122	8. Các khoản phải thu khác	9	18.188.741.009	9.984.706.619
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(5.022.496.429)	(4.663.214.429)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	14.131.765.091	5.981.456.340
131	1. Tạm ứng		2.026.345.183	1.986.563.697
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.287.241.282	1.025.410.390
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		3.356.646.001	2.838.830.443
135	4. Thuế GTGT được khấu trừ		30.971.290	16.415.475
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		114.236.335	114.236.335
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		7.316.325.000	-

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.757.118.576.000	348.730.719.553
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.542.991.011.200	116.566.174.695
212	1. Các khoản đầu tư dài hạn	11	1.542.991.011.200	116.566.174.695
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.530.000.000.000	105.075.141.095
212.4	1.2. Đầu tư dài hạn khác		12.991.011.200	11.491.033.600
220	II. Tài sản cố định		44.263.758.743	56.499.199.521
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	34.270.071.770	41.921.375.951
222	1.1. Nguyên giá		113.460.955.260	108.480.518.260
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(79.190.883.490)	(66.559.142.309)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	9.993.686.973	14.577.823.570
228	2.1. Nguyên giá		89.554.133.745	86.631.691.707
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(79.560.446.772)	(72.053.868.137)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	7.272.564.445	2.852.943.020
250	IV. Tài sản dài hạn khác		162.591.241.612	172.812.402.317
252	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.326.573.913	19.196.599.974
253	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	18.494.128.402	19.788.798.902
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	18	96.240.576.102	96.870.960.625
256	5. Lợi thế thương mại	20	14.529.963.195	16.956.042.816
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.976.084.312.101	11.681.731.852.921

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.156.839.754.591	8.433.730.494.847
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		11.040.183.675.876	8.028.214.064.428
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	9.458.280.000.000	6.553.608.086.436
312	1.1. Vay ngắn hạn		9.458.280.000.000	6.553.608.086.436
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	22	600.000.000.000	700.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23	413.365.510.220	513.386.234.368
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	24	3.273.109.337	563.459.180
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.257.294.675	14.830.824.853
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	94.316.827.771	53.298.209.248
323	7. Phải trả người lao động		17.601.169.486	3.706.278.186
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		5.880.048.035	4.911.706.497
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	46.410.143.983	62.924.952.518
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.126.250.000	-
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	378.753.388.146	106.542.003.149
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.919.934.223	14.442.309.993
340	II. Nợ phải trả dài hạn		116.656.078.715	405.516.430.419
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn		103.641.000.000	403.641.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	13.015.078.715	1.875.430.419
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.819.244.557.510	3.248.001.358.074
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.819.244.557.510	3.248.001.358.074
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.124.147.577.527	2.124.678.479.777
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.204.301.690.000	2.204.301.690.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		2.204.301.690.000	2.204.301.690.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		121.220.121.529	121.224.048.620
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(201.374.234.002)	(200.847.258.843)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		136.055.521.001	110.445.504.860
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		106.753.793.998	81.143.777.857
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	28.1	1.452.287.664.984	931.733.595.580
417.1	1.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.378.037.442.204	1.036.475.765.752
417.2	1.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		74.250.222.780	(104.742.170.172)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.976.084.312.101	11.681.731.852.921

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	28.4	208.520.766	208.565.361
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	28.4	11.909.403	11.864.808
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.1	432.801.122.000	432.893.598.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	29.2	174.310.000	4.350.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	29.3	10.282.980.200	456.354.506.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.4	785.027.400.000	582.998.330.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		-	-
014	Chứng quyền (Số lượng)		12.203.350	9.008.770
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)		38.287.130.757.900	36.355.753.460.800
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		29.169.649.431.800	30.273.992.257.100
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		7.574.509.790.000	5.661.496.940.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		275.744.000.000	100.631.610.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.267.227.536.100	319.632.653.700

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

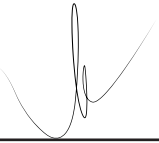
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

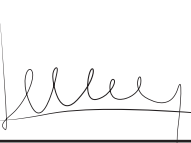
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		479.383.940.000	717.384.940.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		470.493.200.000	692.315.920.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		8.890.740.000	25.069.020.000
022.3	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, cầm cố		-	-
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	29.5	2.239.432.423.600	277.909.615.800
026	Tiền gửi của khách hàng		5.129.070.691.548	1.454.312.340.839
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.6	2.926.707.059.592	1.073.908.391.700
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	29.6	2.201.299.041.600	378.912.315.900
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		285.380.356	265.353.239
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		150.878.470	179.154.519
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		134.501.886	86.198.720
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	29.7	779.210.000	1.226.280.000
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		5.126.892.901.913	1.452.768.941.312
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.968.031.666.208	1.360.923.746.349
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		158.861.235.705	91.845.194.963

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán		779.210.000	1.226.280.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.197.597.035	317.119.527
036	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		150.166.621.638	140.210.482.689


Bà Nguyễn Khánh Ly
Người lập


Ông Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán Trưởng


Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		776.389.278.604	279.673.321.665
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	590.391.121.104	250.986.214.708
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	127.644.144.097	(1.372.538.765)
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	30.4	61.600.930.163	26.812.728.962
01.4	1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		(3.246.916.760)	3.246.916.760
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.4	381.018.448.651	396.374.282.365
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	30.4	361.359.361.848	407.908.597.611
04	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	30.4	54.996.572.396	19.771.944.431
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		478.193.414.913	335.409.939.972
07	3. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		34.775.482.452	23.726.357.435
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		24.140.872.941	24.316.979.055
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		13.845.345.002	12.904.794.156
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		306.365.438	882.325.938
11	7. Thu nhập hoạt động khác	32	9.503.679.503	5.321.227.949
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.134.528.821.748	1.506.289.770.577
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		289.858.456.088	98.651.048.060
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	356.862.446.309	96.998.876.999
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	(80.801.178.472)	(222.603.048)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		25.494.191	1.874.774.109
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	30.3	13.771.694.060	-
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	31	18.496.012.368	34.061.302.931
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33	194.472.630.819	145.825.332.212
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	33	16.248.541.264	14.251.552.041
32	5. Chi phí dịch vụ khác		24.345.941.481	14.152.050.920
40	Cộng chi phí hoạt động		543.421.582.020	306.941.286.164

Đơn vị tính: VND

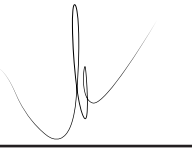
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.551.462.484	4.852.262.131
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	34	2.551.462.484	4.852.262.131
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		2.990.681.598	3.152.293.051
52	2. Chi phí lãi vay		368.827.899.540	436.245.477.652
60	Cộng chi phí tài chính	35	371.818.581.138	439.397.770.703
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		382.218.368	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	36	358.013.790.271	309.408.701.929
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		863.444.112.435	455.394.273.912
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		70.295.442	26.832.041.932
72	Chi phí khác		1.449.581.550	3.248.941.320
80	Cộng kết quả hoạt động khác	37	(1.379.286.108)	23.583.100.612

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		862.064.826.327	478.977.374.524
91	Lợi nhuận đã thực hiện		670.638.114.580	499.827.792.641
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		191.426.711.747	(20.850.418.117)
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	38	169.297.945.912	96.828.734.592
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.1	156.863.627.116	100.940.673.376
100.2	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	38.2	12.434.318.796	(4.111.938.784)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		692.766.880.415	382.148.639.932
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		692.766.880.415	382.148.639.932
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		3.322	1.832
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)		3.322	1.832


Bà Nguyễn Khánh Ly
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2021


Ông Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán Trưởng


Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

08. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		862.064.826.327	478.977.374.524
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		409.961.134.125	492.684.262.416
03	Khấu hao TSCĐ		20.138.319.816	20.716.375.564
04	Các khoản dự phòng		18.568.835.148	33.838.699.883
05	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(535.741.671)
06	Chi phí lãi vay		368.827.899.540	436.245.477.652
09	Các khoản điều chỉnh khác		2.426.079.621	2.419.450.988
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(67.029.484.412)	1.372.538.765
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(67.029.484.412)	1.372.538.765
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(124.397.227.337)	(3.246.916.760)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(124.397.227.337)	(3.246.916.760)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.080.599.248.703	969.787.258.945
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		363.557.937.247	(406.909.890.674)
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		856.713.266.339	(181.583.266.339)
33	Tăng các khoản cho vay			(304.597.792.031)
34	Tăng tài sản tài chính AFS			(396.028.651.474)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(78.628.572.053)	45.792.633.850
36	Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính		14.160.734.820	(104.391.129.475)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(31.668.149.564)	(1.790.669.656)
40	Tăng các tài sản khác		(7.243.537.521)	(25.731.222.337)
41	(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(3.831.062.947)	1.466.977.120
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		5.608.195.169	(8.478.742.842)
43	Thuế TNDN đã nộp		(138.835.667.283)	(78.926.809.123)
44	Lãi vay đã trả		(381.511.645.128)	(466.134.269.936)
46	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(97.311.073.991)	353.437.151.923
47	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		968.341.538	1.882.841.523
48	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		22.990.658.690	(5.282.652.984)
49	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		13.894.891.300	(3.289.839.376)
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		265.241.729.069	114.217.655.684
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.114.554.502.552)	(496.560.417.202)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(12.322.500.463)	(4.312.719.774)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	9.691.666
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(1.499.977.600)	(34.777.283.600)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	25.286.250.000
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.822.478.063)	(13.794.061.708)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		9.600.000	-
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(540.502.250)	(1.715.250)
73	Tiền vay gốc		131.729.124.766.675	183.184.482.060.977
73.2	- Tiền vay khác		131.729.124.766.675	183.184.482.060.977
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(129.224.452.853.111)	(182.766.675.072.848)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(129.224.452.853.111)	(182.766.675.072.848)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(120.992.778.729)	(104.092.915.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.383.148.232.585	313.712.357.879
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		254.771.251.970	(196.642.121.031)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	718.755.635.704	915.397.756.735
101.1	Tiền		716.755.635.704	507.397.756.735
101.2	Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	408.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	973.526.887.674	718.755.635.704
103.1	Tiền		887.704.080.066	716.755.635.704
103.2	Các khoản tương đương tiền		85.822.807.608	2.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		148.259.005.806.681	84.934.206.645.100
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(148.258.985.779.564)	(84.934.033.147.800)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nộp/(rút) số năm trước)		3.674.103.933.486	(539.158.230.236)
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		11.637.160.707.821	3.243.857.523.792
15	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(11.636.526.317.715)	(3.243.682.702.459)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		3.674.758.350.709	(538.809.911.603)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.454.312.340.839	1.993.122.252.442
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.454.312.340.839	1.993.122.252.442
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.073.591.272.173	1.523.092.253.747
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		378.912.315.900	468.569.564.560
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		265.353.239	91.855.939
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.543.399.527	1.368.578.196

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		5.129.070.691.548	1.454.312.340.839
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		5.129.070.691.548	1.454.312.340.839
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.6	2.925.509.462.557	1.073.591.272.173
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	29.6	2.201.299.041.600	378.912.315.900
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		285.380.356	265.353.239
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	29.7	1.976.807.035	1.543.399.527

Bà Nguyễn Khánh Ly
Người lập

Ông Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán Trưởng

Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm			
		Ngày 01/01/2019	VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019	VND		
				Tăng	VND	Giảm	Tăng			VND	
											Giảm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU											
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.982.929.852.653	3.248.001.358.074	439.072.590.047	(174.001.084.626)	743.446.410.447	(172.203.211.011)	3.248.001.358.074	3.819.244.557.510		
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.124.680.195.027	2.124.678.479.777	(1.715.250)	-	(540.502.250)	9.600.000	2.124.678.479.777	2.124.147.577.527		
1.1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.204.301.690.000	2.204.301.690.000	-	-	-	-	2.204.301.690.000	2.204.301.690.000		
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	29.2										
1.3. Cổ phiếu quỹ		121.224.048.620	121.224.048.620	-	-	-	(3.927.091)	121.224.048.620	121.220.121.529		
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		(200.845.543.593)	(200.847.258.843)	(1.715.250)	-	(540.502.250)	13.527.091	(200.847.258.843)	(201.374.234.002)		
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		90.351.911.844	110.445.504.860	20.093.593.016	-	25.610.016.141	-	110.445.504.860	136.055.521.001		
4. Lợi nhuận chưa phân phối		61.050.184.841	81.143.777.857	20.093.593.016	-	25.610.016.141	-	81.143.777.857	106.753.793.998		
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện		706.847.560.941	931.733.595.580	398.887.119.265	(174.001.084.626)	692.766.880.415	(172.212.811.011)	931.733.595.580	1.452.287.664.984		
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	29.1	794.851.251.780	1.036.475.765.752	398.887.119.265	(157.262.605.293)	513.774.487.463	(172.212.811.011)	1.036.475.765.752	1.378.037.442.204		
	29.1	(88.003.690.839)	(104.742.170.172)	-	(16.738.479.333)	178.992.392.952	-	(104.742.170.172)	74.250.222.780		
TỔNG CỘNG		2.982.929.852.653	3.248.001.358.074	439.072.590.047	(174.001.084.626)	743.446.410.447	(172.203.211.011)	3.248.001.358.074	3.819.244.557.510		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm		
		Thuyết minh	Ngày 01/01/2019	Ngày 01/01/2020	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020
			VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		-	-	-	-	-	-	-	-	
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		-	-	-	-	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG (I + II)		2.982.929.852.653	3.248.001.358.074	439.072.590.047	(174.001.084.626)	743.446.410.447	(172.203.211.011)	3.248.001.358.074	3.819.244.557.510	

Bà Nguyễn Khánh Ly
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Ông Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 101/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 31/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của công ty là 2.204.301.690.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.204.301.690.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Nam Định và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 931 người (31 tháng 12 năm 2019: 884 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.204.301.690.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 3.819.244.557.510 đồng và tổng tài sản là 14.976.084.312.101 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty cổ sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có hai (02) công ty con chi tiết như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UB-CK-GP ngày 4 tháng 3 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 02/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 3 năm 2017	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100%
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24 tháng 1 năm 2019	Cổng thông tin điện tử	20 tỷ đồng	100% (*)

(*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm 2020 của Công ty là 692.766.880.415 đồng, tăng 81,28% (tương ứng mức tăng 310.618.240.483 đồng) so với năm 2019 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường có sự tăng trưởng mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 42,75%, tương ứng với mức tăng 142.783.474.941 đồng, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới tăng nhẹ tương ứng với giá trị là 48.647.298.607 đồng. Ngoài ra, doanh thu lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong kỳ tăng 177,61%, tương ứng với giá trị tăng là 496.715.956.939 đồng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính năm

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ tài chính ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (Công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong năm hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
 - Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
- Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”), căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC và Thông tư 146/2014/TT-BTC.

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm	3 - 10 năm

4.14 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.17 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào “Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào “Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”).

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục “Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL” hoặc “Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL” tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức

độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tiền	887.704.080.066	716.755.635.704
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	887.619.634.699	716.611.603.855
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	84.445.367	144.031.849
Các khoản tương đương tiền	85.822.807.608	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	85.822.807.608	2.000.000.000
Tổng cộng	973.526.887.674	718.755.635.704

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	711.173.222	234.891.975
- Cổ phiếu	162.857.523	19.337.280
- Trái phiếu	478.651.424	176.132.022
- Chứng khoán khác	69.664.275	39.422.673
b. Của nhà đầu tư	19.342.845.024	827.873.858
- Cổ phiếu	18.526.522.872	263.630.718
- Trái phiếu	2.266.000	234.724
- Chứng khoán khác	814.056.152	564.008.416
Tổng cộng	20.054.018.246	1.062.765.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.2 Tài sản tài chính AFS

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu niêm yết	334.183.750.000	334.183.750.000	503.513.630.000	503.513.630.000
TD2035028	202.018.000.000	202.018.000.000	-	-
TD2030018	106.025.000.000	106.025.000.000	-	-
TD2030016	26.140.750.000	26.140.750.000	-	-
Trái phiếu niêm yết khác	-	-	503.513.630.000	503.513.630.000
Trái phiếu chưa niêm yết	602.553.985.170	602.553.985.170	171.364.100.115	171.364.100.115
CTG2030T2/01	450.457.500.000	450.457.500.000	-	-
CTG2028T2/01	50.457.500.000	50.457.500.000	-	-
CRE202001	39.451.600.000	39.451.600.000	-	-
GEX202004	17.936.647.784	17.936.647.784	-	-
GEX202002	11.655.172.638	11.655.172.638	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết khác	32.595.564.748	32.595.564.748	171.364.100.115	171.364.100.115
Chứng khoán vốn	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có 500 tỷ VND trái phiếu chưa niêm yết và 955 tỷ VND chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 76,4 tỷ VND chứng chỉ tiền gửi được phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành cho mục đích phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	3.266.200.000.000	5.547.838.125.244

Trong số tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, có 3.255 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 10 tỷ VND được phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành cho mục đích phát hành Chứng quyền có bảo đảm.

7.4 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	4.304.069.699.912	4.267.145.851.011	2.776.651.113.041	2.746.275.162.316
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán (2)	401.884.081.544	401.884.081.544	110.420.985.117	110.420.985.117
Các khoản phải thu khác	-	-	9.680.000.000	9.680.000.000
Tổng cộng	4.705.953.781.456	4.669.029.932.555	2.887.072.098.158	2.856.696.147.433

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 8.519 tỷ VND và 10.749 tỷ VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 15.853 tỷ VND và 15.102 tỷ VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng riêng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Đơn vị tính: VND			
	Chênh lệch đánh giá				Số cuối năm			
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	1.108.061.981.608	127.302.899.640	181.666.671.827	1.053.698.209.421	1.495.084.320.552	6.130.205.332	275.385.090.965	1.225.829.434.919
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	764.704.882.550	94.805.724.451	134.803.243.761	724.707.363.240	854.125.267.033	4.801.085.684	167.640.714.787	691.285.637.930
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	343.357.099.058	32.497.175.189	46.863.428.066	328.990.846.181	640.959.053.519	1.329.119.648	107.744.376.178	534.543.796.989
AFS	2.963.437.667.357	-	-	2.963.437.667.357	783.059.553.715	-	-	783.059.553.715
Trái phiếu niêm yết	334.183.750.000	-	-	334.183.750.000	503.513.630.000	-	-	503.513.630.000
Trái phiếu chưa niêm yết	602.553.985.170	-	-	602.553.985.170	171.364.100.115	-	-	171.364.100.115
Chứng khoán vốn	-	-	-	-	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	2.026.699.932.187	-	-	2.026.699.932.187	100.681.823.600	-	-	100.681.823.600
Tổng cộng	4.071.499.648.965	127.302.899.640	181.666.671.827	4.017.135.876.778	2.278.143.874.267	6.130.205.332	275.385.090.965	2.008.888.988.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	71.941.573.394	52.090.528.890
- Dự phòng riêng	36.923.848.901	30.737.907.784
- Dự phòng chung	35.017.724.493	21.352.621.106
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	1.641.491.356
Tổng cộng	71.941.573.394	53.732.020.246

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	103.132.259.392	24.503.687.339
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	168.978.082.647	183.138.817.467
Trong đó: các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	168.978.082.647	183.138.817.467
3. Trả trước cho người bán	28.682.411.877	5.232.852.538
4. Các khoản phải thu khác	18.188.741.009	9.984.706.619
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(5.022.496.429)	(4.663.214.429)
Tổng cộng	313.958.998.496	218.196.849.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tạm ứng	2.026.345.183	1.986.563.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.287.241.282	1.025.410.390
• Chi phí thuê văn phòng	84.902.876	716.192.837
• Chi phí phần mềm	972.355.567	280.387.083
• Chi phí hoa hồng môi giới dịch vụ đầu tư ủy thác	202.500.000	-
• Chi phí khác	27.482.839	28.830.470
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.356.646.001	2.838.830.443
Thuế GTGT được khấu trừ	30.971.290	16.415.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	114.236.335	114.236.335
Tài sản ngắn hạn khác	7.316.325.000	-
Tổng cộng	14.131.765.091	5.981.456.340

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.530.000.000.000	105.075.141.095
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm (1)	1.530.000.000.000	105.075.141.095
Đầu tư dài hạn khác	12.991.011.200	11.491.033.600
• Công ty Cổ phần giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	4.600.000.000	4.600.000.000
• Công ty Cổ phần Stringee	8.391.011.200	6.891.033.600
Tổng cộng	1.542.991.011.200	116.566.174.695

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong số tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm có 1.530 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn của Công ty.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Đơn vị tính: VND)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	23.766.129.409	84.714.388.851	108.480.518.260
Tăng trong năm	598.900.000	4.381.537.000	4.980.437.000
Mua mới trong năm	-	4.381.537.000	4.381.537.000
Tăng khác	598.900.000	-	598.900.000
Phân loại lại	(2.052.902.926)	2.052.902.926	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	22.312.126.483	91.148.828.777	113.460.955.260
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	12.665.833.816	53.893.308.493	66.559.142.309
Tăng trong năm	2.394.637.189	10.237.103.992	12.631.741.181
Khấu hao trong năm	2.394.637.189	10.237.103.992	12.631.741.181
Phân loại lại	(1.129.574.685)	1.129.574.685	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	13.930.896.320	65.259.987.170	79.190.883.490
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.100.295.593	30.821.080.358	41.921.375.951
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	8.381.230.163	25.888.841.607	34.270.071.770

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.069.387.059	29.794.602.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Đơn vị tính: VND)

	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	86.631.691.707
Tăng trong năm	2.922.442.038
Mua mới trong năm	604.290.000
Tăng khác	2.318.152.038
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	89.554.133.745
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	72.053.868.137
Tăng trong năm	7.506.578.635
Hao mòn trong năm	7.506.578.635
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	79.560.446.772
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	14.577.823.570
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	9.993.686.973

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.785.816.760	49.599.196.254

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Chi phí phát triển phần mềm	6.259.360.445	2.352.943.020
Chi phí xây dựng cơ bản khác	1.013.204.000	500.000.000
Tổng cộng	7.272.564.445	2.852.943.020

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Chi phí trả trước dài hạn dịch vụ	10.630.253.155	15.221.925.351
- Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng	3.749.550.673	6.422.463.008
- Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	3.481.444.929	3.215.502.261
- Chi phí phần mềm	2.200.966.167	5.013.350.956
- Chi phí khác	1.198.291.386	570.609.126
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	2.696.320.758	3.974.674.623
	13.326.573.913	19.196.599.974

16. TÀI SẢN/ PHẢI TRẢ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản/ phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/ tính thuế của các khoản mục sau đây:

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	18.494.128.402	19.788.798.902
Số dư cuối năm	18.494.128.402	19.788.798.902
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính	13.015.078.715	1.875.430.419
Số dư cuối năm	13.015.078.715	1.875.430.419

17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đặt cọc mua bất động sản (1)	80.000.000.000	80.000.000.000
Tiền đặt cọc khác	1.202.973.125	1.860.960.625
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh	15.027.602.977	15.000.000.000
• Tiền nộp ban đầu	15.000.000.000	15.000.000.000
• Tiền lãi phân bổ	27.602.977	108.695.512
• Tiền rút về	-	(108.695.512)
Tổng cộng	96.240.576.102	96.870.960.625

(1) Tiền đặt cọc theo dự án mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty.

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
• Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	-	50.480.000.000	Vay ngắn hạn
• Tài sản tài chính AFS (tính theo mệnh giá)	1.455.000.000.000	-	Vay ngắn hạn
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	3.255.000.000.000	5.571.800.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	1.530.000.000.000	-	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	6.240.000.000.000	5.622.280.000.000	

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc		
Số dư đầu năm	24.194.509.882	24.194.509.882
Số dư cuối năm	24.194.509.882	24.194.509.882
• Giá trị hao mòn lũy kế		
• Số dư đầu năm	7.238.467.066	4.819.016.078
• Phân bổ trong năm	2.426.079.621	2.419.450.988
Số dư cuối năm	9.664.546.687	7.238.467.066
Giá trị ghi sổ		
Số dư đầu năm	16.956.042.816	19.375.493.804
Số dư cuối năm	14.529.963.195	16.956.042.816

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(Đơn vị tính: VND)

	Lãi suất vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
	%/năm	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	0,00 - 9,50%	6.553.608.086.436	131.429.124.766.675	128.524.452.853.111	9.458.280.000.000
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		1.725.727.138.827	67.379.577.999.545	67.580.305.138.372	1.525.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		1.285.900.000.000	6.067.210.000.000	5.974.100.000.000	1.379.010.000.000
• Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		437.000.000.000	6.259.300.000.000	5.346.300.000.000	1.350.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		300.000.000.000	4.892.500.000.000	4.192.500.000.000	1.000.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		178.425.947.609	12.166.670.829.416	11.706.496.777.025	638.600.000.000
• Ngân hàng TNHH Indovina		390.000.000.000	9.000.000.000.000	8.790.000.000.000	600.000.000.000
• Ngân hàng Woori Bank		-	2.500.000.000.000	1.900.000.000.000	600.000.000.000
• Ngân hàng Maybank Vietnam		576.555.000.000	7.275.341.828.125	7.276.226.828.125	575.670.000.000
• Khác		1.660.000.000.000	15.888.524.109.589	15.758.524.109.589	1.790.000.000.000
Tổng cộng		6.553.608.086.436	131.429.124.766.675	128.524.452.853.111	9.458.280.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

22. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	600.000.000.000	700.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	103.641.000.000	403.641.000.000
Tổng cộng	703.641.000.000	1.103.641.000.000

Trong năm 2019, Công ty đã phát hành riêng lẻ đợt 2: 3 triệu trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm, lãi suất thả nổi với lãi suất năm đầu tiên là 9,5%/năm; đợt 3: 797.410 trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 10 năm, lãi suất cố định 9,8%/năm và đợt 4: 239.000 trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 10 năm, lãi suất cố định 9,8%/năm, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu để bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và chứng chỉ tiền gửi.

Trong năm 2020, Công ty đã phát hành riêng lẻ đợt 1: 3 triệu trái phiếu không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm, lãi suất thả nổi với lãi suất năm đầu tiên là 9,0%/năm, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu để bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và chứng chỉ tiền gửi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các trái phiếu phát hành chịu lãi suất từ 9,00%/năm - 9,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 : từ 9,50%/năm - 9,80%/năm)

(Đơn vị tính: Chứng chuyển)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng chứng quyền được phép phát hành		
CMBB2008	3.000.000	-
CMSN2010	1.500.000	-
CHPG2020	1.000.000	-
CFPT2010	1.000.000	-
CMWG2013	1.000.000	-
CSTB2011	5.000.000	-
CTCB2009	3.000.000	-
CVNM2012	1.000.000	-
CVPB2010	2.000.000	-
CMBB2008	561.670	-
CMSN2010	68.290	-
CHPG2020	988.500	-
CFPT2010	283.870	-
CMWG2013	37.760	-
CSTB2011	1.715.520	-
CTCB2009	1.561.470	-
CVNM2012	999.990	-
CVPB2010	79.580	-

23. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSD	14.503.342.383	4.126.631.230
Phải trả mua các tài sản tài chính (1)	344.840.563.993	503.554.775.000
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (2)	54.021.603.844	5.704.828.138
Tổng cộng	413.365.510.220	513.386.234.368

1) Phải trả ngày T+0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

(2) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, số lượng chứng quyền do công ty phát hành như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

24. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Thực phẩm Homefood	2.500.000.000	-
Công ty CP Giải pháp phần mềm tài chính	531.000.000	310.707.500
Công ty TNHH XD Trang trí nội thất Thăng Tam	-	52.855.552
CTCP Xây dựng TC 289	-	51.616.350
Công ty TNHH Chống thấm AWA	46.496.182	46.496.182
Công ty TNHH xây lắp công trình An Khang	38.967.900	-
Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Nguyễn Gia	27.222.727	-
Các tổ chức trong nước khác	129.422.528	101.783.596
Tổng cộng	3.273.109.337	563.459.180

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.114.249.352	438.019.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.666.394.152	41.638.434.319
Thuế thu nhập cá nhân	33.536.184.267	11.221.755.880
Tổng cộng	94.316.827.771	53.298.209.248

08. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
I	Thuế	438.019.049	4.657.364.923		
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	438.019.049	4.657.364.923	3.981.134.620	1.114.249.352
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 38.1)	41.638.434.319	156.863.627.116	138.835.667.283	59.666.394.152
3	Thuế thu nhập cá nhân	11.221.755.880	191.837.643.213	138.835.667.283	59.666.394.152
4	Các loại thuế khác	53.298.209.248	354.255.573.453	896.938.201	-
	Tổng cộng	-	896.938.201	896.938.201	-
		53.298.209.248	354.255.573.453	313.236.954.930	94.316.827.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng	15.040.101.490	40.392.077.417
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	27.962.108.610	21.414.887.416
Các khoản khác	3.407.933.883	1.117.987.685
Tổng cộng	46.410.143.983	62.924.952.518

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (1)	377.740.519.393	105.207.430.358
Phải trả khác	1.012.868.753	1.334.572.791
Tổng cộng	378.753.388.146	106.542.003.149

(1) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Lợi nhuận chưa phân phối

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Lợi nhuận đã thực hiện	1.378.037.442.204	1.036.475.765.752
Lãi/ (Lỗ) chưa thực hiện	74.250.222.780	(104.742.170.172)
Tổng cộng	1.452.287.664.984	931.733.595.580

28.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: VND)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.204.301.690.000	121.224.048.620	(200.847.258.843)	110.445.504.860	81.143.777.857	931.733.595.580	3.248.001.358.074
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	692.766.880.415	692.766.880.415
Mua cổ phiếu quỹ	-	(3.927.091)	(526.975.159)	-	-	-	(530.902.250)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% LNST theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)	-	-	-	25.610.016.141	-	(25.610.016.141)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% LNST theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	25.610.016.141	(25.610.016.141)	-
Trích quỹ thưởng kinh doanh năm 2019 theo QĐ của CTHĐQT	-	-	-	-	-	(16.732.330.229)	(16.732.330.229)
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt theo QĐ của CTHĐQT	-	-	-	-	-	(104.260.448.500)	(104.260.448.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.204.301.690.000	121.220.121.529	(201.374.234.002)	136.055.521.001	106.753.793.998	1.452.287.664.984	3.819.244.557.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

28.3 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: VND)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2020 và 1/1/2019)	1.036.475.765.752	794.851.251.780
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2020 và 31/12/2019)	-	(104.742.170.172)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	513.774.487.463	398.887.119.265
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm((4)=(1)+(2)+(3))	1.550.250.253.215	1.088.996.200.873
Số trích từ lợi nhuận	(67.952.362.511)	(52.731.932.170)
- Quỹ dự trữ vốn và điều lệ	(25.610.016.141)	(20.093.593.016)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(25.610.016.141)	(20.093.593.016)
- Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	(16.732.330.229)	(12.544.746.138)
5. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(104.260.448.500)	(104.092.915.000)
Truy thu thuế TNDN	-	(437.758.123)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	1.378.037.442.204	931.733.595.580

28.4 Cổ phiếu

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	220.430.169	220.430.169
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	220.430.169	220.430.169
Cổ phiếu phổ thông	220.430.169	220.430.169
Số lượng cổ phiếu quỹ	(11.909.403)	(11.864.808)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(11.909.403)	(11.864.808)
Cổ phiếu phổ thông	(11.909.403)	(11.864.808)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	208.520.766	208.565.361
-	208.520.766	208.565.361

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

29.1 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của CTCK

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	202.414.608.000	416.697.016.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	139.160.550.000	7.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	91.225.964.000	9.196.582.000
Tổng cộng	432.801.122.000	432.893.598.000

29.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	174.310.000	4.350.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	-
Tổng cộng	174.310.000	4.350.000

29.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	10.282.980.200	6.354.506.000
Trái phiếu	-	450.000.000.000
Tổng cộng	10.282.980.200	456.354.506.000

29.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	94.457.800.000	101.000.000.000
Cổ phiếu	91.269.500.000	322.317.230.000
Trái phiếu	599.300.100.000	159.681.100.000
Tổng cộng	785.027.400.000	582.998.330.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

29.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	2.239.432.423.600	277.909.615.800

29.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.926.707.059.592	1.073.908.391.700
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.767.845.823.887	955.764.662.383
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	158.861.235.705	118.143.729.317
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	2.201.299.041.600	378.912.315.900
Tổng cộng	5.128.006.101.192	1.452.820.707.600

29.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	779.210.000	1.226.280.000

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

30.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
		Đơn vị	VND/đơn vị	VND	VND	VND	VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	36.048.547	28.733	1.035.780.083.633	975.649.743.823	60.130.339.810	54.778.324.453
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	31.439.901	11.627	365.564.214.309	282.396.967.080	83.167.247.229	8.382.302.090
3	Trái phiếu niêm yết	82.640.000	107.573	8.889.872.220.000	8.835.854.260.000	54.017.960.000	25.691.436.000
4	Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chưa niêm yết	94.797.423	971.111	92.058.858.346.327	91.729.402.574.267	329.455.772.060	134.288.510.512
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	46.794.459.239	24.073.596.000
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	27.906.670	2.296	64.060.805.505	80.886.148.271	16.825.342.766	3.772.045.653
	Tổng cộng	272.832.541		102.414.135.669.774	101.904.189.693.441	590.391.121.104	250.986.214.708

30.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
		Đơn vị	VND/đơn vị	VND	VND	VND	VND
I	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	23.444.695	34.704	813.632.520.890	931.117.598.158	117.485.077.268	29.097.221.445
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.957.710	13.108	25.662.171.300	48.259.534.762	22.597.363.462	5.958.219.664
3	Trái phiếu niêm yết	33.750.000	108.024	3.645.815.610.000	3.653.464.570.000	7.648.960.000	8.215.520.000
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	35.483.057	270.939	9.613.742.472.014	9.766.288.263.441	152.545.791.427	41.899.863.962
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	36.739.353.000	6.037.944.000
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	26.428.530	5.901	155.962.308.401	136.116.407.249	19.845.901.152	5.790.107.928
	Tổng cộng	121.063.992		14.254.815.082.605	14.535.246.373.610	356.862.446.309	96.998.876.999

30.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	1.108.061.981.608	1.053.698.209.421	(54.363.772.187)	(262.902.047.245)	208.538.275.058	127.644.144.097	(80.894.130.961)
1	Cổ phiếu và chứng khoán khác niêm yết	764.704.882.550	724.707.363.240	(39.997.519.310)	(156.480.854.661)	116.483.335.351	96.477.961.268	(20.005.374.083)
2	Cổ phiếu và chứng khoán khác chưa niêm yết	343.357.099.058	328.990.846.181	(14.366.252.877)	(106.421.192.584)	92.054.939.707	31.166.182.829	(60.888.756.878)
	Tổng cộng	1.108.061.981.608	1.053.698.209.421	(54.363.772.187)	(262.902.047.245)	208.538.275.058	127.644.144.097	(80.894.130.961)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

30.3 Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

STT	Danh mục các loại chứng quyền công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại Chứng quyền							
1	CFPT2010	2.041.309.170	2.591.733.100	550.423.930	-	550.423.930	(550.423.930)	-
2	CHPG2020	12.975.051.000	18.761.730.000	5.786.679.000	-	5.786.679.000	(5.786.679.000)	-
3	CMBB2008	3.514.930.860	3.965.390.200	450.459.340	-	450.459.340	(450.459.340)	-
4	CMSN2010	1.055.217.080	1.171.173.500	115.956.420	-	115.956.420	(115.956.420)	-
5	CMWG2013	558.092.800	594.342.400	36.249.600	-	36.249.600	(36.249.600)	-
6	CSTB2011	5.233.588.504	5.391.416.344	157.827.840	-	157.827.840	(157.827.840)	-
7	CTCB2009	8.658.351.150	15.099.414.900	6.441.063.750	-	6.441.063.750	(6.441.063.750)	-
8	CVNM2012	5.497.945.020	5.699.943.000	201.997.980	-	201.997.980	(201.997.980)	-
9	CVPB2010	715.424.200	746.460.400	31.036.200	-	31.036.200	(31.036.200)	-
	Tổng cộng	40.249.909.784	54.021.603.844	13.771.694.060	-	13.771.694.060	(13.771.694.060)	-



30.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	61.600.930.163	26.812.728.962
Từ tài sản tài chính HTM	381.018.448.651	396.374.282.365
Từ các khoản cho vay và phải thu	361.359.361.848	407.908.597.611
Từ tài sản tài chính AFS	54.996.572.396	19.771.944.431
Tổng cộng	858.975.313.058	850.867.553.369

31. CHI PHÍ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	19.851.044.505	29.687.545.696
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(1.774.314.137)	1.641.491.357
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khó đòi	419.282.000	2.732.265.878
Tổng cộng	18.496.012.368	34.061.302.931

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phí quản lý tài sản	534.322.679	1.505.555.556
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	1.518.749.991	-
Doanh thu quản lý quỹ mở	1.773.346.478	1.303.462.537
Doanh thu từ hoạt động bán bảo hiểm nhân thọ	500.788.845	-
Doanh thu phí dịch vụ tài chính khác	5.176.471.510	2.512.209.856
Tổng cộng	9.503.679.503	5.321.227.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	194.472.630.819	145.825.332.212
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.248.541.264	14.251.552.041
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	24.345.941.481	14.152.050.920
Tổng cộng	235.067.113.564	174.228.935.173

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	101.806.843.217	71.630.223.026
Chi phí hoạt động lưu ký	16.248.541.264	14.251.552.041
Chi phí hoa hồng môi giới	89.201.450.082	70.392.532.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.723.791.306	11.593.041.225
Chi phí khác	14.086.487.695	6.361.586.158
Tổng cộng	235.067.113.564	174.228.935.173

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.535.350.159	4.836.938.048
Doanh thu phân bổ lãi phái sinh	16.112.325	15.324.083
Tổng cộng	2.551.462.484	4.852.262.131

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.152.293.051
Chi phí lãi vay ngắn hạn	368.827.899.540	436.245.477.652
Tổng cộng	371.818.581.138	439.397.770.703

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	217.451.173.058	206.950.110.702
Chi phí văn phòng phẩm	462.823.843	641.500.945
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.898.964.914	4.907.287.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.636.946.936	20.716.375.564
Chi phí thuê văn phòng	56.659.380.795	26.602.291.726
Chi phí thuế, phí và lệ phí	418.303.201	209.847.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.060.117.903	46.702.531.723
Chi phí khác	2.426.079.621	2.678.756.405
Tổng cộng	358.013.790.271	309.408.701.929

37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	70.295.442	26.832.041.932
Chi phí khác	(1.449.581.550)	(3.248.941.320)
Chi phí phạt nghĩa vụ thuế	(7.997.487)	(1.526.395.825)
Chi phí khác	(1.441.584.063)	(1.722.545.495)
Tổng cộng	(1.379.286.108)	23.583.100.612

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	862.064.826.327	478.977.374.524
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(81.448.233.296)	25.470.873.337
Các khoản điều chỉnh tăng	37.551.934.812	53.428.829.134
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	17.018.610.820	-
• Chi phí dự phòng chứng khoán trong năm cho mục đích tính thuế	-	18.629.815.533
• Chi phí dự phòng các khoản cho vay	20.270.326.505	33.122.617.776
• Chi phí không được trừ thuế	262.997.487	1.676.395.825
Các khoản điều chỉnh giảm	(119.000.168.108)	(27.957.955.797)
• Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(33.887.496.659)	(26.812.728.962)
• Thu nhập về cổ phiếu thưởng	(3.324.360.000)	(4.791.750.000)
• Chi phí dự phòng chứng khoán trong năm cho mục đích tính thuế	(72.716.852.201)	-
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	-	(702.806.201)
• Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay	-	(3.246.916.760)
• Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(9.071.459.248)	7.596.246.126
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	780.616.593.031	504.448.247.861
Thu nhập chịu thuế của VNDIRECT	783.623.842.374	504.638.662.236
(Lỗ)/thu nhập chịu thuế của công ty con IPPAM	(2.803.601.760)	(255.119.019)
(Lỗ)/thu nhập chịu thuế của công ty con IVND	(203.647.583)	64.704.644
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	156.724.768.475	100.940.673.376
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành của VNDIRECT	156.724.768.475	100.927.732.447
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành của IVND	-	12.940.929
Thuế TNDN phải trả đầu năm	41.524.197.984	19.433.696.195
Truy thu thuế trong năm	138.858.641	437.758.123
Thuế TNDN đã trả trong năm	(138.835.667.283)	(79.287.929.710)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	59.552.157.817	41.524.197.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

38.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	19.788.798.902	15.301.984.520
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại TSTC FVTPL	(1.294.670.500)	4.486.814.382
Số dư cuối năm	18.494.128.402	19.788.798.902
Phải trả thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	1.875.430.419	4.952.004.173
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại TSTC FVTPL	14.543.370.460	(3.725.957.105)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	(3.403.722.164)	649.383.351
Số dư cuối năm	13.015.078.715	1.875.430.419

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	15.838.040.960	(4.761.322.135)
Thuế TNDN hoãn lại do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(3.403.722.164)	649.383.351
Chi phí/ (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	12.434.318.796	(4.111.938.784)

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2019. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	692.766.880.415	382.148.639.932
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	208.534.492	208.565.361
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	3.322	1.832

40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

(Đơn vị tính: VND)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Ong Trung ương	Giám đốc Tài chính của Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH MTV Tài chính I.P.A	Thành viên HĐQT công ty đồng thời là Chủ tịch bên liên quan, cổ đông lớn
Công ty CP Năng lượng Bắc Hà	Thành viên HĐQT công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Thành viên HĐQT công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty CP Thực phẩm HOMEFOOD	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành vận hành
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

40.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau: (Đơn vị tính: VND)

Công ty liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	Doanh thu/ (chi phí)
Công ty TNHH MTV Tài chính I.P.A	Nhận góp vốn đầu tư	561.883.540.000	561.883.540.000	-
	Doanh thu phí	-	-	26.258.933
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(1.273.935)
	Nhận cổ tức VND	-	-	28.094.177.000
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	135.311.552	42.861.053	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	Chi phí thuê văn phòng	-	-	(5.162.651.976)
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	1.466.195.705	1.059.847.794	-
	Đặt cọc thuê nhà	3.928.899.390	-	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(270.961.611)
	Doanh thu phí khác	-	-	14.462.597
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Đầu tư cổ phiếu (mệnh giá)	-	132.160.550.000	-
	Cổ tức VND	-	-	-
	Doanh thu phí	-	-	(455.352.587)
	Phải trả giao dịch chứng khoán	-	(321.159.752)	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(6.615.455)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Tài khoản giao dịch chứng khoán	172.919.119	251.212.729	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(441.124.158)
	Phải thu lãi chứng khoán	-	78.369.367	-
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	7.610.091.909	457.225	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(29.280.272)
CTCP Hòn Ngọc Á Châu	Tài khoản giao dịch chứng khoán	2.470.937	2.190.665	-

40.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(Đơn vị tính: VND)

Công ty liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	Doanh thu/ (chi phí)
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Trả lãi tiền gửi	-	-	(216.376)
	Doanh thu phí	-	-	108.663
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	89.638.964	17.966.251	-
CTCP Thực phẩm HOMEFOOD	Chi phí thuê/quản lý văn phòng	-	-	(884.400.000)
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(784)
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	527.394	525.816	-
Công ty CP Ong Trung ương	Chi phí hoạt động	-	-	(7.998.210.000)
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	2.820.254	2.411.052.228	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(76.560.196)
	Chi phí thuê/quản lý văn phòng	-	-	(360.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

40.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(Đơn vị tính: VND)

Công ty liên quan	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	Doanh thu/ (chi phí)
Bà Phạm Minh Hương	Sở hữu cổ phiếu (mệnh giá)	64.144.590.000	64.144.590.000	-
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	358.486.328	22.111.211	-
	Thù lao HĐQT	-	-	(84.000.000)
	Nhận cổ tức VND	-	-	3.046.868.025
	Doanh thu phí	-	-	21.835.858
Ông Vũ Hiền	Sở hữu cổ phiếu (mệnh giá)	1.800.000	1.800.000	-
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	4.057.825.519	3.017.023.829	-
	Thù lao HĐQT	-	-	(84.000.000)
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(168.397.702)
	Nhận cổ tức VND	-	-	85.500
	Doanh thu phí	-	-	6.208.907

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	9.656.792.489	6.442.937.376

40.2 Thông tin báo cáo bộ phận

THÔNG TIN BÁO CÁO CÁC BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	551.261.480.746	831.385.850.999	754.432.952.486	70.295.443	2.137.150.579.674
2. Các chi phí trực tiếp	210.721.172.083	289.858.456.089	390.314.593.506	26.177.741.398	917.071.963.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	340.540.308.663	541.527.394.910	364.118.358.980	(26.107.445.955)	1.220.078.616.598
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	7.014.723.081	3.531.166.444	335.376.802	347.132.523.944	358.013.790.271
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	333.525.585.582	537.996.228.466	363.782.982.178	(373.239.969.899)	862.064.826.327
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản phân bổ	-	4.083.344.287.270	10.644.658.751.777	-	14.728.003.039.047
Tài sản không phân bổ	-	-	-	248.081.273.054	248.081.273.054
Tổng tài sản	-	4.083.344.287.270	10.644.658.751.777	248.081.273.054	14.976.084.312.101
Nợ phải trả bộ phận	-	413.365.510.220	10.743.474.244.371	-	11.156.839.754.591
Tổng công nợ	-	413.365.510.220	10.743.474.244.371	-	11.156.839.754.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

THÔNG TIN BÁO CÁO CÁC BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

(Đơn vị tính: VND)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
1.Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	397.240.396.556	299.445.266.096	814.456.370.056	26.832.041.932	1.537.974.074.640
2. Các chi phí trực tiếp	160.076.884.253	98.651.048.060	473.459.073.634	17.400.992.240	749.587.998.187
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	237.163.512.303	200.794.218.036	340.997.296.422	9.431.049.692	788.386.076.453
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	121.745.058.799	28.551.404.674	3.818.758.577	155.293.479.879	309.408.701.929
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	115.418.453.504	172.242.813.362	337.178.537.845	(145.862.430.187)	478.977.374.524
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản phân bổ	-	1.979.660.655.727	9.441.879.817.668	-	11.421.540.473.395
Tài sản không phân bổ	-	-	-	260.191.379.526	260.191.379.526
Tổng tài sản	-	1.979.660.655.727	9.441.879.817.668	260.191.379.526	11.681.731.852.921
Nợ phải trả bộ phận	-	513.386.234.368	7.920.344.260.479	-	8.433.730.494.847
Tổng công nợ	-	513.386.234.368	7.920.344.260.479	-	8.433.730.494.847



40.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

(Đơn vị tính: VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	344.771.350	344.771.350
Trên 1 - 5 năm	77.714.589.030	92.312.007.165
Tổng cộng	78.059.360.380	92.656.778.515

40.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 5.000 tỷ VND và 31 tháng 12 năm 2019 là 1.233 tỷ VND.

40.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Điều hành giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL) là 724.707.263.240 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Điều hành.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.3 và Thuyết minh số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

(Đơn vị tính: VND)

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	>210 ngày
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.877.392.098.158	28.501.184.788	2.703.985.326.516	77.753.738.879	43.686.050.859	244.553.234	23.221.243.882
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.705.953.781.456	29.032.355.158	4.631.317.312.249	25.878.486.909	816.481.370	230.968.468	18.678.177.302

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

(Đơn vị tính: VND)

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2020						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	898.026.887.674	75.500.000.000	-	-	973.526.887.674
Tài sản tài chính	45.604.114.049	4.419.019.958.322	7.524.665.585.863	1.530.000.000.000	12.991.011.200	13.532.280.669.434
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	1.053.698.209.421	-	-	-	1.053.698.209.421
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	3.266.200.000.000	1.530.000.000.000	-	4.796.200.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	45.604.114.049	401.884.081.544	4.258.465.585.863	-	-	4.705.953.781.456
Sẵn sàng để bán	-	2.963.437.667.357	-	-	-	2.963.437.667.357
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	12.991.011.200	12.991.011.200
Tài sản khác	5.022.496.429	259.768.359.453	-	51.536.323.188	-	316.327.179.070
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	3.356.646.001	-	-	-	3.356.646.001
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	5.022.496.429	116.298.503.972	-	-	-	121.321.000.401
Tài sản khác	-	140.113.209.480	-	-	-	140.113.209.480
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	51.536.323.188	-	51.536.323.188
Tổng cộng	50.626.610.478	5.576.815.205.449	7.600.165.585.863	1.581.536.323.188	12.991.011.200	14.822.134.736.178
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	9.458.280.000.000	-	-	9.458.280.000.000
Trái phiếu phát hành	-	-	600.000.000.000	103.641.000.000	-	703.641.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	413.365.510.220	-	-	-	413.365.510.220
Chi phí phải trả	-	-	46.410.143.983	-	-	46.410.143.983
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	94.316.827.771	-	-	-	94.316.827.771
Phải trả, phải nộp khác	-	416.427.649.227	-	-	-	416.427.649.227
Tổng cộng	-	924.109.987.218	10.104.690.143.983	103.641.000.000	-	11.132.441.131.201
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	50.626.610.478	4.652.705.218.231	(2.504.524.558.120)	1.477.895.323.188	12.991.011.200	3.689.693.604.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP THEO)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 5.740 tỷ VND.

Trong sổ cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có chứng khoán nào là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Trong sổ trái phiếu chưa niêm yết và chứng khoán khác thuộc tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 500 tỷ VND được sử dụng là tài sản đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

41.1 Trình bày lại dữ liệu

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã phân loại lại một số chỉ tiêu liên quan đến dữ liệu so sánh để điều chỉnh lại sai sót kế toán năm trước, chi tiết như sau:

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm (Số trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Số sau điều chỉnh)
111.1	Tiền	611.548.205.346	105.207.430.358	716.755.635.704
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.494.861.717.504	(269.032.282.585)	1.225.829.434.919
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(322.764.302.831)	269.032.282.585	(53.732.020.246)
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	183.712.419.522	(573.602.055)	183.138.817.467
122	Các khoản phải thu khác	10.035.246.347	(50.539.728)	9.984.706.619
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	12.048.535.591	(11.023.125.201)	1.025.410.390
136	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	114.236.335	114.236.335
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	500.000.000	2.352.943.020	2.852.943.020
252	Chi phí trả trước dài hạn	10.526.417.793	8.670.182.181	19.196.599.974
329	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.334.572.791	105.207.430.358	106.542.003.149
417	Lợi nhuận chưa phân phối	932.243.501.028	(509.905.448)	931.733.595.580

Trích từ các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm (Số trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Số sau điều chỉnh)
026	Tiền gửi của khách hàng	1.559.519.771.197	(105.207.430.358)	1.454.312.340.839
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.179.115.822.058	(105.207.430.358)	1.073.908.391.700
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.557.976.371.670	(105.207.430.358)	1.452.768.941.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	Chi tiêu	Số đầu năm (Số trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Số sau điều chỉnh)
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	391.388.941.607	4.985.340.758	396.374.282.365
04	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	20.345.546.486	(573.602.055)	19.771.944.431
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	882.325.938	882.325.938
11	Thu nhập hoạt động khác	6.203.553.887	(882.325.938)	5.321.227.949
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	154.992.042.374	(9.166.710.162)	145.825.332.212
32	Chi phí dịch vụ khác	-	14.152.050.920	14.152.050.920
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	101.004.369.983	(63.696.607)	100.940.673.376

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	Chi tiêu	Số đầu năm (Số trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Số sau điều chỉnh)
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN	479.550.976.579	(573.602.055)	478.977.374.524
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(104.964.731.530)	573.602.055	(104.391.129.475)
50	Tăng phải trả, phải nộp khác	9.010.225.326	105.207.430.358	114.217.655.684
103.1	Tiền	611.548.205.346	105.207.430.358	716.755.635.704

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

(Đơn vị tính: VND)

Mã số	Chi tiêu	Số đầu năm (Số trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Số sau điều chỉnh)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nộp/(rút) số năm trước)	(433.950.799.878)	(105.207.430.358)	(539.158.230.236)
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.178.798.702.531	(105.207.430.358)	1.073.591.272.173

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà Nguyễn Khánh Ly
Người lập

Ông Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2021